



BÁO CÁO

**Đánh giá hiệu quả của các Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp
bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19**

Tháng 4, 2023

BÁO CÁO NÀY ĐƯỢC THỰC HIỆN VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA CƠ QUAN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ HOA KỲ (USAID) THÔNG QUA DỰ ÁN HỖ TRỢ THÚC ĐẨY CẢI CÁCH VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC KẾT NỐI CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (LINKSME). NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO NÀY KHÔNG PHẢN ÁNH QUAN ĐIỂM CỦA USAID HAY CHÍNH PHỦ HOA KỲ.

MỤC LỤC

1	GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO	6
1.1	Bối cảnh, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu	6
1.1.1	Bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu	6
1.1.2	Phạm vi nghiên cứu	6
1.2	Phương pháp nghiên cứu	7
1.3	Cấu trúc của Báo cáo	8
2	ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VÀ MỨC ĐỘ PHỤC HỒI SAU DỊCH BỆNH COVID-19	9
2.1.1	Tình hình chung	9
2.1.2	Khó khăn của doanh nghiệp trong giai đoạn 2022-2023	10
2.1.3	Kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022-2023	12
3	MỨC ĐỘ TIẾP CẬN VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ	16
3.1	Đánh giá chung	16
3.2	Chính sách/gói hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí	18
3.2.1	Mô tả chính sách/gói hỗ trợ	18
3.2.2	Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí	19
3.2.3	Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí	23
3.3	Chính sách/gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng	27
3.3.1	Mô tả chính sách/gói hỗ trợ	27
3.3.2	Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng	28
3.3.3	Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng	33
3.4	Chính sách/gói hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH	39
3.4.1	Mô tả chính sách/gói hỗ trợ	39
3.4.2	Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH	40
3.4.3	Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH	45
3.5	Chính sách hỗ trợ liên quan đến thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng ..	49
3.5.1	Mô tả chính sách/gói hỗ trợ	49
3.5.2	Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng	50
3.5.3	Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng	53
3.6	Những kiến nghị của doanh nghiệp đối với các chính sách, gói hỗ trợ để thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng và sẵn sàng chuẩn bị cho các tình huống bất thường trong tương lai	53

4	MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH.....	56
4.1	Bài học về nghiên cứu và xây dựng chính sách.....	57
4.2	Bài học về thực thi chính sách	59
4.3	Bài học về ứng dụng CNTT và công tác truyền thông chính sách.....	60
5	ĐỀ XUẤT VỀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN PHỤC HỒI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH CÓ THỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP NHƯ COVID-19	61
5.1	Nhóm chính sách theo các lĩnh vực cần thiết đối với doanh nghiệp:.....	61
5.1.1	Lĩnh vực thuế, phí và lệ phí	61
5.1.2	Lĩnh vực tài chính - tín dụng	62
5.1.3	Lĩnh vực lao động, việc làm - BHXH.....	64
5.1.4	Lĩnh vực thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng	65
5.2	Khuyến nghị liên quan đến tăng cường các hoạt động truyền thông để cung cấp thông tin hiệu quả cho doanh nghiệp và sự tham gia của các hiệp hội trong quá trình xây dựng chính sách.....	65
5.3	Khuyến nghị liên quan đến tăng cường các hoạt động phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử.....	66
5.3.1	Liên quan đến các chính sách thuế	66
5.3.2	Liên quan đến các chính sách tài chính - tín dụng.....	67
5.3.3	Liên quan đến các chính sách lao động, việc làm - BHXH	67
5.3.4	Liên quan đến các chính sách thúc đẩy xuất khẩu, bảo đảm chuỗi cung ứng	68
	PHỤ LỤC 1: Hồ sơ về doanh nghiệp tham gia khảo sát định lượng.....	69
	PHỤ LỤC 2: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí	70
	PHỤ LỤC 3: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về tài chính – tín dụng.....	83
	PHỤ LỤC 4: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH	88
	PHỤ LỤC 5: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng.....	97

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tình hình kinh doanh và quy mô lao động của doanh nghiệp qua các năm	9
Hình 2: Thách thức đối với sự phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022 - 2023	11
Hình 3: Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính qua các năm	12
Hình 4: Kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022-2023	13
Hình 5: Ưu tiên của doanh nghiệp trong năm 2022-2023.....	14
Hình 6: Tỷ lệ doanh nghiệp được hưởng lợi ít nhất một chính sách/chương trình và chính sách tốt nhất.....	17
Hình 7: Mức độ hiệu quả của các nhóm chính sách.....	17
Hình 8: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí qua các năm	20
Hình 9: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí	21
Hình 10: Nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí	24
Hình 11: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính – tín dụng qua các năm	30
Hình 12: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng	30
Hình 13: Nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính, tín dụng.....	33
Hình 14: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH qua các năm.....	41
Hình 15: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH.....	42
Hình 16: Nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH.....	45
Hình 17: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng.....	51

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tóm tắt về các nhóm chính sách, chương trình hỗ trợ được nghiên cứu	7
Bảng 2: Các chính sách/gói hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí được nghiên cứu.....	18
Bảng 3: Kết quả thực hiện tính theo tổng số tiền hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí của ba địa phương khảo sát	22
Bảng 4: Kết quả thực hiện tính theo tổng số doanh nghiệp được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí của ba địa phương khảo sát	22
Bảng 5: Tóm tắt về các vướng mắc tiếp cận các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí ...	24

Bảng 6: Các chính sách/gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng được nghiên cứu	28
Bảng 7: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng	28
Bảng 8: Tóm tắt về các vướng mắc tiếp cận các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng	34
Bảng 9: Các chính sách/gói hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH	40
Bảng 10: Kết quả thực hiện tính theo tổng số tiền hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm của ba địa phương khảo sát.....	43
Bảng 11: Kết quả thực hiện tính theo tổng số doanh nghiệp được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm cho đối tượng người sử dụng lao động của ba địa phương khảo sát	43
Bảng 12: Kết quả thực hiện tính theo tổng số NLĐ được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm cho đối tượng NLĐ của ba địa phương khảo sát	43
Bảng 13: Tóm tắt về các vướng mắc tiếp cận các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH.....	45
Bảng 14: Các chính sách/gói hỗ trợ về thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng được nghiên cứu	49
Bảng 15: Tóm tắt đề xuất từ góc độ doanh nghiệp	53
Bảng 16: Ví dụ về các trang thông tin thông tin về chương trình và tài trợ của Chính phủ các quốc gia trên thế giới.....	66

DANH MỤC HỘP

Hộp 1: Tác động tích cực của các chính sách hỗ trợ đặc thù cho ngành du lịch	21
Hộp 2: Nỗ lực của Cục Thuế Tp. Hà Nội trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách	23
Hộp 3: Áp dụng ưu đãi giảm thuế GTGT chưa thống nhất giữa các địa phương	25
Hộp 4: Vướng mắc về đáp ứng yêu cầu được giảm tiền thuê đất	26
Hộp 5: Sự kịp thời của ngành ngân hàng khi ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ	31
Hộp 6: Vướng mắc của doanh nghiệp về điều kiện được hưởng hỗ trợ	36
Hộp 7: Ngân hàng có tâm lý e ngại về vấn đề thanh tra, kiểm tra và quyết toán các khoản đã chi hỗ trợ cho doanh nghiệp	38
Hộp 8: Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của BHXH Tp. Hà Nội	44

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHXX	Bảo hiểm xã hội
CNTT	Công nghệ thông tin
EuroCham	Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam
GTGT	Giá trị gia tăng
IMF	Quỹ Tiền tệ quốc tế
KHĐT	Kế hoạch - Đầu tư
LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NLĐ	Người lao động
HAWA	Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VNBA	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam
VINASME	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam
VITA	Hiệp hội Du lịch Việt Nam
VITAS	Hiệp hội Dệt may Việt Nam
VASEP	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam
VPAS	Hiệp hội Nhựa Việt Nam
LEFASO	Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam

1 GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO

1.1 Bối cảnh, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu

1.1.1 Bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu

Tính đến hết quý III năm 2022, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam đã cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc và nền kinh tế Việt Nam tiếp tục hồi phục. Theo báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (8/2022), trong năm 2022, tăng trưởng GDP được dự báo là 7,5%, lạm phát được dự báo tăng trung bình 3,8%¹. Để có được kết quả này cần kể đến sự đóng góp của các biện pháp kiểm soát dịch bệnh được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, cũng như những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động của Chính phủ trong thời kỳ khó khăn do những tác động của dịch bệnh COVID-19.

Trong suốt hơn hai năm từ năm 2020, đã có nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 được thực hiện, tập trung vào bốn nhóm chính là: i) nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến thuế, phí và lệ phí, ii) nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến tài chính và tín dụng, iii) nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến lao động và bảo hiểm xã hội (BHXH); và iv) nhóm chính sách liên quan đến thúc đẩy xuất khẩu và bảo vệ chuỗi cung ứng. Theo Tờ trình số 289/TTr-CP ngày 13/8/2021 của Chính phủ đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ riêng tổng giá trị của các gói hỗ trợ về thuế phí, lệ phí và tiền thuê đất được thực hiện và đề xuất trong năm 2021 cho người dân và doanh nghiệp ước tính là 138 nghìn tỷ đồng, tương đương 2,19% GDP năm 2020 của Việt Nam. Theo báo cáo của ngành BHXH Việt Nam, tính đến hết tháng 9/2022, người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 đã được hỗ trợ trên 47,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,3% trên tổng các gói hỗ trợ dịch bệnh COVID-19 do ngành lao động và BHXH thực hiện².

Những nghiên cứu trước đây của Dự án hỗ trợ kỹ thuật Thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối của doanh nghiệp nhỏ và vừa do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tài trợ (dự án LinkSME), Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đều cho thấy rằng mặc dù những nỗ lực của Chính phủ là kịp thời nhưng các gói hỗ trợ nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu và điều kiện hành chính để có thể nhận được hỗ trợ.

Dự án LinkSME hỗ trợ Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ thực hiện nghiên cứu “**Đánh giá hiệu quả của các Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19**” nhằm tìm kiếm những bài học kinh nghiệm trong thiết kế, triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Nghiên cứu cũng kỳ vọng có thể đưa ra các đề xuất với Thủ tướng và Chính phủ về các sửa đổi hoặc cải thiện việc thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hiện hành liên quan đến phục hồi sản xuất sau dịch bệnh COVID-19, nâng cao khả năng tiếp cận với các gói hỗ trợ của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.2 Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào 4 nhóm chính sách và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 do Chính phủ ban hành và triển khai thực hiện trong thời

¹ Ngân hàng Thế giới, 8/2022. “Cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam”. Truy cập ngày 8/11/2022.

<https://www.worldbank.org/vi/news/infographic/2022/08/08/vietnam-economic-update-august-2022>

² Ông Đỗ Ngọc Thọ, Trưởng Ban thực hiện chính sách BHXH phát biểu tại Hội nghị cung cấp thông tin định kỳ về BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do BHXH Việt Nam quý III/2022 tổ chức ngày 26/10/2022

gian từ tháng 01/2020 đến 6/2022. Tổng số có 41 chính sách được thống kê, trong đó tính đến thời điểm tháng 7/2022, 25 chính sách đã hết hiệu lực, 9 chính sách vẫn còn đang có hiệu lực đến tháng 9/2022 và/hoặc tháng 12/2023³, 7 chính sách liên quan đến khuyến khích xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng không xác định được thời điểm kết thúc.

Tóm tắt về số lượng và các chương trình hỗ trợ được nghiên cứu như Bảng 1 dưới đây. *Chi tiết về các chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết tại các phụ lục từ 2 -7.*

Bảng 1: Tóm tắt về các nhóm chính sách, chương trình hỗ trợ được nghiên cứu

#	Nhóm chính sách	Số lượng các chương trình/gói hỗ trợ
1	Hỗ trợ liên quan đến thuế, phí và lệ phí	14 chương trình/gói hỗ trợ liên quan đến miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT), tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và giảm phí, lệ phí trong một số lĩnh vực
2	Hỗ trợ về tài chính - tín dụng	5 chương trình/gói hỗ trợ liên quan đến cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, hỗ trợ lãi suất, cho vay ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập, hỗ trợ tiền mặt cho hộ kinh doanh
3	Hỗ trợ lao động, việc làm - bảo hiểm	15 chương trình/gói hỗ trợ liên quan đến hỗ trợ tiền mặt trực tiếp cho người lao động, hỗ trợ đào tạo cho người lao động, hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, hỗ trợ doanh nghiệp vay trả lương, miễn, lùi thời điểm đóng đoàn phí, tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất, giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...
4	Hỗ trợ xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng	7 chương trình/gói hỗ trợ liên quan đến xúc tiến thương mại, tìm đầu vào cho sản xuất, giảm giá cước vận tải phục vụ xuất khẩu và nhập khẩu, giảm mức phí và lùi thời hạn thu phí tại khu vực cửa khẩu và cảng biển, gia hạn thời gian lưu giữ hàng hóa, hỗ trợ thông tin và đơn giản hóa thủ tục hành chính...

1.2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu “**Đánh giá hiệu quả của các Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19**” được thực hiện dựa trên được thực hiện dựa trên cách tiếp cận đa chiều, thông qua các hoạt động chính như sau:

- **Nghiên cứu tài liệu** với việc rà soát các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 do Chính phủ ban hành và triển khai thực hiện trong thời gian từ tháng 01/2020 đến 6/2022 ở 4 nhóm: i) nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến thuế, phí và lệ phí, ii) nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến tài chính và tín dụng, iii) nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến lao động và BHXH; và iv) nhóm chính sách liên quan

³ Nếu tính đến thời điểm 01/01/2023, có 30 chính sách đã hết hiệu lực và 4 chính sách vẫn có hiệu lực đến hết tháng 12/2023 (cùng 7 chính sách liên quan đến khuyến khích xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng không xác định được thời điểm kết thúc).

đến thúc đẩy xuất khẩu và bảo vệ chuỗi cung ứng. Nhóm chuyên gia đã rà soát khoảng 60 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và quy định đã được ban hành bởi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan và cả những hướng dẫn do địa phương ban hành. Quá trình nghiên cứu tài liệu còn bao gồm việc rà soát các thông tin liên quan tới thực tiễn thi hành các chính sách, bao gồm cả những thành tựu, thực tiễn tốt cũng như những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực thi.

- **Khảo sát định lượng** qua điện thoại và trực tiếp với các doanh nghiệp tại Việt Nam trong tháng 9 và tháng 10/2022. Đã có 355 doanh nghiệp ở 46 tỉnh/thành phố tham gia phản hồi khảo sát. Khảo sát doanh nghiệp tập trung vào việc tìm hiểu và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trước và sau khi nhận được hỗ trợ, cũng như những khó khăn và nhu cầu phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn hậu dịch bệnh COVID-19. *Hồ sơ về doanh nghiệp tham gia khảo sát được trình bày tại Phụ lục 1.*
- **Khảo sát định tính** thông qua các thảo luận nhóm với **9 hiệp hội doanh nghiệp** ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh (từ 18/8 - 13/9/2022) và **11 cơ quan thực thi chính sách**, bao gồm các cơ quan thuế, BHXH, hải quan tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh, Hiệp hội ngân hàng và Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) (từ 18/8 - 13/9/2022). Khảo sát định tính nhằm thu thập các thông tin về tình hình triển khai các gói chính sách, mức độ tiếp cận chính sách và thảo luận về thuận lợi, khó khăn và các bài học kinh nghiệm trong quá trình thực thi chính sách.
- **Tham vấn chuyên gia** thông qua hội thảo tham vấn với các chuyên gia từ các Bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp và đại diện doanh nghiệp về các kết quả nghiên cứu và đề xuất chính sách vào tháng 12/2022.

1.3 Cấu trúc của Báo cáo

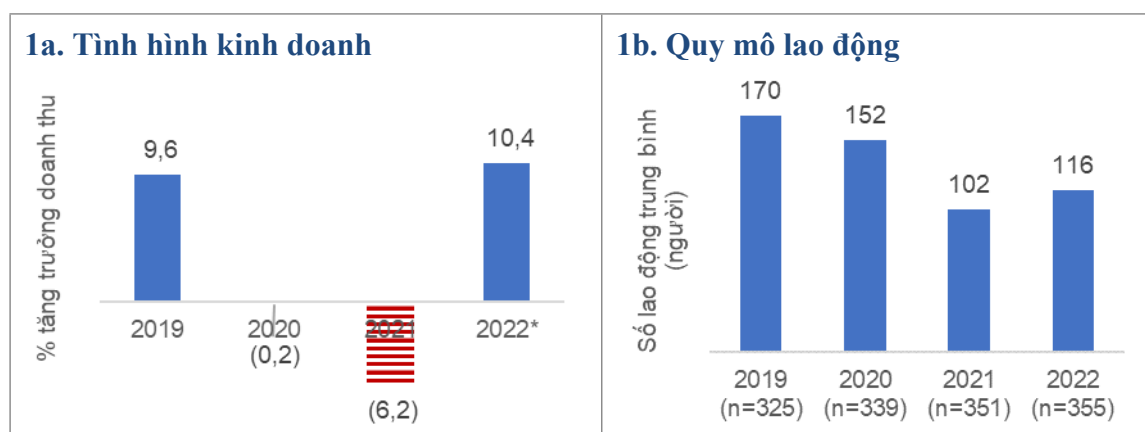
Tiếp theo phần giới thiệu chung, phần thứ hai và thứ ba tiếp theo của Báo cáo sẽ trình bày về các kết quả khảo sát định lượng và định tính cùng với các dữ liệu sơ cấp và thứ cấp thu thập được. Phần thứ tư của Báo cáo tổng kết về các bài học kinh nghiệm từ việc triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 của Chính phủ. Phần cuối cùng sẽ tổng hợp các đề xuất đến Chính phủ và các Bộ, ngành về các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn phục hồi trong ngắn hạn và trong dài hạn vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

2 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VÀ MỨC ĐỘ PHỤC HỒI SAU DỊCH BỆNH COVID-19

2.1 Tình hình chung

Kết quả khảo sát 355 doanh nghiệp cho thấy bức tranh hồi phục rõ nét thông qua các chỉ số về tăng trưởng doanh thu và quy mô lao động trung bình của doanh nghiệp qua các năm từ 2019 đến 2022 (Hình 1), tương ứng với các thời điểm trước, trong và sau dịch bệnh COVID-19.

Hình 1: Tình hình kinh doanh và quy mô lao động của doanh nghiệp qua các năm



(*) Ước tính của doanh nghiệp. Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Trong giai đoạn 2020-2021, dịch bệnh COVID-19 đã có tác động tiêu cực và rất tiêu cực đến các doanh nghiệp được khảo sát. Chỉ số về tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp được khảo sát ở mức tăng trưởng âm (-), năm sau nặng nề hơn năm trước. Tương ứng là chỉ số về quy mô lao động trung bình cũng giảm trong những năm diễn ra đại dịch.

Từ số liệu Quy mô lao động, Tình hình kinh doanh và đối chiếu với các nghiên cứu về tác động của dịch bệnh COVID-19 đến doanh nghiệp do VCCI, Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) thực hiện trong các năm 2020 và 2021, có thể thấy một bức tranh tổng quát về chiến lược ứng phó của doanh nghiệp trước các tác động của dịch bệnh COVID-19. Năm 2020 cho thấy phản ứng của doanh nghiệp với những cú sốc ban đầu từ dịch bệnh COVID-19, khi doanh thu không tăng và bắt đầu sụt giảm (trung bình tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp tham gia khảo sát là -2%)⁴. Phần lớn doanh nghiệp (chiếm (64,7%) áp dụng các biện pháp cho người lao động nghỉ không lương, ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc giảm lương, giảm giờ làm. Chỉ một số ít doanh nghiệp (chiếm 11,8%) lựa chọn chấm dứt hợp đồng lao động. Sang năm 2021, khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh với các đợt giãn cách xã hội lớn, tương ứng với tình hình kinh doanh sa sút nghiêm trọng (trung bình tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp tham gia khảo sát là -6,2%)⁵, tỷ lệ các công ty chuyển từ cho người lao động nghỉ không lương, ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc giảm lương, giảm giờ làm sang chấm dứt hợp đồng

⁴ 50% số doanh nghiệp phải đóng cửa trong tháng 4/2020 do chỉ đạo của Chính phủ hoặc do quyết định của chính doanh nghiệp, theo Ngân hàng thế giới tại Báo cáo Khảo sát nhanh về doanh nghiệp và dịch bệnh COVID-19: Báo cáo số 1 - tháng 9/2020,

⁵ Năm 2021 có đến 94% doanh nghiệp chịu tác động “tiêu cực” bởi dịch bệnh COVID-19, theo VCCI + PCCI (2021) tại Báo cáo Khảo sát cảm nhận của cộng đồng kinh doanh đối với Nghị quyết 105/NQ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hội kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, khảo sát trên gần 3000 doanh nghiệp tính đến T9/2021

lao động tăng lên tương đối (16,5% tổng số doanh nghiệp trả lời) để cắt giảm chi phí, giữ vững thanh khoản. Nhìn chung, sự điều chỉnh theo khía cạnh việc làm, cắt giảm chi phí lao động là cách hiệu quả nhất để giảm bớt căng thẳng về thanh khoản trong các tình huống kinh doanh trì trệ. Theo nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)⁶, trong thời gian bùng phát dịch bệnh COVID-19, các doanh nghiệp giảm chi phí lao động có khả năng duy trì hoạt động cao hơn 8% so với các doanh nghiệp khác. Vào đầu Quý 2 năm 2022, khi Chính phủ áp dụng các biện pháp khoanh vùng có dịch để từng bước đưa các hoạt động kinh tế và xã hội trở lại bình thường, doanh thu và số lượng lao động tại các doanh nghiệp cũng dần tăng trở lại.

Khảo sát cho thấy những tín hiệu hồi phục của doanh nghiệp trong năm 2022 như mức tăng trưởng doanh thu tốt (10,4%) của doanh nghiệp trong năm 2022 (Hình 1a). Tuy nhiên, phân tích sâu dữ liệu khảo sát cho thấy mức tăng trưởng này đạt được là nhờ hiệu ứng xuất phát điểm thấp do sự sụt giảm mạnh trong thời gian diễn ra dịch bệnh COVID-19. Theo tính toán từ số liệu của các doanh nghiệp khảo sát, **mức tăng trưởng thực tế của năm 2022 bằng 0,8% so với năm 2019**, tức là mới chỉ gần trở về mức trước khi xảy ra dịch bệnh COVID-19. Vấn đề này đặt ra cần có các biện pháp từ Nhà nước để hỗ trợ, thúc đẩy cho mức tăng trưởng tiếp tục tăng hơn nữa trong các năm tiếp theo.

Phân tích dữ liệu khảo sát cũng cho thấy một phát hiện thú vị khác là tỷ lệ khá cao (trên 70%) doanh nghiệp ở **các ngành Dịch vụ hỗ trợ và Cơ khí lạc quan về tăng trưởng doanh thu từ trên 10% trong năm 2022, cao hơn so với tỷ lệ này ở các ngành khác trong khảo sát**⁷. Và ở phía ngược lại, có đến 1/3 số doanh nghiệp ở ngành **Bán buôn, bán lẻ bi quan về mức doanh thu tăng trưởng âm trong năm 2022**.

Về quy mô lao động của các doanh nghiệp tham gia khảo sát, mặc dù có sự cải thiện so với giai đoạn dịch bệnh COVID-19 bùng phát, năm 2022 số lao động trung bình của các doanh nghiệp có sự gia tăng so với năm 2021, nhưng vẫn thấp hơn 32% so với năm 2019 (Hình 1b). Thực tế, số liệu thống kê cả nước trong Quý 2/2022 và Quý 3/2022 về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động có ghi nhận mức tăng nhẹ (từ 68,5% trong Quý 2/2022 lên 68,7% trong Quý 3) nhưng vẫn thấp hơn so với mức 71,3% của Quý 3/2019 trước đại dịch (Nhóm Ngân hàng Thế giới, 10/2022)⁸. Số liệu cho thấy tình trạng thiếu việc làm hoặc chuyển dịch lao động do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 vẫn đang diễn ra, chưa trở lại ở trạng thái bình thường như trước khi dịch bệnh COVID-19 bắt đầu.

2.2 Khó khăn của doanh nghiệp trong giai đoạn 2022-2023

Phân tích số liệu cho thấy **vẫn còn những thách thức cho sự phát triển của doanh nghiệp trong thời gian tới**. Trong 09 (chín) nhóm thách thức được liệt kê bởi doanh nghiệp (Hình 2), 03 (ba) thách thức lớn nhất với doanh nghiệp trong năm 2022-2023 là: i) **Lạm phát/giá cả hàng hóa/nguyên vật liệu tăng cao** sẽ ảnh hưởng đến 70,1% tổng số doanh nghiệp khảo sát; ii) **Rủi ro về khủng hoảng và sự gia tăng chi phí trực tiếp từ nhà cung cấp** sẽ ảnh hưởng đến 62,3% tổng số doanh nghiệp khảo sát; và iii) **Chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu** do tay nghề thấp/thiếu kỹ năng sẽ ảnh hưởng đến 33,2% tổng số doanh nghiệp

⁶ IMF, “Giải nén tác động của dịch bệnh COVID-19 đến các doanh nghiệp Việt Nam: Bằng chứng từ một khảo sát mới”, xuất bản ngày 30/9/2022. Xem thêm tại:

<https://www.imf.org/en/Publications/WP/Issues/2022/09/30/Unpacking-Impact-of-COVID-19-on-Vietnamese-Firms-Evidence-from-a-Novel-Survey-524067>

⁷ Chỉ các ngành có từ trên 25 tổng số doanh nghiệp trả lời mới được phân tích. Kết quả kiểm định Chi Square Test giữa 5 ngành (Bán buôn, bán lẻ, Xây dựng, Sản xuất, chế biến thực phẩm, Dịch vụ hỗ trợ, và Cơ khí) và các mức độ tăng trưởng cho kết quả $p = 0,026 < \text{mức ý nghĩa } \alpha$ được chọn là 0,05.

⁸ Ngân hàng thế giới. Cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam, tháng 10/2022.

khảo sát. So sánh đối chứng kết quả này với các nghiên cứu khác cho thấy có những kết quả tương đồng, như khảo sát của Bộ KHĐT⁹ vào Quý 2/2022 nhận định rằng các chi phí logistics, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vốn là những gánh nặng bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp hay báo cáo Chỉ số Môi trường Kinh doanh do Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) công bố vào tháng 9/2022¹⁰ thì có đến 1/3 số doanh nghiệp thành viên của EuroCham gặp cản trở lớn trong các vấn đề liên quan đến nguồn cung lao động.

Hình 2: Thách thức đối với sự phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022 - 2023



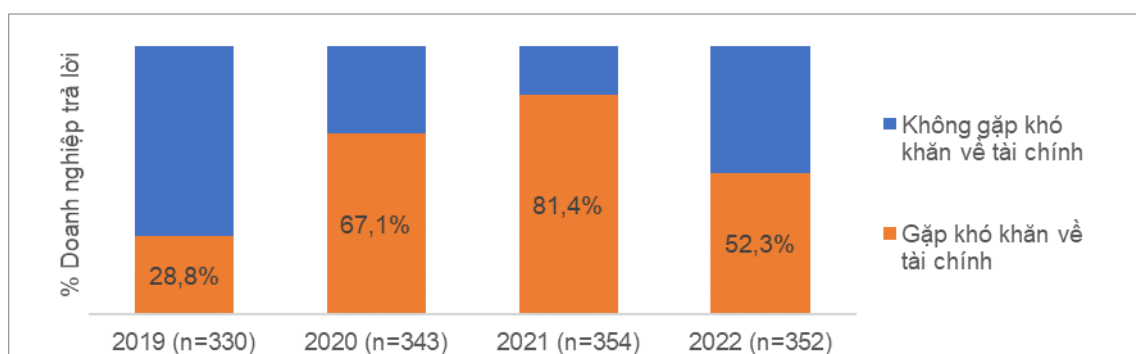
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Khó khăn về tài chính tiếp tục là một khó khăn lớn cho doanh nghiệp sau khi các lệnh phong tỏa đã được dỡ bỏ với hơn một nửa (52,3%) số doanh nghiệp được khảo sát trong năm 2022 (Hình 3). Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính vẫn ở mức cao so với thời điểm năm 2019, thời điểm trước khi dịch bùng phát. Những nguyên nhân dẫn đến khó khăn về tài chính của doanh nghiệp vẫn là những nguyên nhân truyền thống tồn tại cả trước và trong thời gian dịch bệnh COVID-19, gồm i) Tồn đọng các khoản phải thu, ii) Chi phí sản xuất kinh doanh tăng cao, iii) Lãi vay tăng cao và iv) Suy giảm khả năng thanh toán các khoản vay/nợ đến hạn. Nhưng trong bối cảnh biến động lớn về chính trị do xung đột Nga-Ukraina và kinh tế thế giới hậu dịch bệnh COVID hay chính sách Zero COVID của Trung Quốc, các hiệp hội doanh nghiệp được khảo sát đều thống nhất rằng những khó khăn này đang trầm trọng thêm và có thêm các khó khăn mới (như giá vận chuyển, nhu cầu mua sắm thay đổi...) và sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp ở nửa cuối năm 2022 và đầu năm 2023.

⁹ Bộ KHĐT - Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), *Báo cáo phục hồi từ dịch bệnh COVID-19*, tháng 7/2022

¹⁰ EuroCham Việt Nam (Decision Lab), *Chỉ số Môi trường Kinh doanh – BCI*, tháng 9/2022

Hình 3: Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính qua các năm



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Theo báo cáo của Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh (HAWA), giá cước vận tải đường biển tăng cao hơn gấp 5 lần so với trước đây khiến nhiều khách hàng nước ngoài của doanh nghiệp liên tục dời ngày xuất hàng, trì hoãn nhận hàng dẫn đến ảnh hưởng dòng tiền của doanh nghiệp. Đại diện Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) cho biết đến thời điểm này, thông thường doanh nghiệp đã có đơn hàng năm 2023, nhưng năm nay, nhiều doanh nghiệp thuộc hiệp hội hiện vẫn chưa có đơn hàng cho năm 2023.

2.3 Kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022-2023

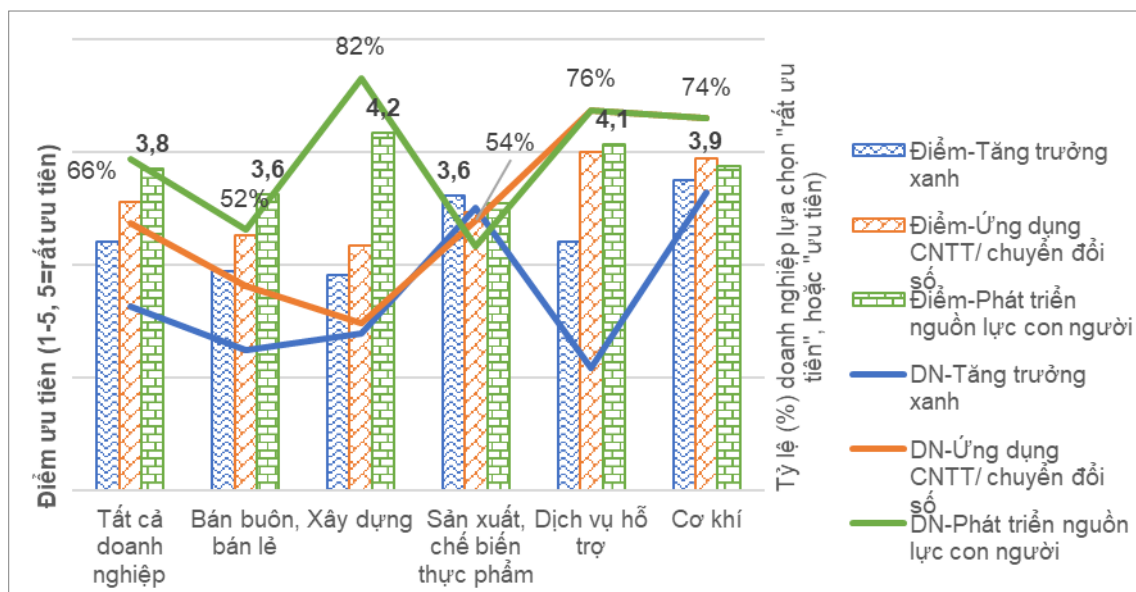
Sau khi dừng các biện pháp chống dịch nghiêm ngặt, các hoạt động kinh tế - xã hội được bình thường trở lại. Nhiều doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược kinh doanh của mình. Để phục vụ các điều chỉnh này, các kế hoạch về nguồn lực, cải tiến/phát triển sản phẩm, cũng như áp dụng các giải pháp kỹ thuật số là những trụ cột quan trọng. Nghiên cứu đã lựa chọn ba kế hoạch tương ứng, đồng thời phù hợp với các chiến lược và chính sách trọng tâm của Chính phủ về phát triển kinh tế liên quan đến (i) Nguồn nhân lực; (ii) Tăng trưởng xanh và (iii) Kinh tế số, để khảo sát các doanh nghiệp về ứng phó với những biến động và thay đổi lớn trong năm 2022-2023 (Hình 4). **Phát triển nguồn lực con người được lựa chọn ở mức ưu tiên cao nhất** đạt 3,8/5 điểm, tương ứng với 66% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Ưu tiên và Rất ưu tiên. Thứ hai là kế hoạch Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT)/chuyển đổi số đạt 3,6/5 điểm, tương ứng với 53% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Ưu tiên và Rất ưu tiên. Cuối cùng là kế hoạch dành cho Tăng trưởng xanh đạt 3,2/5 điểm, tương ứng với 37% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Rất ưu tiên và Ưu tiên.

Phân tích sâu hơn số liệu khảo sát từ 05 (năm) ngành về mức độ ưu tiên của doanh nghiệp đối với ba kế hoạch phát triển lớn trong năm 2022-2023¹¹ (Hình 4) cho thấy **có sự khác biệt đáng kể về mức độ ưu tiên giữa các ngành**¹². Cụ thể, các kế hoạch về Tăng trưởng xanh được ưu tiên nhất ở các doanh nghiệp ngành cơ khí, trong khi đó các kế hoạch về Ứng dụng CNTT/chuyển đổi số được ưu tiên nhất ở các doanh nghiệp ngành dịch vụ hỗ trợ và các kế hoạch về Phát triển nguồn lực con người được ưu tiên nhất ở các doanh nghiệp ngành xây dựng.

¹¹ Chỉ các ngành có từ trên 25 tổng số doanh nghiệp trả lời mới được phân tích.

¹² Kết quả kiểm định Chi giữa các ngành và các mức độ ưu tiên cho kết quả $p = 0,04 < \text{mức ý nghĩa } \alpha$ được chọn là 0,05.

Hình 4: Kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022-2023



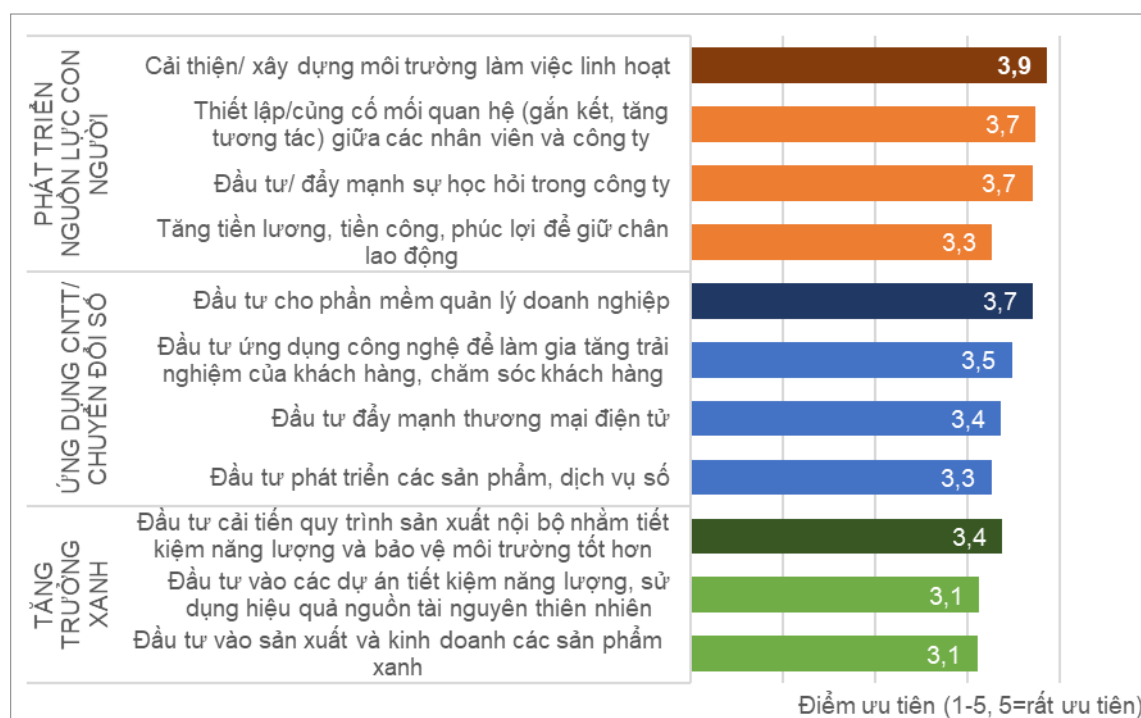
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Trong từng ngành cụ thể, các kế hoạch phát triển được lựa chọn ưu tiên như sau:

- Các doanh nghiệp ngành bán buôn, bán lẻ ưu tiên các kế hoạch Phát triển nguồn lực con người ở mức 3,6/5 điểm, với 52% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Rất ưu tiên và Ưu tiên
- Các doanh nghiệp ngành xây dựng ưu tiên các kế hoạch Phát triển nguồn lực con người ở mức 4,2/5 điểm, với 82% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Rất ưu tiên và Ưu tiên
- Các doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến thực phẩm ưu tiên các kế hoạch Tăng trưởng xanh ở mức 3,6/5 điểm, với 56% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Rất ưu tiên và Ưu tiên
- Các doanh nghiệp ngành dịch vụ hỗ trợ ưu tiên các kế hoạch Phát triển nguồn lực con người ở mức 4,1/5 điểm và Ứng dụng CNTT/chuyển đổi số ở mức 4,0/5 điểm, với 76% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Rất ưu tiên và Ưu tiên cho mỗi kế hoạch
- Các doanh nghiệp ngành cơ khí ưu tiên các kế hoạch Ứng dụng CNTT/chuyển đổi số ở mức 3,9/5 điểm, với 74% tổng số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn Rất ưu tiên và Ưu tiên

Chi tiết về mức độ ưu tiên của từng kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong năm 2022-2023 được thể hiện ở Hình 5 dưới đây.

Hình 5: Ưu tiên của doanh nghiệp trong năm 2022-2023



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Thứ tự lựa chọn các kế hoạch ưu tiên của doanh nghiệp khá hợp lý với những khó khăn và thách thức mà doanh nghiệp phải đối mặt trong năm 2022-2023. Tất cả những ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp là Cải thiện/xây dựng môi trường làm việc linh hoạt trong Phát triển nguồn lực con người, hay Đầu tư cho phần mềm quản lý doanh nghiệp trong Ứng dụng CNTT/chuyển đổi số, hay Đầu tư cải tiến quy trình sản xuất nội bộ nhằm tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường tốt hơn trong Tăng trưởng xanh đều nhằm mục đích nâng cao năng suất, tối ưu hóa chi phí trong bối cảnh rủi ro lạm phát, gia tăng chi phí và thiếu hụt nguồn nhân lực.

Những số liệu phân tích chiều sâu nêu trên cho thấy nhu cầu của các doanh nghiệp ở ngành là khác nhau về chiến lược và chính sách trọng tâm của Chính phủ đối với phát triển kinh tế - xã hội. Các chiến lược, chính sách cần phải bảo đảm tính công bằng nhưng không cào bằng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp để có thể phục hồi và thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững sau thời kỳ dịch bệnh COVID-19. Các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn mới cần tập trung cho những doanh nghiệp, người lao động có khó khăn về tài chính do hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Trong các nhóm ngành kinh tế, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bán lẻ gặp khó khăn nhiều trong giai đoạn khảo sát và có nhiều bị quan vào triển vọng kinh doanh trong năm 2022-2023. Những chính sách hỗ trợ để kích cầu tiêu dùng trong giai đoạn khởi đầu mới, như giảm thuế GTGT đối với một số mặt hàng... cần tiếp tục.

Cùng với khó khăn do dịch bệnh COVID-19 trong thời gian vừa qua, các doanh nghiệp Việt Nam và thế giới còn gặp khó khăn do xung đột xảy ra ở Châu Âu làm ảnh hưởng tới thị trường nhập khẩu và xuất khẩu của Việt Nam. Yêu cầu về chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam và thế giới cũng tạo các áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong bối cảnh cố gắng phục hồi sau đại dịch. Doanh nghiệp mong đợi được sự hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ để tiếp cận thị trường của Nhà nước thông qua các chương trình giảm thuế, cấp tín dụng ưu đãi, hỗ trợ lãi suất tín dụng, tổ chức các hội chợ giới thiệu sản phẩm có chất lượng để thúc đẩy cơ hội giao thương của doanh nghiệp...

Kết quả khảo sát về ưu tiên của doanh nghiệp trong năm 2022-2023 cho thấy các doanh nghiệp không có những nhu cầu quá khác biệt giữa Phát triển nguồn nhân lực, Chuyển đổi số và Tín dụng xanh. Ở góc độ doanh nghiệp, các doanh nghiệp cần tập trung vào phát triển nguồn nhân lực và tín dụng xanh để có thể tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. Ở góc độ Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước cần tập vào công tác chuyển đổi số trong các cơ quan Nhà nước để tạo tác động lan toả tới doanh nghiệp và giảm ngay chi phí tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, đặc biệt là chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

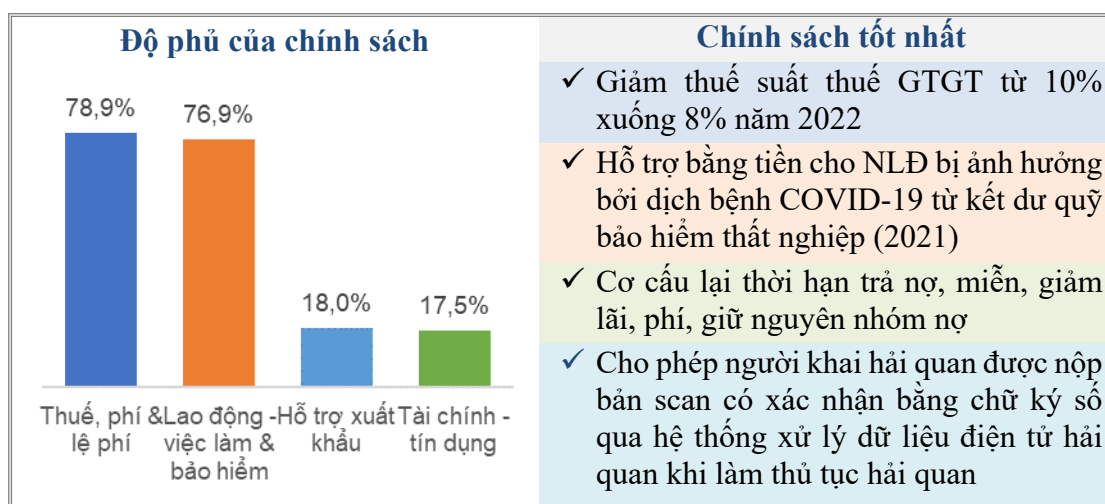
3 MỨC ĐỘ TIẾP CẬN VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

3.1 Đánh giá chung

Kết quả khảo sát doanh nghiệp về *mức độ tiếp cận chính sách hỗ trợ*, được đo bằng tỷ lệ doanh nghiệp trả lời “*Có được hưởng lợi*” và “*Đã nộp hồ sơ*” để tiếp cận chính sách trong tổng số doanh nghiệp được khảo sát, đối với bốn nhóm chính sách hỗ trợ (Hình 6) cho thấy:

- **Đứng đầu là nhóm chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí** có mức độ tiếp cận và hưởng lợi cao nhất với 79,8% số doanh nghiệp được hưởng lợi ít nhất một chương trình hỗ trợ trong số các chính sách được khảo sát và **chính sách Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% năm 2022** có mức độ tiếp cận cao nhất là 49,3% tổng số doanh nghiệp được khảo sát.
- Đứng thứ hai là **nhóm chính sách hỗ trợ về lao động - việc làm và BHXH** với 76,9% số doanh nghiệp được hưởng lợi ít nhất một chương trình hỗ trợ trong số các chính sách được khảo sát và **chính sách Hỗ trợ bằng tiền cho người lao động (NLĐ) bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp năm 2021** có mức độ tiếp cận cao nhất là 54,6% tổng số doanh nghiệp được khảo sát.
- Đứng thứ ba là **nhóm chính sách hỗ trợ xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng** có mức độ tiếp cận và hưởng lợi là 18,0% số doanh nghiệp được hưởng lợi ít nhất một chương trình hỗ trợ trong số các chính sách được khảo sát và **chính sách Cho phép người khai hải quan được nộp bản scan có xác nhận bằng chữ ký số qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi làm thủ tục hải quan** có mức độ tiếp cận cao nhất là 12,4% tổng số doanh nghiệp được khảo sát.
- Cuối cùng là **nhóm chính sách hỗ trợ tài chính – tín dụng** có mức độ tiếp cận và hưởng lợi là 17,5% số doanh nghiệp được hưởng lợi ít nhất một chương trình hỗ trợ trong số các chính sách được khảo sát và **chính sách Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ** có mức độ tiếp cận cao nhất là 19,7% tổng số doanh nghiệp được khảo sát.

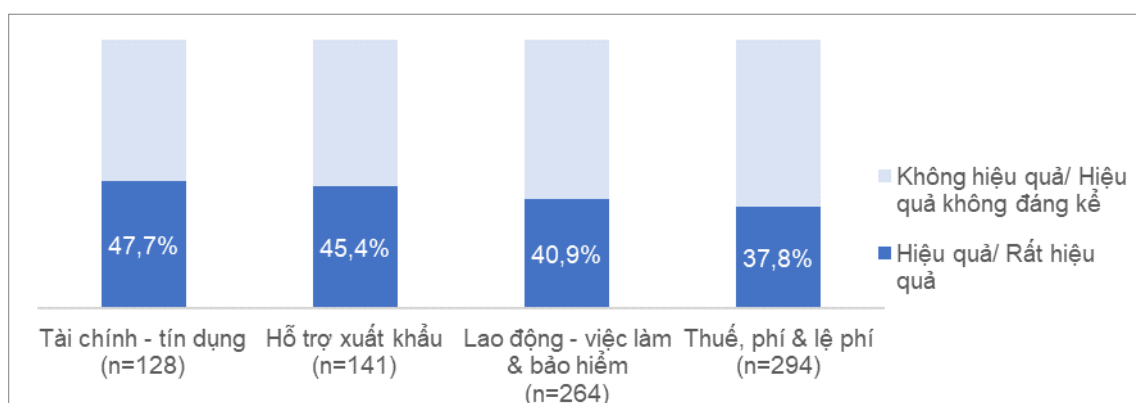
Hình 6: Tỷ lệ doanh nghiệp được hưởng lợi ít nhất một chính sách/chương trình và chính sách tốt nhất



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Một điểm chung của tất cả những chính sách có mức độ tiếp cận cao là những chính sách được thực hiện theo cơ chế áp dụng tự động, đối tượng được hỗ trợ và doanh nghiệp không phải thực hiện bất kỳ thủ tục nào để được nhận hỗ trợ. Kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp tại Nghiên cứu này về tác động tích cực của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong thời gian dịch bệnh (như thể hiện tại Hình 7 dưới đây) cho thấy **xếp hạng thứ bậc về mức độ hiệu quả ngược lại với xếp hạng thứ bậc về mức độ tiếp cận của chính sách**. Cụ thể nhóm chính sách tài chính - tín dụng đứng thứ nhất, nhóm chính sách hỗ trợ xuất khẩu - bảo vệ chuỗi cung ứng đứng thứ hai nhận được đánh giá cao hơn so với nhóm chính sách hỗ trợ về lao động - việc làm và BHXH (thứ ba) và nhóm chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí (cuối cùng). Kết quả này cho thấy các chính sách áp dụng tự động, có tính “cào bằng” lại không được doanh nghiệp đánh giá cao so với các chính sách hỗ trợ theo thực tế của doanh nghiệp.

Hình 7: Mức độ hiệu quả của các nhóm chính sách



Lưu ý: Chỉ các doanh nghiệp có biết hoặc có tiếp cận thực hiện chính sách mới có đánh giá về mức độ hiệu quả của chính sách.

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với báo cáo nghiên cứu của IMF¹³ nhận định rằng các doanh nghiệp lớn có khả năng nhận được gói hỗ trợ của chính phủ cao hơn 18,5% so với các doanh nghiệp siêu nhỏ. Sai lệch quy mô đặc biệt lớn đối với các biện pháp hỗ trợ liên quan đến tài chính - tín dụng có thể là do kết quả của thiết kế chính sách. Cũng theo nghiên cứu này, tất cả các chính sách đều có hiệu quả lớn trong việc giảm bớt sự bị quan và duy trì hoạt động của các doanh nghiệp bất kể quy mô. Trong đó, các chính sách hỗ trợ liên quan đến giảm, gia hạn thuế và chính sách cải cách thủ tục hải quan hỗ trợ xuất khẩu đã được chứng minh có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê trong việc giảm bớt áp lực thanh khoản của doanh nghiệp so với các chính sách khác.

Ở phía ngược lại có được từ thông tin khảo sát của nghiên cứu này, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chính sách hỗ trợ “*Không hiệu quả*” hoặc “*Hiệu quả không đáng kể*” hầu hết ở ngưỡng cao **trên 50%**. Từ góc nhìn của mình, các doanh nghiệp cho rằng *các quy trình/thủ tục hành chính khó khăn, phức tạp; các giải pháp hỗ trợ không phù hợp với nhu cầu; quy mô hỗ trợ không đủ lớn; thời hạn hỗ trợ ngắn và các điều kiện hưởng không phù hợp...* là những nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ. Các vấn đề này sẽ được phân tích kỹ hơn trong các nội dung phân tích từng nhóm chính sách dưới đây.

3.2 Chính sách/gói hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí

3.2.1 Mô tả chính sách/gói hỗ trợ

Từ năm 2020 đến nay, có 14 chính sách/gói hỗ trợ trong lĩnh vực thuế, phí và lệ phí đã được ban hành và triển khai thực hiện (Bảng 2). Theo thống kê của Bộ Tài chính, trong năm 2020, tổng quy mô các giải pháp hỗ trợ khoảng 129 nghìn tỷ đồng (trong đó số tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn khoảng 97,5 nghìn tỷ đồng; số tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được miễn, giảm hơn 31,5 nghìn tỷ đồng). Trong năm 2021, trước diễn biến rất phức tạp của dịch bệnh COVID-19, các giải pháp hỗ trợ đã được tiếp tục triển khai ở mức cao hơn cả về nội dung và giá trị hỗ trợ với tổng quy mô khoảng 145 nghìn tỷ đồng (trong đó, số tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được miễn, giảm khoảng 25 nghìn tỷ đồng; số tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn khoảng 120 nghìn tỷ đồng). Dự kiến thực hiện các giải pháp này trong năm 2022 sẽ hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân với giá trị tiền thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí là khoảng 233 nghìn tỷ đồng (trong đó: số tiền thuế, phí, lệ phí được miễn, giảm khoảng 98 nghìn tỷ đồng; số tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn khoảng 135 nghìn tỷ đồng).

Trong số 14 chính sách tại Bảng 2, 10 chính sách đã được lựa chọn để thực hiện khảo sát doanh nghiệp về mức độ tiếp cận; 4 chính sách còn lại là những chính sách có đối tượng áp dụng nằm ngoài phạm vi hoạt động khảo sát doanh nghiệp, được nghiên cứu thông qua các thông tin thứ cấp như thông tin có sẵn từ các hiệp hội, báo chí và các báo cáo của cơ quan thực thi. *Chi tiết về các chính sách/gói hỗ trợ bao gồm: văn bản điều chỉnh, đối tượng, điều kiện hưởng, mức/nội dung hỗ trợ, quy trình, thủ tục, thời gian áp dụng xem tại Phụ lục 2.*

Bảng 2: Các chính sách/gói hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí được nghiên cứu

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
Các chính sách giảm thuế và các khoản thu ngân sách		

¹³ IMF, “*Giải nén tác động của dịch bệnh COVID-19 đến các doanh nghiệp Việt Nam: Bằng chứng từ một khảo sát mới*”, xuất bản ngày 30/9/2022. Xem thêm tại: <https://www.imf.org/en/Publications/WP/Issues/2022/09/30/Unpacking-Impact-of-COVID-19-on-Vietnamese-Firms-Evidence-from-a-Novel-Survey-524067>

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
1	Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% năm 2022	Có
2	Giảm 30% (thuế suất/tỷ lệ) thuế GTGT năm 2021	Có
3	Giảm 30% thuế TNDN năm 2020 và năm 2021	Có
4	Tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam (các kỳ tính thuế từ 2020-2022)	Có
5	Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2021	Có
6	Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020	Có
7	Giảm giá bán điện (tiền điện)	Có
8	Giảm phí, lệ phí trong một số lĩnh vực năm 2020 – 2022	Không
9	Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay năm 2020 – 2022	Không
Các chính sách miễn thuế và các khoản thu ngân sách		
10	Miễn thuế TNCN, thuế GTGT và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý III và IV năm 2021 (cho các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch bệnh COVID-19)	Có
11	Miễn thuế nhập khẩu đối với linh kiện, vật tư, hàng hóa phục vụ phòng chống dịch (máy thở, khẩu trang, Que test bệnh COVID-19...)	Có
Các chính sách gia hạn thuế và các khoản thu ngân sách		
12	Gia hạn nộp thuế (GTGT, TNDN), tiền thuê đất năm 2021 và/hoặc 2022	Có
13	Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước năm 2020 – 2022	Không
14	Miễn tiền chậm nộp năm 2020 – 2021	Không

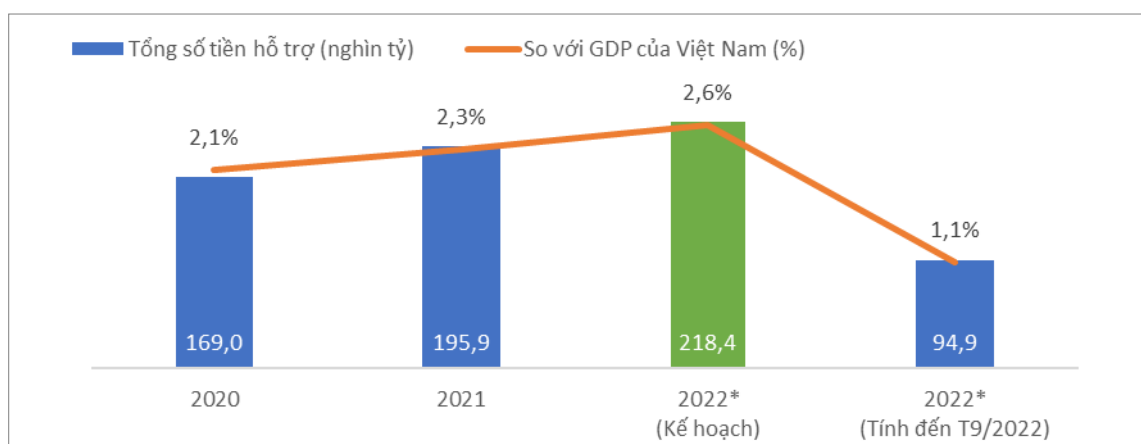
Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, tháng 11/2022

3.2.2 Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí

a) Các kết quả tổng hợp

Trong số 04 (bốn) nhóm chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với những tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19 kể từ năm 2020, tổng số tiền hỗ trợ đã thực hiện từ các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí chiếm khoảng 85,8% trong tổng số tiền hỗ trợ của cả ba nhóm chính sách có số liệu báo cáo (tài chính, thuế và lao động). Tổng số tiền hỗ trợ đã thực hiện từ các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí ước tính tương đương với trung bình 2,3% GDP hàng năm của Việt Nam (Hình 8).

Hình 8: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí qua các năm



Ghi chú: (*) dữ liệu GDP lấy theo năm 2021

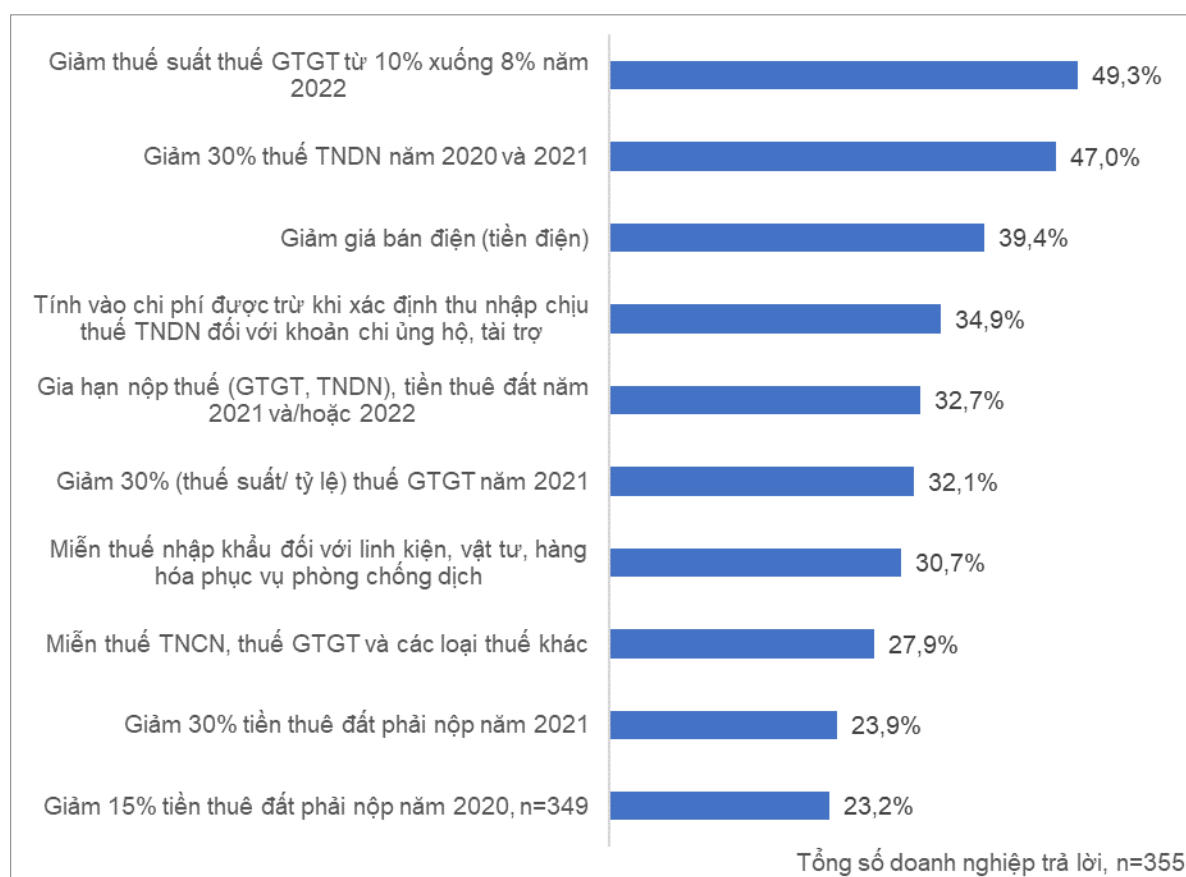
Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ Khảo sát của Bộ KHĐT (5/2022)¹⁴ và Bộ Tài chính (9/2022)¹⁵

Trong số 11 (mười một) chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí được khảo sát (Hình 9), 03 (ba) chính sách có tỷ lệ doanh nghiệp trả lời "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" cao nhất đều là những chính sách có đối tượng áp dụng rộng, cơ chế áp dụng tự động. Cụ thể: i) Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% năm 2022 đạt tỷ lệ tiếp cận là 49,3% tổng số doanh nghiệp khảo sát, ii) Giảm 30% thuế TNDN năm 2020 và 2021 đạt tỷ lệ tiếp cận là 47,0% tổng số doanh nghiệp khảo sát và iii) Giảm giá bán điện (tiền điện) đạt tỷ lệ tiếp cận là 39,4% tổng số doanh nghiệp khảo sát. Ngược lại, ở cuối bảng với tỷ lệ doanh nghiệp trả lời "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" thấp nhất là các chính sách liên quan đến giảm tiền thuê đất. Một điểm đáng ghi nhận trong việc thực thi của các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí là tỷ lệ doanh nghiệp xác nhận "có được hưởng lợi" trung bình đạt tới 72% trong tổng số các doanh nghiệp tiếp cận chính sách.

¹⁴ Bộ KHĐT - Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Báo cáo phục hồi từ dịch bệnh COVID-19, tháng 7/2022

¹⁵ Ánh Tuyết, Ngân sách trợ lực "khủng" gần 100.000 tỷ đồng thông qua thuế và phí, VnEconomy, 07/09/2022. Xem thêm tại: <https://vneconomy.vn/ngan-sach-tro-luc-khung-gan-100-000-ty-dong-thong-qua-thue-va-phi.htm>

Hình 9: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Kết quả đánh giá của 294 doanh nghiệp đã có biết hoặc đã từng tiếp cận những chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí cho thấy có 37,8% doanh nghiệp đánh giá những chính sách này là “Rất hiệu quả” và “Hiệu quả”, có tác động tích cực, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn trong thời gian dịch bệnh. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME), Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), Phòng Thương mại Châu Âu (EuroCham), Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VITA),... doanh nghiệp có phản hồi tốt về chính sách giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8%, chính sách miễn các khoản chậm nộp, giảm tiền thuê đất, giảm tiền điện, gia hạn thời gian nộp tiền thuê đất, thuế GTGT... đặc biệt là **chính sách ưu đãi thuế, phí, lệ phí dành cho nhóm doanh nghiệp đặc thù** với tỷ lệ hưởng ưu đãi cao (xem Hộp 1).

Hộp 1: Tác động tích cực của các chính sách hỗ trợ đặc thù cho ngành du lịch

Theo Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VITA), các doanh nghiệp du lịch đánh giá rất cao 02 (hai) chính sách đặc thù cho ngành du lịch là giảm 80% tiền ký quỹ cho các doanh nghiệp lữ hành đến hết 2023 (theo Nghị định số 94/2021/NĐ-CP) và giảm 50% phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. VITA khẳng định rằng bên cạnh những chính sách hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp nói chung, những chính sách hỗ trợ đặc thù theo ngành (đặc biệt là những ngành chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19) là rất cần thiết, có tính thực tiễn và phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Phát hiện này cũng phù hợp với kết quả khảo sát tại Báo cáo phục hồi từ bệnh COVID-19 của Bộ KHĐT (7/2022). Theo đó, trên 70% doanh nghiệp đánh giá cao về tính hữu ích của các chính sách giảm 2% mức thuế suất thuế GTGT, chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế TNDN, thuế TNCN, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất và chính sách giảm tiền điện¹⁶ trong việc hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn từ dịch bệnh COVID-19.

b) Kết quả khảo sát tại các địa phương

Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí theo báo cáo của 03 (ba) Cục Thuế Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2020 tính đến tháng 6/2022 được thể hiện ở Bảng 3 dưới đây. Tổng số tiền hỗ trợ đã thực hiện qua các năm tương đương với khoảng 1,8% tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) hàng năm, tỷ lệ này thấp hơn so với mức trung bình của cả nước (Hình 8) ở các năm 2021 và 2022.

Bảng 3: Kết quả thực hiện tính theo tổng số tiền hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí của ba địa phương khảo sát

	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Tổng số tiền hỗ trợ (tỷ đồng)	% so với GRDP	Tổng số tiền hỗ trợ (tỷ đồng)	% so với GRDP	Tổng số tiền hỗ trợ (tỷ đồng)	% so với GRDP*
Hà Nội	23.701	2,3%	19.918	1,9%	12.671	1,2%
Đà Nẵng	2.673	2,6%	1.916	1,8%	1.554	1,5%
Tp. Hồ Chí Minh	26.751	1,9%	23.950	1,8%	n/a	n/a

Ghi chú: () dữ liệu GRDP của tỉnh lấy theo năm 2021*

Nguồn: Báo cáo của Cục Thuế Tp. Hà Nội, Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh, Cục Thuế Tp. Đà Nẵng (9/2022) và tổng hợp của chuyên gia (11/2021)

Nếu tính tỷ lệ doanh nghiệp được hỗ trợ với tổng số doanh nghiệp trên địa bàn cho thấy Tp. Đà Nẵng có tỷ lệ doanh nghiệp được hỗ trợ tốt hơn so với hai địa phương Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh. Nếu tính trên số lượng thực tế, Hà Nội là địa bàn có số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ nhiều hơn hai địa phương còn lại. Nếu tính trên số tiền đã giải ngân, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số tiền giải ngân nhiều nhất. Kết quả này cho thấy các địa phương đều có nỗ lực thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp. Dựa trên quy mô của doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp ở mỗi địa phương được tiếp cận gói hỗ trợ ở các giá trị khác nhau.

Bảng 4: Kết quả thực hiện tính theo tổng số doanh nghiệp được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí của ba địa phương khảo sát

	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Tổng số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ	% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương	Tổng số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ	% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương	Tổng số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ	% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương*
Hà Nội	64.961	39,2%	55.325	31,0%	7.250	4,1%
Đà Nẵng	20.710	87,5%	38.511	155,9%	33.109	134,0%
Tp. Hồ Chí Minh	24.511	9,6%	28.887	10,8%	n/a	n/a

Ghi chú: () dữ liệu của tỉnh lấy theo năm 2021*

¹⁶ Bộ KHĐT - Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Báo cáo phục hồi từ COVID-19, tháng 7/2022

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ Báo cáo của Cục Thuế Tp. Hà Nội, Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh, Cục Thuế Tp. Đà Nẵng (9/2022) và Niên giám thống kê 2021

c) Những hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ triển khai chính sách tại các địa phương được khảo sát

Nhiều hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đã được thực hiện một cách linh hoạt để đưa chính sách đến gần hơn với các doanh nghiệp một cách kịp thời. ***Bên cạnh các hình thức truyền thống (thông báo giấy, báo đài, tờ rơi, tờ gấp), các kênh tuyên truyền trực tuyến như Facebook, Youtube, Zalo đã được áp dụng ở tất cả cơ quan quản lý thuế được khảo sát.***

Các đối thoại trực tuyến với người nộp thuế và doanh nghiệp là hoạt động được đánh giá là thành công nhất trong việc tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Đặc biệt các cuộc đối thoại/hội nghị trực tuyến được tổ chức phân theo những chủ đề, theo đối tượng cụ thể của các chính sách thuế để giải đáp khó khăn vướng mắc của người nộp thuế được nhiều doanh nghiệp đánh giá tốt hơn cả, theo chia sẻ của các cơ quan quản lý thuế được khảo sát.

Ngoài những phương thức tuyên truyền truyền thống, một số địa phương có những cách làm đa dạng, hiệu quả như:

- Hội thảo, tư vấn trực tuyến (livestream) về chính sách thuế mới, cung cấp thông tin, hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2021 dưới hình thức ngắn gọn, sơ đồ hoá (infographic) được thực hiện qua các kênh Youtube, fanpage, Hcmtax...(Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh)
- Thiết lập đường dây nóng (hotline) các phòng ban nghiệp vụ xử lý tải thông tin lên website và thực hiện nhiều hoạt động khác để phổ biến thông tin về chính sách tới người nộp thuế (Cục Thuế Tp. Hà Nội, xem Hộp 2).

Hộp 2: Nỗ lực của Cục Thuế Tp. Hà Nội trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách

Trong 07 tháng đầu năm 2022, Cục Thuế Tp. Hà Nội đã phối hợp với Đài truyền hình thực hiện 40 buổi phát sóng truyền hình về chính sách thuế, công tác thuế,...; 47.208 buổi phát thanh, truyền thanh; phối hợp với báo, đài, tạp chí thực hiện 948 tin, bài, ảnh đăng trên các báo để tuyên truyền về công tác thuế. Cục Thuế Tp. Hà Nội cũng cung cấp 120.101 tờ hướng dẫn về chính sách thuế tới người nộp thuế trên địa bàn qua cấp phát trực tiếp, thư điện tử, bưu điện.

Thay đổi thời gian và cách thức làm việc để đáp ứng thực thi chính sách hiệu quả được các cơ quan quản lý thuế thực hiện trong giai đoạn địa phương áp dụng biện pháp hạn chế đi lại, cách ly nghiêm ngặt, cụ thể:

- Làm thêm giờ (tất cả các cơ quan quản lý thuế)
- Thay đổi về quy trình làm việc: Cấp tài khoản kết nối trực tuyến cho cán bộ để xử lý công việc từ xa; Bộ phận văn phòng trực nhận hồ sơ qua bưu điện, gửi qua email cho các bộ phận, sử dụng chữ ký số của lãnh đạo.

3.2.3 Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí

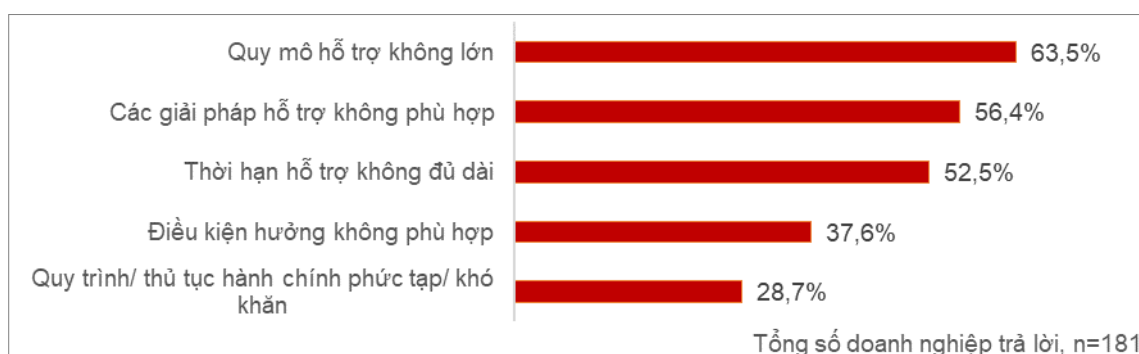
a) Đánh giá chung từ khảo sát doanh nghiệp và phân tích chính sách

Mặc dù có quy mô hỗ trợ lớn nhất trong số bốn nhóm chính sách, chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí lại có tỷ lệ thấp (37,8%) các doanh nghiệp đánh giá cao mức độ hiệu quả. Theo

EuroCham¹⁷, những chính sách ít có hiệu quả nhất là giảm thuế GTGT, giảm giá xăng dầu. Theo IMF¹⁸, các doanh nghiệp quy mô nhỏ có khả năng nhận được các hỗ trợ của Chính phủ về miễn thuế, giảm thuế thấp hơn khoảng 0,5% so với các doanh nghiệp có quy mô vừa và thấp hơn đến 17% so với các doanh nghiệp có quy mô lớn.

Từ kết quả khảo sát cho thấy ba nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả của các chính sách (Hình 10) là: i) quy mô hỗ trợ không lớn (63,5% doanh nghiệp có ý kiến này), ii) các giải pháp hỗ trợ không phù hợp (56,4% doanh nghiệp có ý kiến này) và iii) thời hạn hỗ trợ không đủ dài (52,5% doanh nghiệp trả lời).

Hình 10: Nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Phân tích nội dung các chính sách được ban hành và những vướng mắc của doanh nghiệp khi tiếp cận các biện pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí cho thấy hai **hạn chế chính làm giảm hiệu quả của các chính sách là i) Không rõ ràng về đối tượng hưởng chính sách và ii) Không rõ ràng trong các hướng dẫn về việc thực hiện, gây rủi ro cho cả cơ quan thực thi và doanh nghiệp**. Những vướng mắc cụ thể được phát hiện trong phân tích nội dung các chính sách được tóm tắt ở Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5: Tóm tắt về các vướng mắc tiếp cận các chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí

(Nhóm) Chính sách	Vướng mắc
Giảm thuế và các khoản thu ngân sách	- Danh mục hàng hoá, dịch vụ được giảm thuế suất chưa thực sự rõ ràng - Phức tạp trong việc phải ghi nhận nhiều mức thuế suất trên cùng một hoá đơn - Chính sách giảm tiền thuê đất chưa bao quát hết các đối tượng thuê đất và không thống nhất trong suốt quá trình thực hiện - Chính sách giảm giá tiền điện chưa phù hợp với thực tế của doanh nghiệp
Gia hạn thời hạn nộp thuế và các khoản thu ngân sách	- Quy định về thời gian gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất (thời điểm nộp thuế) chưa hỗ trợ giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp

¹⁷ EuroCham Việt Nam (Decision Lab). Chỉ số Môi trường Kinh doanh – BCI, tháng 9/2022. Trang 4 và 10

¹⁸ IMF, “Giải nén tác động của dịch bệnh COVID-19 đến các doanh nghiệp Việt Nam: Bằng chứng từ một khảo sát mới”, xuất bản ngày 30/9/2022. Xem thêm tại: <https://www.imf.org/en/Publications/WP/Issues/2022/09/30/Unpacking-Impact-of-COVID-19-on-Vietnamese-Firms-Evidence-from-a-Novel-Survey-524067>

	- Thời điểm chính sách gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất có hiệu lực (tháng 5/2022) không phù hợp với thời điểm quyết toán thuế của doanh nghiệp
Miễn thuế và thu ngân sách	- Chính sách miễn thuế nhập khẩu chưa bao quát hết các đối tượng

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, 11/2022

b) Vướng mắc trong các chính sách liên quan đến giảm thuế và các khoản thu ngân sách

- i. ***Danh mục hàng hoá, dịch vụ được giảm thuế suất chưa thực sự rõ ràng trong chính sách giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8%*** theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP. Không chỉ doanh nghiệp mà cả cơ quan thuế đều gặp khó trong việc xác định danh mục/mã hàng hóa, dịch vụ thuộc diện được/không được giảm thuế, đặc biệt hàng hóa thuộc ngành điện tử. Theo VINASME, vấn đề xác định mã sản phẩm, dịch vụ được/không được giảm thuế suất GTGT đặc biệt khó khăn với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ do không có bộ phận pháp chế và kế toán riêng, người đứng đầu doanh nghiệp chưa nắm vững kiến thức chuyên sâu về thuế, pháp luật.

Theo chia sẻ của doanh nghiệp, để chắc chắn về việc áp dụng đúng chính sách và căn cứ tránh việc xử phạt sau này, tham vấn bằng văn bản (công văn) gửi đến cơ quan thuế là hình thức được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Tuy nhiên, hình thức này không phải hiệu quả với tất cả các trường hợp do thực tế sự lúng túng của các cơ quan thuế.

Nguyên nhân của tình trạng này cũng xuất phát từ sự đa dạng của các mặt hàng trên thực tế. Vướng mắc này cũng kéo theo tình trạng áp dụng ưu đãi giảm thuế GTGT không thống nhất giữa các địa phương (xem Hộp 3).

Hộp 3: Áp dụng ưu đãi giảm thuế GTGT chưa thống nhất giữa các địa phương

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), một số doanh nghiệp dệt may phản ánh rằng tình trạng danh mục quy định chưa rõ ràng cũng dẫn đến tình trạng cơ quan thuế tại địa phương có cách hiểu khác nhau và áp dụng chưa thống nhất về việc áp dụng mức thuế suất cho một số loại mặt hàng. Đơn cử, nhiều doanh nghiệp phản ánh việc mua sợi trong nước để sản xuất tại một số địa phương được áp thuế suất 8% trong khi có địa phương vẫn áp mức thuế suất 10%.

(Công văn số 22/2022/VITAS-CSTM về việc thuế GTGT cho các loại sợi ngày 30/03/2022 của VITAS gửi Tổng Cục Thuế - Bộ Tài chính)

- ii. ***Phải ghi nhận nhiều mức thuế suất trên cùng một hoá đơn làm tăng chi phí của doanh nghiệp*** (tăng chi phí thời gian của kế toán và chi phí sử dụng hóa đơn) theo yêu cầu tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP¹⁹, đặc biệt là tại các doanh nghiệp thuộc ngành bán lẻ lớn với hàng ngàn hóa đơn xuất mỗi ngày²⁰. Mặc dù vấn đề này đã được

¹⁹ Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Điều 1, khoản 4

²⁰ Lê Thanh – Ánh Hồng, *Gỡ rối giảm thuế VAT*, Tuổi trẻ online, 07/04/2022. Xem thêm tại: <https://tuoitre.vn/go-roi-giam-thue-vat-20220406222128365.htm>

khắc phục thông qua Nghị định số 41/2022/NĐ-CP bằng cách cho phép sử dụng hoá đơn gộp và ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ, nhưng doanh nghiệp đã mất gần 4 tháng gặp khó khăn trong việc điền hoá đơn GTGT, với nỗi lo cân bằng giữa chi phí và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

- iii. **Bỏ sót các đối tượng thuê đất trong chính sách giảm tiền thuê đất.** Theo quy định, việc giảm tiền thuê đất chỉ áp dụng cho trường hợp người thuê đất “được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm” (khoản 1, Điều 2, Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg)²¹ hoặc “đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm” (mục II.3(a), Nghị quyết số 11/NQ-CP)²². Theo trao đổi với đại diện cơ quan thuế Hà Nội, việc yêu cầu rõ ràng là phải có “Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” đã dẫn đến các trường hợp **người thuê đất chưa có quyết định, hợp đồng thuê đất nhưng vẫn hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm** do một số nguyên nhân khách quan mà không phải do lỗi từ phía người thuê đất (xem Hộp 4).

Hộp 4: Vướng mắc về đáp ứng yêu cầu được giảm tiền thuê đất

Theo Cục Thuế Tp. Hà Nội, tại địa bàn thành phố, trong 10.000 điểm đất thì có 4.000 điểm (40%) thuộc đối tượng người thuê đất không có quyết định, hợp đồng thuê đất và như vậy không được hưởng chính sách hỗ trợ về giảm tiền thuê đất. Trong đó có nhiều trường hợp hợp đồng, quyết định thuê đất đã hết hạn từ lâu và đang chờ cơ quan có thẩm quyền gia hạn. Trong thời gian chờ gia hạn, những đơn vị thuê đất này vẫn thực hiện nộp tiền thuê đất đầy đủ.

- iv. Mức giảm tiền thuê đất còn thấp (15% - 30%) trong khi nhiều địa phương tiền thuê đất vừa mới được tăng (gấp 2-3 lần) từ ngày 01/01/2020, trước thời điểm công bố dịch, theo chia sẻ của các doanh nghiệp gốc ở Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, các doanh nghiệp ngành dệt may ở Thái Bình²³.
- v. Cách thực hiện cứng nhắc của địa phương trong chính sách giảm giá điện làm giảm hiệu quả, không đảm bảo quyền lợi tốt nhất của doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, theo chia sẻ của VASEP. Cụ thể, theo Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28/08/2021 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 5), được quy định, hướng dẫn chi tiết tại văn bản số 5411/BCT-ĐTĐL ngày 06/09/2021 của Bộ Công Thương, doanh nghiệp chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản là nhóm đối tượng được Chính phủ hỗ trợ giảm tiền điện (đợt 5) thuộc nhóm “khách hàng sử dụng điện là các nhà máy hoặc cơ sở sản xuất đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ

²¹ Quyết định 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, Điều 2, khoản 1

²² Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, mục II.3(a)

²³ Công văn 76/2021/VITAS-CS về việc rà soát, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật gây khó khăn, vướng mắc cho DN ngày 13/05/2021 gửi Văn phòng Chính phủ, Hội đồng Cải cách thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương.

thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại thời điểm ngày 25 tháng 8 năm 2021”. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp thủy sản tại một số tỉnh (An Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa-Vũng Tàu, Khánh Hoà, Bình Thuận...) phản ánh rằng không được địa phương hỗ trợ giảm tiền điện đợt 5 theo quyết nghị tại Nghị quyết số 97/NQ-CP và văn bản số 5411/BCT-ĐTĐL kể trên do “tỉnh không thực hiện giãn cách xã hội “toàn tỉnh” theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại thời điểm ngày 25/8/2021”. Ví dụ, tại Bà Rịa-Vũng Tàu, do huyện Côn Đảo không thực hiện Chỉ thị 16, nên UBND tỉnh đã không công bố thực hiện giãn cách xã hội toàn tỉnh theo Chỉ thị 16 tại thời điểm 25/8/2021, dù toàn bộ các khu vực còn lại của tỉnh (trong đất liền) đều thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 tại thời điểm này²⁴. Đặc thù của ngành sản xuất, chế biến thủy sản là phải sử dụng nhiều kho đông lạnh để lưu trữ, bảo quản sản phẩm, do đó, việc không được giảm giá điện sẽ ảnh hưởng tương đối lớn đến việc phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến thủy sản.

vi. ***Chính sách giảm giá tiền điện chưa phù hợp với tình hình kinh doanh trên thực tế của ngành du lịch***, theo VITA. Chính phủ đã ban hành chính sách điều chỉnh giá điện áp dụng trong ngành du lịch ngang bằng với các ngành sản xuất 03 tháng cuối năm 2020 và 06 tháng cuối năm 2021 nhưng trong giai đoạn này ***các cơ sở lưu trú trên thực tế không kinh doanh***. Vào giai đoạn hiện nay khi ngành du lịch mở cửa trở lại thì giá điện không được giảm nữa trong khi nhiều doanh nghiệp ngành du lịch vẫn còn gặp nhiều khó khăn do không còn vốn để kinh doanh, cơ sở vật chất xuống cấp, nhân lực thiếu hụt trầm trọng.

c) **Vướng mắc trong các chính sách liên quan đến gia hạn thời hạn nộp thuế và các khoản thu ngân sách**

Mức hỗ trợ và thời hạn của chính sách gia hạn nộp thuế GTGT theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ***chưa thực sự có hiệu quả giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp***. Cụ thể, điểm a, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 34/2022/NĐ-CP cho phép gia hạn nộp thuế GTGT với “*kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, quý II năm 2022 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý)*”, nhưng mãi đến ngày 28/5/2022 Nghị định này mới được ban hành và có hiệu lực. Vào thời điểm cuối tháng 5 này, hầu hết các doanh nghiệp nộp thuế theo tháng đều đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của các kỳ tháng 3 và 4/2022, doanh nghiệp nộp thuế theo quý đã thực hiện nộp thuế quý I/2022, nên những doanh nghiệp này không được hưởng chính sách cho kỳ tính thuế tháng 3 và 4/2022 hoặc quý I/2022. Thêm vào đó, theo chia sẻ từ các doanh nghiệp được khảo sát và đại diện cơ quan quản lý thuế, doanh nghiệp không thật sự “*hào hứng*” với chính sách này vì về bản chất các doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế và thời gian được gia hạn không đủ dài, chỉ tối đa 6 tháng theo quy định.

3.3 Chính sách/gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng

3.3.1 Mô tả chính sách/gói hỗ trợ

Từ 7/2020 - 7/2022 có 05 chính sách/gói hỗ trợ trong lĩnh vực tài chính, tín dụng đã được ban hành và triển khai thực hiện (Bảng 6), trong đó 3/5 chính sách đã được lựa chọn để thực hiện khảo sát doanh nghiệp về mức độ tiếp cận. Hai chính sách còn lại là những chính sách

²⁴ Công văn 119/CV-VASEP ngày 01/11/2021 của VASEP về việc báo cáo và kiến nghị việc doanh nghiệp thủy sản tại nhiều tỉnh không được hỗ trợ tiền điện đợt 5 theo Nghị quyết số 97/NQ-CP.

có đối tượng áp dụng nằm ngoài quy mô khảo sát được thực hiện nghiên cứu thông qua các thông tin thứ cấp như thông tin có sẵn từ các hiệp hội, báo chí và các báo cáo của cơ quan thực thi. Các chính sách tín dụng ưu đãi trả lương ngừng việc cho NLD, hỗ trợ tạo việc làm thuộc nhóm chính sách hỗ trợ lao động - việc làm (phân tích tại phần (3.4)). Chi tiết về các chính sách/gói hỗ trợ bao gồm: văn bản điều chỉnh, đối tượng, điều kiện hưởng, mức/nội dung hỗ trợ, quy trình, thủ tục, thời gian áp dụng xem tại phụ lục 3.

Bảng 6: Các chính sách/gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng được nghiên cứu

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
1	Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2020/TT-NHNN và Nghị quyết số 63/NQ-CP	Có
2	Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại ngân hàng thương mại theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP	Có
3	Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm tại NHCSXH theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP	Có
4	Hỗ trợ tiền mặt cho hộ kinh doanh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 năm 2021 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP	Không
5	Cho vay tại NHCSXH đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập	Không

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, tháng 11/2022

3.3.2 Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng

a) Các kết quả tổng hợp

Kết quả thực hiện 5 gói chính sách theo số liệu thống kê báo cáo của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và NHCSXH tính đến tháng 8/2022 được tóm tắt tại Bảng 7 sau:

Bảng 7: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng

Các chính sách	Giá trị (tỷ đồng)	Số khách hàng được hưởng	Kết quả đạt được so với kế hoạch
Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ²⁵			
- Lũy kế giá trị nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ (tính đến 6/2022)	722.334,0	1.090.725	
- Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ (tính đến 6/2022)	178.411,0		N/a

²⁵ VNBA, “Tài liệu phục vụ buổi làm việc với nhóm nghiên cứu về Đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19”, ngày 23/8/2022

Các chính sách	Giá trị (tỷ đồng)	Số khách hàng được hưởng	Kết quả đạt được so với kế hoạch
Miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN, Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ²⁶			
- Lũy kế giá trị nợ được miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ (tính đến 6/2022)	92.425,0	561.989	N/a
- Dư nợ được miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ (tính đến 6/2022)	16.725,0		N/a
Miễn giảm phí, lãi theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 ²⁷			
- Tổng số tiền lãi các tổ chức tín dụng (TCTD) miễn, giảm cho khách hàng ²⁸	21.244,0		103%
Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại ngân hàng thương mại theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP ²⁹			
- Doanh số cho vay (tính đến 8/2022)	4.100,0	550	0,5%
- Dư nợ được hỗ trợ lãi suất	3.966,0		
- Số tiền lãi đã hỗ trợ	1,0		
Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm tại NHCSXH theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP	N/a	N/a	100%
Cho đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập vay tại NHCSXH theo Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP, Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg			
- Dư nợ cho vay (tính đến 8/2022) ³⁰		170	12,1%
Hỗ trợ tiền mặt cho hộ kinh doanh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP			
- Tổng số tiền hỗ trợ (tính đến 8/2021) ³¹	4,5	6.800	

²⁶ VNBA, “Tài liệu phục vụ buổi làm việc với nhóm nghiên cứu về Đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19”, ngày 23/8/2022

²⁷ Nghị quyết 63/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022

²⁸ VNBA, “Tài liệu phục vụ buổi làm việc với nhóm nghiên cứu về Đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19”, ngày 23/8/2022

²⁹ VNBA, “Tài liệu phục vụ buổi làm việc với nhóm nghiên cứu về Đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19”, ngày 23/8/2022

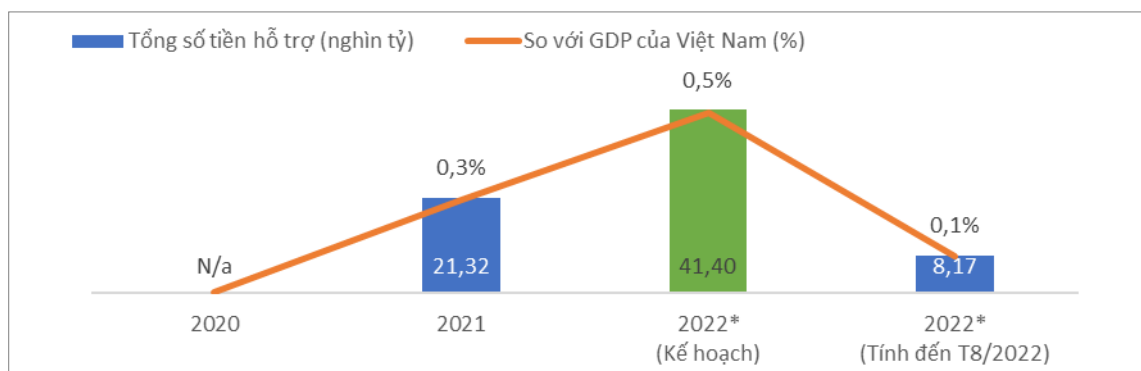
³⁰ NHCSXH, “Tài liệu phục vụ buổi làm việc với nhóm nghiên cứu về Đánh giá tác động của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19”, ngày 19/8/2022

³¹ Tờ trình Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19, mục 1

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ VNBA, NHCSXH, tháng 11/2022

Với những số liệu trên, nhóm chính sách về tài chính - tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với những tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19 kể từ năm 2020 chiếm tỷ lệ khoảng 5,2% trong tổng số tiền hỗ trợ của cả 04 (bốn) nhóm chính sách. Tổng số tiền hỗ trợ đã thực hiện từ các chính sách hỗ trợ về tài chính - tín dụng trong các năm 2021-2022 ước tính tương đương với trung bình 0,2% GDP trong năm tương ứng của Việt Nam (Hình 11).

Hình 11: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính – tín dụng qua các năm

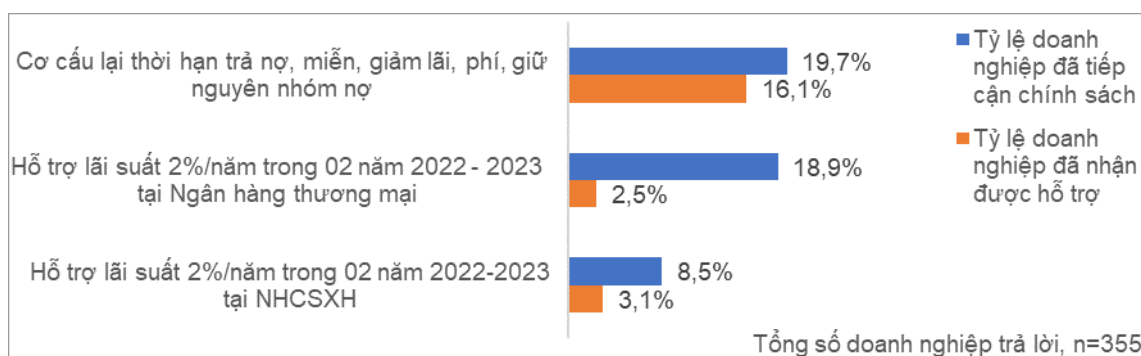


Ghi chú: (*) dữ liệu GDP lấy theo năm 2021

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ báo cáo của VNBA, NHCSXH (9/2022)

Khảo sát định lượng với 355 doanh nghiệp cho thấy tỷ lệ khoảng 19,3% doanh nghiệp khảo sát đã có tiếp cận, "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ", với các chính sách hỗ trợ tín dụng tại các ngân hàng thương mại, **tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận chính sách hỗ trợ lãi suất tại NHCSXH thấp hơn đáng kể (8,5% doanh nghiệp khảo sát) do những đặc thù về đối tượng vay vốn**. Hình 12 cho thấy sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ doanh nghiệp nhận được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về tài chính - tín dụng. Theo đó, **tỷ lệ doanh nghiệp được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ khá cao, đến 16,1% doanh nghiệp khảo sát (tương đương 81,4% của tổng số 70 doanh nghiệp đã tiếp cận chính sách)**. **Tỷ lệ các chính sách hỗ trợ liên quan đến gói hỗ trợ giảm lãi suất 2% ở mức rất thấp, trung bình chỉ 3% trong tổng số doanh nghiệp trả lời, cụ thể với 9/76 doanh nghiệp tiếp cận thành công (nhận được hỗ trợ) (tương đương tỷ lệ tiếp cận thành công là 37%) đối với gói hỗ trợ giảm lãi suất 2% tại NHCSXH và 11/30 doanh nghiệp tiếp cận thành công (tương đương tỷ lệ tiếp cận thành công là 13%) đối với gói hỗ trợ giảm lãi suất 2% tại ngân hàng thương mại.**

Hình 12: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ về tài chính, tín dụng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Mặc dù có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận và/hoặc hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ thấp, nhóm chính sách tài chính, tín dụng có tỷ lệ cao (47,7%) doanh nghiệp đánh giá “Rất hiệu quả” và “Hiệu quả” về tác động tích cực của nhóm chính sách này. Với những phân tích về tỷ lệ doanh nghiệp hưởng lợi ở từng chính sách và những chia sẻ của đại diện các Hiệp hội doanh nghiệp, như VITAS, HAWA, VINASME, VITAS có thể khẳng định rằng **chính sách Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đã có những tác động tích cực đối với doanh nghiệp trong giai đoạn từ 2020-2021.**

b) Các hoạt động triển khai chính sách

- i. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có những hành động kịp thời ngay từ khi bắt đầu dịch bệnh COVID-19 trong việc ban hành các chính sách Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ. Thông tư số 01/2020/TT-NHNN³² được ban hành ngay và có hiệu lực vào ngày 13/03/2020, chỉ sau khoảng 01 tháng kể từ thời điểm Việt Nam công bố dịch bệnh COVID-19³³. Đến thời điểm làn sóng dịch tái bùng phát nghiêm trọng vào tháng 4 và tháng 9 năm 2021, NHNN lại tiếp tục ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN³⁴ và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN³⁵ sửa đổi Thông tư số 01/2022/TT-NHNN để phù hợp hơn diễn biến tình hình dịch bệnh trong từng giai đoạn. Các quy định về Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ được đánh giá là có quy định tương đối đầy đủ, bao gồm được tất cả các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, theo chia sẻ của đại diện VNBA.
- ii. NHNN đã thực hiện tốt công tác phối hợp với các TCTD trong việc xây dựng các chính sách hỗ trợ và công tác tuyên truyền thực hiện chính sách. Theo đại diện của VNBA, NHNN trong quá trình xây dựng các chính sách đã phối hợp với các thành viên của VNBA để nghiên cứu một cách thấu đáo, đầy đủ đến đối tượng và các vấn đề liên quan (Xem thêm Hộp 5). Dưới sự chỉ đạo của NHNN, các TCTD đã chủ động tìm hiểu tình hình và có những hành động kịp thời nhằm hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với khách hàng.

Hộp 5: Sự kịp thời của ngành ngân hàng khi ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ

Theo đại diện VNBA, ngay đầu năm 2020 khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát, NHNN đã cùng làm việc với các TCTD và VNBA để tìm giải pháp kịp thời nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ và hạn chế rủi ro cho các TCTD khi tỷ lệ nợ xấu có thể tăng cao. Sau đó Thông tư số 01/2020/TT-NHNN được ban hành và có 02 lần sửa đổi tiếp theo. Chính sách hiện tại được đánh giá là có quy định tương đối đầy đủ, bao gồm được tất cả các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

³² Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19

³³ Quyết định 173/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra

³⁴ Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 (Thông tư số 03/2021/TT-NHNN)

³⁵ Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 của NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (Thông tư số 14/2021/TT-NHNN)

Riêng đối với chính sách hỗ trợ lãi suất 2% theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, có đến 4 văn bản đã được NHNN ban hành³⁶ cùng với hàng loạt hội nghị trực tuyến toàn quốc³⁷ với các TCTD, chi nhánh NHNN để hướng dẫn, giải đáp, chỉ đạo triển khai chính sách trong toàn hệ thống ngân hàng. Trước đó trong quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, NHNN cũng chủ động phối hợp, bàn bạc rất kỹ lưỡng với các bộ, ngành, các NHTM thông qua nhiều cuộc họp cũng như lấy ý kiến bằng văn bản để xây dựng, hoàn thiện nghị định và thông tư hướng dẫn nhằm sớm đưa chính sách hỗ trợ vào thực tiễn³⁸

- iii. **Áp dụng chính sách ưu tiên, thưởng cho các TCTD có kết quả thực hiện tốt** về miễn giảm, lãi, phí cho khách hàng trên cơ sở giảm lãi suất dư nợ hiện hữu và dư nợ cho vay mới. Kết quả báo cáo thực hiện hàng tháng của các TCTD cho NHNN và VNBA là **cơ sở để NHNN và VNBA đánh giá và xem xét việc ưu tiên nói mức tăng trưởng tín dụng, mở rộng mạng lưới tín dụng, cho vay cấp vốn cho các TCTD tham gia.**
- iv. **Chính sách hỗ trợ lãi suất tại NHCSXH được thực hiện tương đối linh hoạt nhằm tạo điều kiện tối ưu cho khách hàng.** Theo chia sẻ của đại diện NHCSXH, các tiêu chí và quy trình hỗ trợ lãi suất cho khách hàng tại NHCSXH đơn giản hơn so với chính sách hỗ trợ lãi suất tại ngân hàng thương mại. Một trong những nguyên nhân là do việc sàng lọc đối tượng thụ hưởng chính sách không phức tạp như thủ tục tại ngân hàng thương mại, ví dụ, không cần đánh giá về ngành nghề của doanh nghiệp, mục đích sử dụng nguồn vốn vay, mức tăng trưởng tín dụng,...

NHCSXH cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất 2% và triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền thực hiện chính sách đến toàn bộ các chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh³⁹, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, như tổ chức tập huấn, hội nghị trực tuyến toàn quốc.

³⁶ Bao gồm: Thông tư số 03/2022/TT-NHNN; Công văn 4593/NHNN-TD năm 2022 về giải đáp, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN; Chỉ thị 03/CT-NHNN về việc triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn ngân sách nhà nước 40.000 tỷ đồng; Văn bản số 6221/NHNN-TD về đẩy mạnh triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

³⁷ NDO, Phối hợp triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ lãi suất 2%, Báo Nhân dân, ngày 07/06/2022. Xem thêm tại: <https://nhandan.vn/phoi-hop-trien-khai-hieu-qua-chinh-sach-ho-tro-lai-suot-2-post704167.html>

Ngành Ngân hàng chủ động triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, Tạp chí Ngân hàng, 13/09/2022. Xem thêm tại: <https://tapchinganhang.gov.vn/nganh-ngan-hang-chu-dong-trien-khai-chinh-sach-ho-tro-lai-suot-dong-bo-thong-nhat-tu-trung-uong-den-.htm>

Hội nghị trực tuyến phổ biến, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Cổng thông tin điện tử NHNN chi nhánh tỉnh Bình Phước, 30/08/2022. Xem thêm tại: <https://nhnn.binhphuoc.gov.vn/tin-tuc-ngan-hang/hoi-nghi-truc-tuyen-pho-bien-giai-dap-thao-gu-kho-khan-vuong-mac-trong-qua-trinh-trien-khai-chuong-trinh-ho-tro-lai-suot-theo-nghi-dinh-so-31-2022-nd-c-101.html>

³⁸ NHNN tổ chức Hội nghị triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách nhà nước 40.000 tỷ đồng, Cổng thông tin điện tử NHNN Việt Nam, 27/05/2022. Xem thêm tại:

https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ttsk/ttsk_chitiet?centerWidth=100%25&dDocName=SBV501631&leftWidth=0%25&rightWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&_adf.ctrl-state=hatc0fxbf_4&_afLoop=5011078056347891#%40%3F_afLoop%3D5011078056347891%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBV501631%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D098w92v1q_17

³⁹ Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH, Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 18/07/2022. Xem thêm tại:

<https://baria-vungtau.gov.vn/sphere/baria/vungtau/page/xem-tin.cpx?item=62d512933c046a6fab559458> ;

- v. **NHCSXH đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo**⁴⁰ trong triển khai thực hiện chính sách cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg. Mặc dù chính sách này được ban hành và triển khai khá muộn đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập - đối tượng chịu sự ảnh hưởng nặng nề của các chính sách phòng chống dịch bệnh COVID-19, nhưng kết quả của sự phối hợp chặt chẽ này là **thủ tục nhanh gọn, thuận lợi, với các biểu mẫu cụ thể**, giúp các cơ sở giáo dục thuận lợi hơn khi tiếp cận với chính sách.⁴¹

3.3.3 Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng

a) Đánh giá chung của doanh nghiệp

Từ kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy ba nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả của các chính sách tài chính - tín dụng (Hình 13) là i) Điều kiện hưởng không phù hợp (ý kiến của 52,2% doanh nghiệp khảo sát), ii) Quy mô hỗ trợ không lớn (ý kiến của 47,8% doanh nghiệp khảo sát) và iii) Thời hạn hỗ trợ không đủ dài (ý kiến của 40,3% doanh nghiệp khảo sát). Kết quả này không khác biệt so với các nghiên cứu tương tự của VCCI, Nhóm Ngân hàng Thế giới và IMF về hiệu quả các hỗ trợ của Chính phủ.

Tỉnh Bình Thuận: <https://stc.binhthuan.gov.vn/1325/32748/66878/618828/tuyen-truyen-pho-bien-huong-dan-chinh-sach-phap-luat/trien-khai-thuc-hien-nghi-dinh-so-36-2022-nd-cp-ngay-17-6-2022-cua-chinh-phu-ve-ho-tro-lai-suat.aspx>;

Tỉnh Quảng Nam: https://quangnam.gov.vn/webcenter/portal/ubnd/pages_tin-tuc/chi-tiet?dDocName=PORTAL344982;

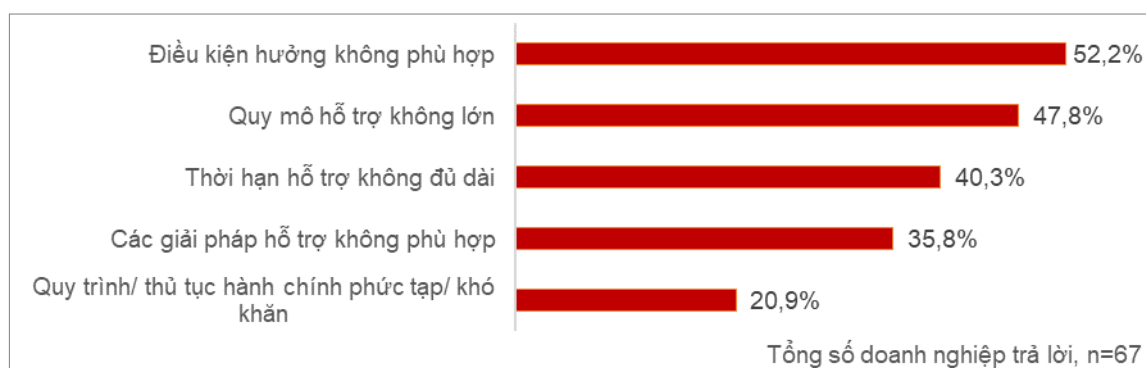
Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng: <https://nganam.soctrang.gov.vn/Default.aspx?sname=txnganam&sid=1311&pageid=33531&catid=56256&id=350460&catname=V%u0103n+h%u00f3a+-+X%u00e3+h%u01ed9i&title=ho-tro-lai-suat-2-doi-voi-cac-khoan-vay-tai-ngan-hang-chinh-sach-xa-hoi>

⁴⁰ Trường mầm non, tiểu học ngoài công lập được vay vốn ưu đãi: Kịp thời và rất nhân văn, Báo Điện tử Chính phủ, 30/04/2022. Xem thêm tại: <https://baochinhphu.vn/truong-mam-non-tieu-hoc-ngoai-cong-lap-duoc-vay-von-uu-dai-kip-thoi-va-rat-nhan-van-102220430135822811.htm>, truy cập vào 23/07/2022

⁴¹ Trường mầm non, tiểu học ngoài công lập được vay vốn ưu đãi: Kịp thời và rất nhân văn, Báo Điện tử Chính phủ, 30/04/2022. Xem thêm tại: <https://baochinhphu.vn/truong-mam-non-tieu-hoc-ngoai-cong-lap-duoc-vay-von-uu-dai-kip-thoi-va-rat-nhan-van-102220430135822811.htm>

Tỉnh Đồng Nai: <http://baodongnai.com.vn/bandoc/202205/dieu-kien-cho-cac-co-so-giao-duc-mam-non-tieu-hoc-ngoai-cong-lap-vay-von-3116626/>; Tỉnh Bạc Liêu: <https://baclieu.gov.vn/vi/-/huong-dan-nghiep-vu-cho-vay-doi-voi-co-so-giao-duc-mam-non-tieu-h%E1%BB%8Dc-ngoai-cong-lap-bi-ảnh-huống-b>; Tỉnh Cà Mau: <https://camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=trangchitiet&urile=wcm%3Apath%3A/camaulibrary/camauofsite/tra-ngchu/tintucsukien/vanhoaxahoi/tdkhtcgvd234234;...>

Hình 13: Nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ về tài chính-tín dụng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Kết quả khảo sát trên cũng được khẳng định bởi đại diện của các hiệp hội doanh nghiệp: các chính sách về tín dụng, tài chính có điều kiện được hưởng chính sách tương đối cao, thủ tục thực hiện để được hưởng ưu đãi khá phức tạp, đồng thời công tác truyền thông về chính sách cũng như sự hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chưa thực sự hiệu quả.

Ngoài ra, mặc dù NHNN và VNBA đã có nhiều chia sẻ về các hoạt động truyền thông chính sách, nhưng khảo sát các hiệp hội doanh nghiệp (VITA, HAWA,...) và doanh nghiệp ghi nhận thực trạng **hiều doanh nghiệp (35% doanh nghiệp khảo sát) không biết, không nắm rõ được các thông tin về chính sách hoặc không nắm được chính xác, đầy đủ các thông tin về chính sách**. Báo cáo từ Bộ KHĐT (5/2022)⁴² cũng cho biết nhiều doanh nghiệp không nhận được bất kỳ thông tin gì liên quan đến chính sách hỗ trợ, hoặc có biết thông tin nhưng không nắm rõ cách thức, quy trình, hồ sơ thủ tục cần phải hoàn thiện để nhận được hỗ trợ.

Theo nghiên cứu của IMF, hiệu quả của các chính sách tài chính - tín dụng trong việc cải thiện khả năng thanh khoản của doanh nghiệp phụ thuộc vào quy mô doanh nghiệp và dường như có lợi lớn hơn đối với doanh nghiệp quy mô lớn. Hiệu quả thấp hơn với các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ là do những vấn đề về yêu cầu tài sản thế chấp cao.

Phân tích nội dung các chính sách được ban hành và những vướng mắc của doanh nghiệp khi tiếp cận các biện pháp hỗ trợ về tài chính - tín dụng cũng cho thấy các hạn chế làm giảm hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp được tóm tắt ở Bảng 8 và phân phân tích dưới đây.

Bảng 8: Tóm tắt về các vướng mắc tiếp cận các chính sách hỗ trợ về tài chính - tín dụng

(Nhóm) Chính sách	Vướng mắc
Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ	- Thời gian hỗ trợ ngắn (Thông tư 03/2021/TT-NHNN) - Điều kiện hưởng quá chặt chẽ
Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ	- Điều kiện hưởng quá chặt chẽ - Không rõ ràng, thiếu thống nhất về đối tượng hưởng

⁴² Bộ KHĐT - Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Báo cáo phục hồi từ dịch bệnh COVID-19, tháng 7/2022

(Nhóm) Chính sách	Vướng mắc
kinh doanh tại NHTM	- Việc ban hành và hướng dẫn triển khai chính sách chưa thực sự kịp thời - Ngân hàng thương mại ngại các thủ tục hậu kiểm của cơ quan nhà nước - Mức tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại bị hạn chế - Doanh nghiệp còn tâm lý ngại bị thanh tra, kiểm tra
Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập	- Mức vay thấp, mục đích vay hạn chế

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, 11/2022

b) Vướng mắc trong chính sách Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ

- Thông tư 03/2021/TT-NHNN được ban hành để gỡ khó cho doanh nghiệp, nhưng quy định về thời gian tái cơ cấu nợ ngắn (12 tháng), ít mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh kéo dài, đặc biệt là các doanh nghiệp du lịch gặp nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ⁴³, theo Hiệp hội Du lịch Tp. Hồ Chí Minh. Trên thực tế có doanh nghiệp chỉ được cơ cấu giãn nợ trong 03 tháng⁴⁴ và bị cộng dồn và chia số tiền giãn nợ trong 3 tháng đó vào các kỳ sau gây áp lực lớn hơn cho các doanh nghiệp chưa kịp phục hồi, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh⁴⁵.*
- Điều kiện để được hưởng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ loại trừ các doanh nghiệp có nợ xấu là quá chặt chẽ, làm giảm hiệu quả của chính sách. Trong bối cảnh dịch bệnh, hầu hết doanh nghiệp đều có nợ xấu, vì vậy doanh nghiệp không đủ điều kiện để nhận hỗ trợ (VASEP). Theo đại diện của LEFASO, trong giai đoạn khó khăn, tất cả các doanh nghiệp đều nên được hỗ trợ.*

c) Vướng mắc trong chính sách Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại ngân hàng thương mại

- Điều kiện hưởng hỗ trợ quy định quá ngặt nghèo trong bối cảnh khó khăn của dịch COVID-19 làm giảm hiệu quả hỗ trợ của chính sách. Cụ thể, điều kiện hỗ trợ được đặt ra trong Nghị quyết số 11/NQ-CP đó là "thuộc đối tượng thụ hưởng, đã được vay vốn hoặc đáp ứng các điều kiện vay vốn, được ngân hàng thương mại chấp thuận"⁴⁶. Nghị định số 31/2022/NĐ-CP yêu cầu doanh nghiệp "phải đáp ứng các điều kiện vay vốn*

⁴³ Vân Linh, *Tái cơ cấu nợ cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 còn vướng mắc*, Báo Đầu tư online, 15/08/2021. Xem thêm tại: <https://baodautu.vn/tai-co-cau-no-cho-khach-hang-bi-anh-huong-boi-covid-19-con-vuong-mac-d149393.html>

⁴⁴ Hương Dịu, *Ngân hàng Nhà nước sẽ giám sát việc giảm lãi suất của các ngân hàng*, Cổng thông tin điện tử Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính, 13/08/2021. Xem thêm tại: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM207083

⁴⁵ A. Hồng - Lê Thanh, *Dù ngân hàng giãn nợ vẫn lo, chậm một ngày vào 'danh sách đen'*, Báo Tuổi trẻ Online, 09/09/2021. Xem thêm tại: <https://tuoitre.vn/du-ngan-hang-gian-no-van-lo-cham-mot-ngay-vao-danh-sach-den-20210909172723864.htm>

⁴⁶ Nghị quyết 11/NQ-CP, mục II.3.c

theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của TCTD” (khoản 1 Điều 4)⁴⁷. Với quy định như vậy, để đáp ứng đủ điều kiện vay, doanh nghiệp cần phải “khỏe mạnh”, tài chính tốt: có tài sản đảm bảo, không có nợ xấu, không có khoản vay đang được cơ cấu lại thời gian trả nợ, phải có doanh thu, phương án kinh doanh cụ thể.... Điều này dẫn đến thực tế là chính sách chưa tập trung vào đúng đối tượng cần hỗ trợ. Ngoài ra, theo VINASME, thực tế làm việc với một số ngân hàng còn có thêm điều kiện doanh nghiệp phải “chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác”. Trong điều kiện bình thường thì đây là những yêu cầu hợp lý, nhưng trong bối cảnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch, những yêu cầu này được đánh giá là rất khó để đáp ứng được toàn bộ các yêu cầu này, đặc biệt là các điều kiện liên quan đến doanh thu và tình trạng nợ⁴⁸. (Xem thêm Hộp 6)

Hộp 6: Vướng mắc của doanh nghiệp về điều kiện được hưởng hỗ trợ

Theo đại diện của Hội Doanh nghiệp Cơ khí - Điện Tp. Hồ Chí Minh: “doanh nghiệp rất cần vốn nhưng điều kiện đưa ra là quá khó và không dễ gì tiếp cận. Đa phần các ngân hàng chỉ xem xét khi doanh nghiệp không có nợ xấu tại các TCTD tại thời điểm vay vốn, cũng như yêu cầu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo, tuy nhiên, không nhiều doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện này”.

Theo đại diện của VASEP, “hầu hết doanh nghiệp nào trong 02 năm diễn ra dịch COVID-19 cũng có nợ xấu, vì vậy họ không đủ điều kiện để nhận hỗ trợ”.

Theo đại diện của VITAS, “trong thời điểm hiện nay chỉ có các doanh nghiệp lớn mới có thể đáp ứng được các điều kiện hỗ trợ lãi suất, trong khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ mới là đối tượng cần được hỗ trợ lại gặp khó khăn trong quá trình tiếp cận gói chính sách”.

Theo đại diện của VINASME, “các doanh nghiệp nhỏ và vừa khó có thể đạt tiêu chí không có nợ xấu, phải có doanh thu, có tài sản bảo đảm...; trong 2 năm dịch bệnh, nhiều doanh nghiệp đã phải thu hẹp, ngừng sản xuất, giảm quy mô... và cũng không tránh khỏi nợ xấu, chuyển nhóm nợ”

Theo đại diện của LEFASO, “Thực tế bây giờ các doanh nghiệp ngành da giày đều thế chấp hết tài sản. Đối với doanh nghiệp nhỏ thì rất là khó, nhất là 2 năm liền kể thì phải báo cáo tài chính như thế nào mới hy vọng vay được, mà 2 năm dịch vừa rồi thì các doanh nghiệp rất khó khăn về tài chính.”

⁴⁷ Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Điều 4, khoản 1

Linh - Hòa - Dương, *Giải ngân gói hỗ trợ lãi suất 2%: Kỳ 1: Khó khăn liên kế, vốn ưu đãi lại rất “xa”*, Báo Công thương. Xem thêm tại: <https://congthuong.vn/giai-ngan-goi-ho-tro-lai-suot-2-ky-1-kho-khan-lien-ke-von-uu-dai-lai-rat-xa-215773.html>

⁴⁸ Đào Vũ, *Gói hỗ trợ lãi suất 2%: Chiếc “phao vàng” chỉ dành cho “người khỏe”*, Báo Điện tử VnEconomy, 12/07/2022. Xem thêm tại: <https://vneconomy.vn/goi-ho-tro-lai-suot-2-chiec-phao-vang-chi-danh-cho-nguoi-khoe.htm>

Hương Chi, Uyên Phương, *Doanh nghiệp khó tiếp cận gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Báo Tiền phong, 21/07/2022. Xem thêm tại: <https://tienphong.vn/doanh-nghiep-kho-tiep-can-goi-ho-tro-lai-suot-2-post1455190.tpo>

Nhóm phóng viên, *Không dễ tiếp cận gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Báo Người lao động, 08/07/2022. Xem thêm tại: <https://nld.com.vn/thoi-su/khong-de-tiep-can-goi-ho-tro-lai-suot-2-20220707215350963.htm>

- ii. **Không thống nhất về điều kiện vay giữa các ngân hàng thương mại** từ quy định về đánh giá “khả năng phục hồi của khách hàng” để hỗ trợ lãi suất theo đánh giá nội bộ của ngân hàng thương mại (khoản 4 Điều 3, Nghị định số 31/2022/NĐ-CP). Tiêu chí này được cho rằng rất khó để triển khai và đánh giá với cả doanh nghiệp và NHTM. Không chỉ gây ra khó khăn cho doanh nghiệp vay vốn, điều này còn có thể ảnh hưởng đến quá trình thanh tra, quyết toán chi phí hỗ trợ sau này tại các NHTM và doanh nghiệp vay vốn.⁴⁹
- iii. Một số nội dung chính sách chưa có hướng dẫn cụ thể, như không bao gồm các đối tượng hộ gia đình không có đăng ký kinh doanh và khách hàng hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành trong khi đây là đối tượng khách hàng lớn của một số TCTD, gây khó khăn cho nhiều ngân hàng thương mại, theo VNBA⁵⁰.
- iv. **Chỉ hỗ trợ các khoản vay bằng đồng Việt Nam** (khoản 2 Điều 4, Nghị định số 31/2022/NĐ-CP) **có thể làm hạn chế khả năng phát triển sau đại dịch** của một số ngành nghề liên quan đến xuất nhập khẩu⁵⁰.
- v. **Việc ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm triển khai chính sách còn chưa thực sự kịp thời**⁵¹. Cụ thể, chính sách về hỗ trợ lãi suất được nêu trong Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, tuy nhiên đến ngày 20/05/2022 - gần 4 tháng sau, Chính phủ và NHNN mới ban hành các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN). Sau đó, doanh nghiệp lại tiếp tục chờ thêm một thời gian để các ngân hàng ban hành văn bản hướng dẫn nội bộ⁵². Theo đại diện NHNN, “*một trong những nguyên nhân khiến kết quả bước đầu thực thi chính sách hỗ trợ lãi suất chưa cao là do độ trễ trong việc ban hành và hướng dẫn triển khai chính sách, mặc dù các NHTM đã rất tích cực triển khai*”.⁵³ Đến tháng 9/2022, khi thực hiện khảo sát này,

⁴⁹ Vân Phong, *Khách hàng không mặn mà với gói hỗ trợ lãi suất 2% vì ngại bị thanh tra, kiểm tra*, Báo Kinh tế Dài Gòn Online, 26/08/2022. Xem thêm tại: https://thesaigontimes.vn/khach-hang-khong-man-ma-voi-goi-ho-tro-lai-suat-2-vi-ngai-bi-thanh-tra-kiem-toan/?fbclid=IwAR2EvtjtqG_0mh4cGjARAmCdIjZeU-QZ7SsEJpPfoHx6Q1fbjWxQjTR8AM&zarsrc=10&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&gclid=9gI93VPmuWibluCzs_c22gtY0_WOEGACxI4MBHcl5beuODSxsJfNMYnXLNjDRbNCU3INZdauLany7VX30

⁵⁰ *Giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực hiện gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Cổng thông tin điện tử Chính phủ - Xây dựng chính sách, pháp luật, 26/08/2022. Xem thêm tại: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/giai-dap-thao-gu-kho-khan-thuc-hien-goi-ho-tro-lai-suat-2-119220826165005181.htm>

Đào Vũ, *Gói hỗ trợ lãi suất 2%: Chiếc “phao vàng” chỉ dành cho “người khỏe”*, Báo VnEconomy, 12/07/2022. Xem thêm tại: <https://vneconomy.vn/goi-ho-tro-lai-suat-2-chiec-phao-vang-chi-danh-cho-nguoi-khoe.htm>

Vân Phong, *Khách hàng không mặn mà với gói hỗ trợ lãi suất 2% vì ngại bị thanh tra, kiểm tra*, Báo Kinh tế Dài Gòn Online, 26/08/2022. Xem thêm tại: https://thesaigontimes.vn/khach-hang-khong-man-ma-voi-goi-ho-tro-lai-suat-2-vi-ngai-bi-thanh-tra-kiem-toan/?fbclid=IwAR2EvtjtqG_0mh4cGjARAmCdIjZeU-QZ7SsEJpPfoHx6Q1fbjWxQjTR8AM&zarsrc=10&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&gclid=9gI93VPmuWibluCzs_c22gtY0_WOEGACxI4MBHcl5beuODSxsJfNMYnXLNjDRbNCU3INZdauLany7VX30

⁵¹ Bản Tổng hợp kiến nghị của các hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp, mục 2

Nhóm phóng viên, *Không dễ tiếp cận gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Báo Người lao động, 04/07/2022. Xem thêm tại: <https://nld.com.vn/thoi-su/khong-de-tiep-can-goi-ho-tro-lai-suat-2-20220707215350963.htm>

⁵² Hải Quân, *Doanh nghiệp 'ngóng' gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Báo Đồng Nai, 04/07/2022. Xem thêm tại: <http://www.baodongnai.com.vn/tieu-diem/202207/doanh-nghiep-ngong-goi-ho-tro-lai-suat-2-3123753/>

⁵³ *Giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực hiện gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Cổng thông tin điện tử Chính phủ - Xây dựng chính sách, pháp luật, 26/08/2022. Xem thêm tại: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/giai-dap-thao-gu-kho-khan-thuc-hien-goi-ho-tro-lai-suat-2-119220826165005181.htm>

một số doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng vẫn cho biết họ “*chưa có thông tin cụ thể vì đang chờ được các ngân hàng trả lời và các ngân hàng thì đang chờ hướng dẫn của hội sở chính về thủ tục, tiêu chí đánh giá đối với gói hỗ trợ này để triển khai*”. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận một cách khách quan rằng việc xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn cần phải được cân nhắc tới độ khó, sự phức tạp và quy mô của chính sách và văn bản hướng dẫn. Qua trao đổi của đại diện NHNN, sau khi nhận chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã nhanh chóng triển khai xây dựng văn bản, đồng thời tích cực, chủ động phối hợp, trao đổi kỹ lưỡng với Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, các NHTM thông qua nhiều cuộc họp (trong đó có 6 cuộc họp do Phó Thủ tướng Lê Minh Khái chủ trì), cũng như lấy ý kiến bằng văn bản để xây dựng, hoàn thiện Nghị định và Thông tư hướng dẫn.

- vi. ***Ngân hàng thương mại e ngại thanh tra kiểm tra và khó khăn quyết toán số tiền đã chi hỗ trợ cho khách hàng.*** Theo chia sẻ từ đại diện của VNBA, các ngân hàng có tâm lý e ngại do một số chương trình hỗ trợ lãi suất triển khai năm 2009 và một số chương trình từ NSNN khác tới nay vẫn chưa được quyết toán số tiền đã hỗ trợ cho khách hàng. Theo đó, các NHTM không quá “mặn mả” với chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm này bởi áp lực từ việc sử dụng NSNN sẽ kéo theo rất nhiều quy trình thanh tra, kiểm tra⁵⁴. Đại diện của các hiệp hội doanh nghiệp được khảo sát cũng xác nhận vấn đề do e ngại việc thanh tra, kiểm tra của nhà nước mà các ngân hàng thương mại sẽ chỉ cân nhắc phê duyệt những trường hợp cho vay an toàn, ít rủi ro (*Xem thêm tại Hộp 7*). Vấn đề này tương thích với kết quả nghiên cứu tài liệu, theo đó các ngân hàng cũng đang rất cân trọng trong quá trình xét duyệt hồ sơ của doanh nghiệp, đảm bảo dòng tiền hỗ trợ đến đúng đối tượng, đúng mục tiêu, an toàn hiệu quả để tránh có nợ xấu xảy ra và gặp vấn đề trong quá trình quyết toán, kiểm tra sau này⁵⁵.

Hộp 7: Ngân hàng có tâm lý e ngại về vấn đề thanh tra, kiểm tra và quyết toán các khoản đã chi hỗ trợ cho doanh nghiệp

Một số doanh nghiệp là thành viên của HAWA cho biết là họ gặp trường hợp ngân hàng từ chối cho vay theo chính sách hỗ trợ lãi suất do tâm lý e ngại việc thanh tra, kiểm tra của nhà nước, đồng thời bản thân ngân hàng lại không được hưởng lợi từ chính sách này. Một số doanh nghiệp cũng ghi nhận rằng ngân hàng chỉ xét duyệt các khoản vay nhỏ, ít rủi ro...

- vii. Ngân hàng thận trọng trong việc phê duyệt các khoản vay hỗ trợ do những rủi ro về đảm bảo an toàn vốn và mức tăng trưởng tín dụng quá nóng. Điều này chính là mâu

⁵⁴ Vân Phong, Khách hàng không mặn mả với gói hỗ trợ lãi suất 2% vì ngại bị thanh tra, kiểm tra, Báo Kinh tế Sài Gòn Online, 26/08/2022. Xem thêm tại: https://thesaigontimes.vn/khach-hang-khong-man-ma-voi-goi-ho-tro-lai-suot-2-vi-ngai-bi-thanh-tra-kiem-toan/?fbclid=IwAR2EvttjqG_0mhf4cGjARamCdIjZeU-QZ7SsEJpPfoHx6Q1fbjWxQjTR8AM&zarsrc=10&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&gclid=9gI93VPmuWibluCzs_c22gtY0_WOEGACxI4MBHcl5beuODSxsJfNMYnXLNjDRbNCU3INZdauLany7VX30

⁵⁵ Linh - Hòa - Dương, Giải ngân gói hỗ trợ lãi suất 2%: Kỳ 1: Khó khăn liên kế, vốn ưu đãi lại rất “xa”, Báo Công thương. Xem thêm tại: <https://congthuong.vn/giai-ngan-goi-ho-tro-lai-suot-2-ky-1-kho-khan-lien-ke-von-uu-dai-lai-lai-rat-xa-215773.html>

Giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực hiện gói hỗ trợ lãi suất 2%, Cổng thông tin điện tử Chính phủ - Xây dựng chính sách, pháp luật, 26/08/2022. Xem thêm tại: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/giai-dap-thao-go-kho-khan-thuc-hien-goi-ho-tro-lai-suot-2-119220826165005181.htm>

thuần trong các chính sách được ban hành: công bố gói hỗ trợ lãi suất nhưng hạn mức tín dụng không còn nhiều. Thông tin này được ghi nhận từ nhiều NHTM trong quá trình nghiên cứu tài liệu. Theo các ngân hàng, vấn đề hạn mức tín dụng và mức tăng trưởng tín dụng là cản trở trong việc thực hiện chính sách. Việc sắp hết hạn mức tín dụng sẽ khiến các ngân hàng phải cân nhắc hơn trong quá trình xét duyệt yêu cầu cho vay lãi suất ưu đãi của khách hàng⁵⁶. Theo VNBA, hiện nay tốc độ tăng trưởng tín dụng tại nhiều ngân hàng đang khó khăn, vì vậy các TCTD sẽ phải lựa chọn các khách hàng cho vay hiệu quả nhất, vốn ít nhất và khả năng thu hồi dễ nhất. Tuy nhiên theo quan điểm của đại diện NHNN, vấn đề mức tăng trưởng tín dụng không phải nguyên nhân dẫn đến hiệu quả của chính sách này chưa cao bởi theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, các khoản vay được hỗ trợ lãi suất bao gồm cả các khoản vay từ 01/01/2022 thay vì chỉ áp dụng với các khoản vay mới. Bên cạnh đó, trên thực tế, NHNN cũng đã và đang hỗ trợ cho các TCTD cung ứng vốn cho nền kinh tế. Cụ thể, trong năm 2022, NHNN đã 02 lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD, đồng thời thực hiện điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, điều tiết thanh khoản nhằm ổn định thị trường tiền tệ, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD. Kết quả đến ngày 30/12/2022, tín dụng tăng trưởng tích cực, khoảng 14,08% so với cuối năm 2021.

viii. ***Doanh nghiệp còn tâm lý ngại bị thanh tra, kiểm tra, sợ chịu trách nhiệm.*** Cụ thể, quá trình nghiên cứu các tài liệu ghi nhận tâm lý chung của một số doanh nghiệp như sau: doanh nghiệp đánh giá rằng số tiền hỗ trợ lãi suất không nhiều, tuy nhiên các thủ tục xin hỗ trợ, hồ sơ thanh quyết toán lại phức tạp, bên cạnh đó việc tham gia chương trình hỗ trợ lãi suất từ NSNN phải tuân thủ các thủ tục hậu kiểm, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn đến doanh nghiệp e ngại trong việc xin hỗ trợ. Một số khách hàng là doanh nghiệp lớn có tâm lý lo ngại quá trình thanh tra, kiểm toán chi phí hỗ trợ kéo dài sẽ ảnh hưởng tới hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp dù bản thân doanh nghiệp đủ điều kiện để xin hỗ trợ. Đại diện một số ngân hàng cũng phản ánh thực trạng một số chi nhánh đã chủ động liên hệ, hướng dẫn khách hàng làm thủ tục, hồ sơ hỗ trợ, song bản thân khách hàng, nhất là các doanh nghiệp có tâm lý e ngại⁵⁷. Bên cạnh đó, theo khảo sát của NHNN với các NHTM và doanh nghiệp (đã nhận ưu đãi, từ chối hoặc không nhận ưu đãi), khách hàng không đáp ứng điều kiện nhận ưu đãi là 650.000 trường hợp, khách hàng đủ điều kiện là 100.000 trường hợp, trong đó 67% khách hàng đủ điều kiện cho biết không có nhu cầu tiếp cận chính sách. Nguyên nhân được đại diện NHNN chỉ ra một là do đối tượng thụ hưởng không có nhu cầu hưởng chính sách bởi ngại thanh tra, kiểm tra.

d) Vướng mắc trong chính sách Cho vay tại NHCSXH đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập

⁵⁶ Hải Quân, *Doanh nghiệp 'ngóng' gói hỗ trợ lãi suất 2%*, Báo Đồng Nai, 04/07/2022. Xem thêm tại: <http://www.baodongnai.com.vn/tieu-diem/202207/doanh-nghiep-ngong-goi-ho-tro-lai-suot-2-3123753/>

⁵⁷ Linh - Hòa - Dương, *Giải ngân gói hỗ trợ lãi suất 2%: Kỳ 1: Khó khăn liên kế, vốn ưu đãi lại rất "xa"*, Báo Công thương. Xem thêm tại: <https://congthuong.vn/giai-ngan-goi-ho-tro-lai-suot-2-ky-1-kho-khan-lien-ke-von-uu-dai-lai-rat-xa-215773.html>

Vân Phong, *Khách hàng không mặn mà với gói hỗ trợ lãi suất 2% vì ngại bị thanh tra, kiểm tra*, Báo Kinh tế Sài Gòn Online, 26/08/2022. Xem thêm tại: https://thesaigontimes.vn/khach-hang-khong-man-ma-voi-goi-ho-tro-lai-suot-2-vi-ngai-bi-thanh-tra-kiem-toan/?fbclid=IwAR2EvtjtqG_0mh4cGjARAmCdIjZeU-QZ7SsEJpPfoHx6Q1fbjWxQjTR8AM&zarsrc=10&utm_source=zalo&utm_medium=zalo&utm_campaign=zalo&gclid=9gI93VPmuWibluCzs_c22gtY0_WOEGACxI4MBHcl5beuODSxsJfNMYnXLNjDRbNCU3INZdauLany7VX30

Theo chia sẻ của đại diện *NHCSXH*, *chính sách này chưa thực sự phù hợp và thu hút được đối tượng thụ hưởng do mức vốn cho vay thấp, mục đích vay hạn chế*. Theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg, mức vay tối đa 80 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục và tối đa 200 triệu đồng/trường mầm non dân lập, tư thục, tiểu học tư thục (khoản 1 và 2 Điều 6) và chỉ cho mục đích sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế (Điều 5).

3.4 Chính sách/gói hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH

3.4.1 Mô tả chính sách/gói hỗ trợ

Từ 7/2020 - 7/2022 có 15 chính sách/gói hỗ trợ trong lĩnh vực lao động, việc làm và BHXH đã được ban hành và triển khai thực hiện (Bảng 6), trong đó 13/15 chính sách đã được lựa chọn để thực hiện khảo sát doanh nghiệp về mức độ tiếp cận. Hai chính sách còn lại là những chính sách có đối tượng áp dụng đặc thù được thực hiện nghiên cứu thông qua các thông tin thứ cấp như thông tin có sẵn từ các hiệp hội, báo chí và các báo cáo của cơ quan thực thi. Chính sách mới ban hành về hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 103/NQ-CP năm 2022 chưa có cơ sở, thông tin để đánh giá hiệu quả quá trình thực thi trên thực tế, nên sẽ không được bao gồm trong các phân phân tích ở Báo cáo này. *Chi tiết về các chính sách/gói hỗ trợ bao gồm: văn bản điều chỉnh, đối tượng, điều kiện hưởng, mức/nội dung hỗ trợ, quy trình, thủ tục, thời gian áp dụng xem tại Phụ lục 4.*

Bảng 9: Các chính sách/gói hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
Các chính sách hỗ trợ tiền mặt cho NLĐ		
1	Hỗ trợ NLĐ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương (2020-2021)	Có
2	Hỗ trợ NLĐ ngừng việc (2021)	Có
3	Hỗ trợ NLĐ chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (2021)	Có
4	Hỗ trợ bằng tiền cho NLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp (2021)	Có
5	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ (2022)	Có
6	Hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác	Không
Các chính sách hỗ trợ tài chính cho người sử dụng lao động		
7	Cho vay để trả lương cho NLĐ (4/2020-3/2022)	Có
8	Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLĐ (7/2021-6/2022)	Có
Các chính sách hỗ trợ liên quan đến các khoản đóng góp bắt buộc của người sử dụng lao động và NLĐ		
9	Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất (7/2021-6/2022)	Có
10	Lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 (2021)	Có
11	Miễn đóng đoàn phí công đoàn (năm 2020-2021)	Có
12	Giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 (10/2021-9/2022)	Có
13	Giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Nghị quyết số 68/NQ-CP	Không
Các chính sách hỗ trợ khác		

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
14	Hỗ trợ bữa ăn cho đoàn viên, người lao động đang thực hiện “3 tại chỗ” của doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách toàn tỉnh, thành phố (2021)	Có
15	Hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho đoàn viên, người lao động đang thực hiện “1 cung đường 2 điểm đến” của doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách (2021)	Có

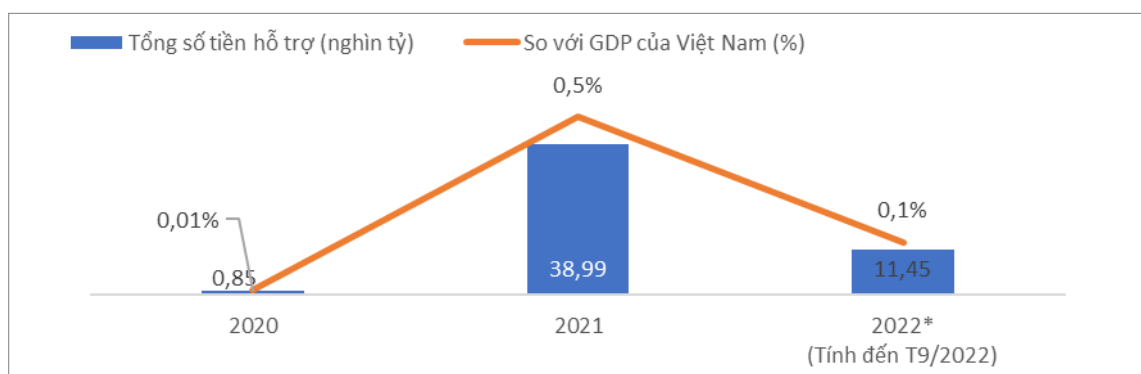
Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, tháng 11/2022

3.4.2 Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH

a) Các kết quả tổng hợp

Nhóm chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH chiếm tỷ lệ khoảng 8,7% trong tổng số tiền hỗ trợ của bốn nhóm chính sách. Tổng số tiền hỗ trợ đã thực hiện từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH tập trung phần lớn trong năm 2021, ước tính tương đương với trung bình 0,5% GDP năm 2021 của Việt Nam (Hình 14)

Hình 14: Kết quả thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH qua các năm



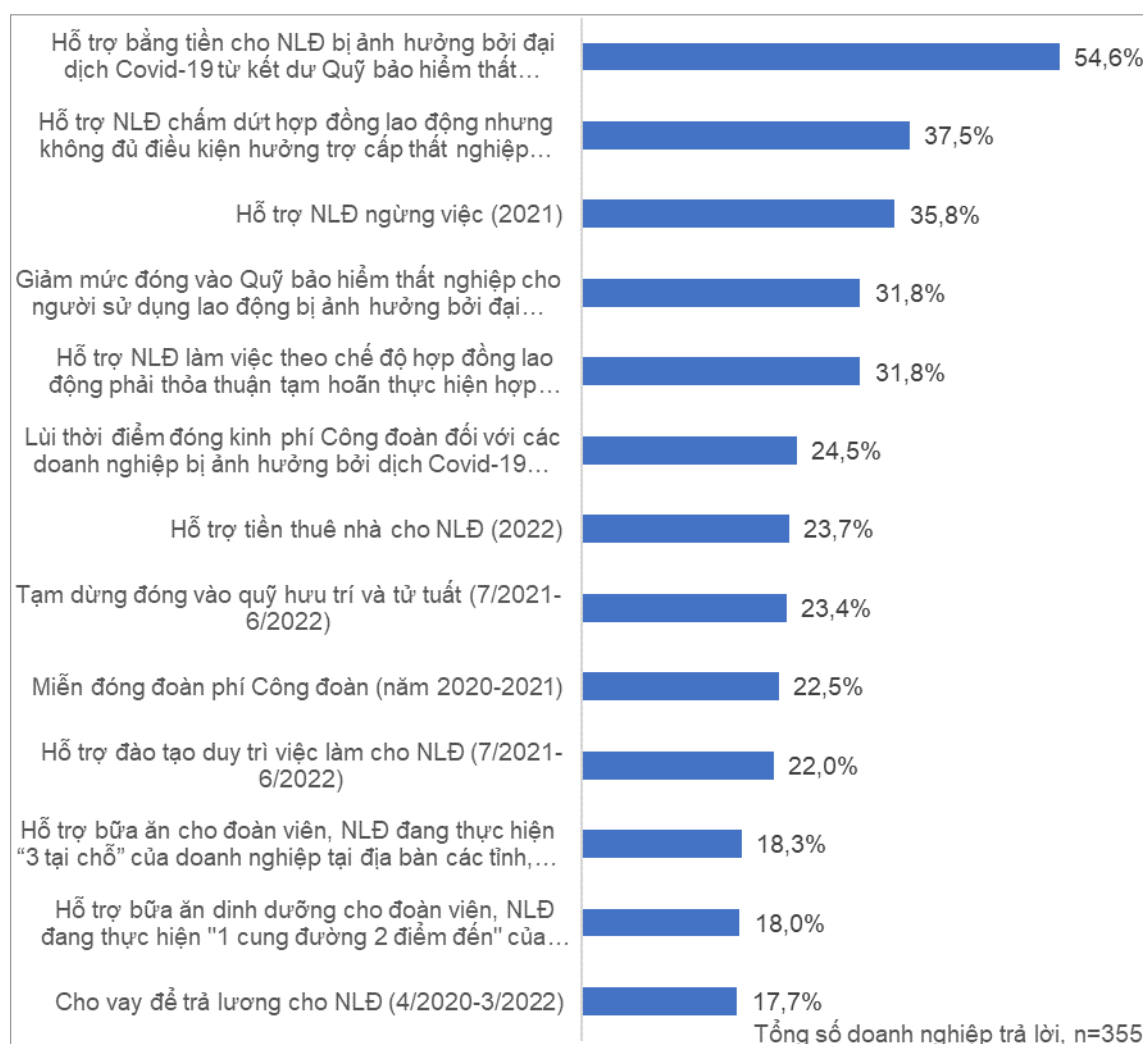
Ghi chú: (*) dữ liệu GDP lấy theo năm 2021

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ các nguồn thông tin, 11/2022

Trong số 13 chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm được khảo sát (Hình 9), 03 (ba) chính sách có tỷ lệ doanh nghiệp trả lời "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" cao nhất đều là những chính sách có đối tượng áp dụng rộng. Cụ thể: i) Hỗ trợ bằng tiền cho NLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp (2021) đạt tỷ lệ tiếp cận là 54,6% doanh nghiệp khảo sát, ii) Hỗ trợ NLĐ chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (2021) đạt tỷ lệ tiếp cận là 37,5% doanh nghiệp khảo sát và iii) Hỗ trợ NLĐ ngừng việc (2021) đạt tỷ lệ tiếp cận là 35,8% doanh nghiệp khảo sát.

Ở phía ngược lại, 03 (ba) chính sách có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận thấp, dưới 20% tổng số doanh nghiệp khảo sát là: Cho vay để trả lương cho NLĐ (4/2020-3/2022), Hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho đoàn viên, NLĐ đang thực hiện "1 cung đường 2 điểm đến" của doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách (2021), Hỗ trợ bữa ăn cho đoàn viên, NLĐ đang thực hiện “3 tại chỗ” của doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách toàn tỉnh, thành phố (2021)

Hình 15: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Từ phía cơ quan thực thi chính sách, các chính sách Hỗ trợ bằng tiền cho NLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp và Giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng là những chính sách dễ thực hiện nhất, có thể được triển khai một cách nhanh chóng, chủ động bởi sự sẵn có của hệ thống quản lý dữ liệu về BHXH, theo chia sẻ của đại diện của các cơ quan BHXH tại ba địa phương khảo sát.

b) Kết quả thực hiện tại các địa phương được khảo sát

Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm theo báo cáo của ba cơ quan BHXH Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Đà Nẵng trong năm 2021-2022 được thể hiện ở Bảng 10 dưới đây. Ước tính trung bình tổng số tiền hỗ trợ đã thực hiện bởi cơ quan BHXH tính đến tháng 6/2022 tương đương với khoảng 0,7 tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2021.

Bảng 10: Kết quả thực hiện tính theo tổng số tiền hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm của ba địa phương khảo sát

	Năm 2021		Năm 2022		Cộng dồn 2 năm	
	Tổng số tiền hỗ trợ (tỷ đồng)	% so với GRDP	Tổng số tiền hỗ trợ (tỷ đồng)	% so với GRDP*	Tổng số tiền hỗ trợ (tỷ đồng)	% so với GRDP*
Hà Nội	5.291	0,5%	2.091	0,2%	7.381	0,7%
Đà Nẵng	99	0,1%	679	0,6%	779	0,7%
Tp. Hồ Chí Minh	7.536	0,6%	2.870	0,2%	10.406	0,8%

Ghi chú: () dữ liệu GRDP của tỉnh lấy theo năm 2021*

Nguồn: Báo cáo của BHXH Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Đà Nẵng (9/2022) và tổng hợp của chuyên gia (11/2021)

Các số liệu ở Bảng 10 và Bảng 11 dưới đây tóm tắt về số lượng doanh nghiệp và NLĐ đã được các cơ quan BHXH ở ba địa phương hỗ trợ trong hai năm 2021 và 2022. Các số liệu chênh lệch về tỷ lệ lượt doanh nghiệp và NLĐ được hưởng chính sách các năm 2020 và 2021 cho thấy các chính sách cho đối tượng hưởng lợi là người sử dụng lao động (doanh nghiệp) được thực hiện tốt hơn ở hai địa phương là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh với trung bình các doanh nghiệp được hưởng nhiều hơn một chính sách hỗ trợ. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho NLĐ được thực hiện tốt nhất ở Tp. Hồ Chí Minh (xem Bảng 12).

Bảng 11: Kết quả thực hiện tính theo tổng số doanh nghiệp được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm cho đối tượng người sử dụng lao động của ba địa phương khảo sát

	Năm 2021		Năm 2022		Cộng dồn 2 năm	
	Tổng số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ	% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương	Tổng số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ	% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương*	Tổng số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ	% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương*
Hà Nội	84.510	47,3%	183.932	103,0%	268.442	150,4%
Đà Nẵng	10.154	41,1%	9.426	38,2%	19.580	79,3%
Tp. Hồ Chí Minh	84.418	31,4%	192.190	71,6%	276.608	103,0%

Ghi chú: () dữ liệu của tỉnh lấy theo năm 2021*

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ BHXH Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, và Tp. Đà Nẵng (9/2022) và Niên giám thống kê 2021

Bảng 12: Kết quả thực hiện tính theo tổng số NLĐ được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm cho đối tượng NLĐ của ba địa phương khảo sát

	Năm 2021		Năm 2022		Cộng dồn 2 năm	
	Tổng số lượt NLĐ được hỗ trợ (nghìn người)	% so với tổng số lao động tại địa phương	Tổng số lượt NLĐ được hỗ trợ (nghìn người)	% so với tổng số lao động tại địa phương*	Tổng số lượt NLĐ được hỗ trợ (nghìn người)	% so với tổng số lao động tại địa phương*
Hà Nội	1.688	45,6%	323	8,7%	2.011	54,4%
Đà Nẵng	n/a	n/a	307	57,5%	307	57,5%
Tp. Hồ Chí Minh	2.650	61,1%	848	19,6%	3.498	80,7%

Ghi chú: () dữ liệu của tỉnh lấy theo năm 2021*

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia từ BHXH Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, và Tp. Đà Nẵng (9/2022) và Niên giám thống kê 2021

c) Một số thực tiễn tốt về thực thi chính sách tại các địa phương khảo sát

- i. ***Sự phối hợp chặt chẽ và nhanh chóng giữa cơ quan bảo hiểm với các cơ quan thuộc sở, ban ngành có liên quan*** trong việc phân công và triển khai các chính sách đã mang lại hiệu quả kịp thời, theo nhận định của cả 03 cơ quan BHXH được khảo sát. Tại Hà Nội, cơ quan BHXH đã phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), NHCSXH kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Tp. Hà Nội xây dựng kế hoạch triển khai và ban hành các hướng dẫn⁵⁸ thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, đảm bảo sau khi ban hành sẽ có thể triển khai trên thực tiễn mà không gặp vướng mắc. Tương tự, BHXH Tp. Đà Nẵng và BHXH Tp. Hồ Chí Minh cũng đã chủ động phối hợp với Sở LĐTBXH địa phương, các sở, ngành liên quan tham mưu các phương án triển khai thực hiện chính sách, qua đó đã góp phần làm cho chính sách được thực thi kịp thời.
- ii. ***Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ rõ ràng và thực hiện theo sự chỉ đạo có tính thống nhất***. Thế mạnh về quy trình giải quyết hồ sơ trong ngành BHXH đã tiếp tục được phát huy trong giai đoạn giải quyết các chính sách hỗ trợ trong đợt dịch COVID-19 (xem thêm Hộp 8). Bên cạnh đó, để thực thi Nghị quyết số 116/NQ-CP năm 2021, BHXH Tp. Hồ Chí Minh đã thành lập Ban chỉ đạo hỗ trợ NLĐ và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cấp Thành phố, ban hành Quy chế hoạt động của Ban này. Ban chỉ đạo thường xuyên tổ chức họp giao ban để báo cáo kịp thời số liệu về BHXH Việt Nam, đồng thời đôn đốc, chấn chỉnh, giải quyết vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. BHXH Tp. Đà Nẵng xây dựng chỉ tiêu thi đua “không để hồ sơ quá hạn”, yêu cầu không để hồ sơ phải trả lại nhiều lần, xác nhận ngay trong ngày (trường hợp tiếp nhận hồ sơ chiều hôm trước thì chậm nhất xác nhận ngày hôm sau) để tạo điều kiện giải quyết nhanh việc hỗ trợ cho NLĐ và người sử dụng lao động gặp khó khăn.

Hộp 8: Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của BHXH Tp. Hà Nội

BHXH Hà Nội đã xây dựng quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ từ năm 2010, được ghi nhận là điển hình tốt để nhân rộng và học tập trong toàn ngành BHXH. Thời hạn để giải quyết hồ sơ của từng phòng ban được tính theo giờ, không tính theo ngày (ví dụ: hồ sơ qua mỗi phòng có tối đa 02 giờ để giải quyết 01 hồ sơ), có hệ thống cảnh báo thời hạn giải quyết (03 cấp độ: trong hạn, còn 1/3 thời gian để giải quyết, quá hạn). Thông tin về việc giải quyết hồ sơ đều được cập nhật tới các user của cán bộ có thẩm quyền giải quyết, do đó, lãnh đạo có thể giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ để đốc thúc việc giải quyết. Nếu chậm tiến độ, cá nhân và cơ quan có thể bị hạ thi đua.

- iii. ***Cơ sở dữ liệu về BHXH khá hoàn chỉnh và áp dụng giải quyết trực tuyến, điện tử là điều kiện tiên quyết của thành công***. Tất cả các cơ quan bảo hiểm được khảo sát đều đồng ý rằng, do các thủ tục của ngành BHXH phần lớn đều được thực hiện, xử lý trực tuyến, dữ liệu được quản lý bằng phần mềm điện tử, nên cơ quan BHXH có thể dễ dàng, nhanh chóng trích xuất dữ liệu phục vụ thực thi chính sách, cũng như giúp cho các đối tượng thụ hưởng chính sách dễ dàng nộp hồ sơ trong thời điểm các địa phương phần lớn đang áp dụng giãn cách xã hội để phòng, ngừa dịch COVID-19.

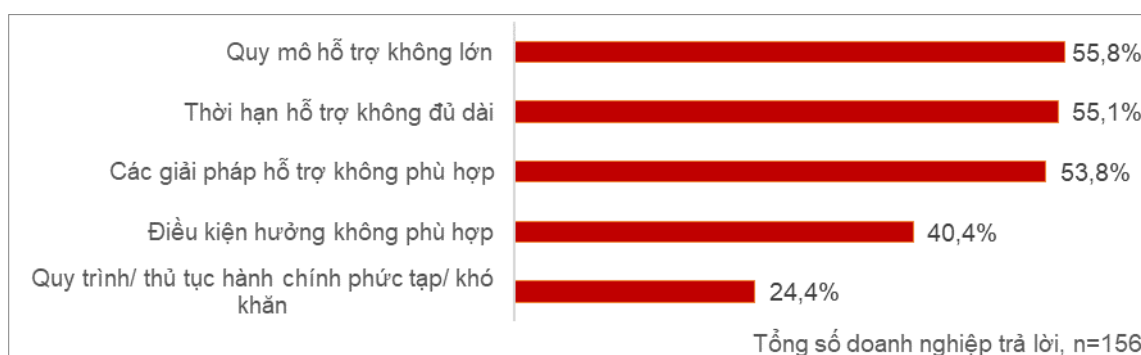
⁵⁸ Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 21/07/2021 về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ NLĐ và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.4.3 Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH

a) Đánh giá chung của doanh nghiệp

Từ kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy 03 (ba) nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả của các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm và bảo hiểm (Hình 14) là i) Quy mô hỗ trợ không lớn (55,8% doanh nghiệp khảo sát), ii) Thời hạn hỗ trợ không đủ dài (55,1% doanh nghiệp khảo sát) và iii) Các giải pháp hỗ trợ không phù hợp (53,8% doanh nghiệp khảo sát). Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng trong thời điểm xây dựng các chính sách hỗ trợ, cơ quan xây dựng chính sách phải đối mặt với áp lực về thời gian là cần nhanh chóng ban hành chính sách để có thể kịp thời hỗ trợ cho người lao động và doanh nghiệp. Do đó, Nhà nước và doanh nghiệp chưa thể lường trước những tình huống phát sinh dẫn đến những vướng mắc trong việc thực thi chính sách trên thực tế.

Hình 16: Nguyên nhân làm giảm hiệu quả của các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

Phân tích nội dung các chính sách được ban hành và những vướng mắc của doanh nghiệp khi tiếp cận các biện pháp hỗ trợ về về lao động, việc làm và BHXH cho thấy các hạn chế chính làm giảm hiệu quả của các chính sách (xem Bảng 13).

Bảng 13: Tóm tắt về các vướng mắc tiếp cận các chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm và BHXH

(Nhóm) sách	Chính sách	Vướng mắc
Chính sách hỗ trợ cho NLĐ	-	Phân chia mức hỗ trợ trong chính sách Hỗ trợ NLĐ từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp quá chi tiết và cụ thể, không đảm bảo công bằng theo nguyên tắc rủi ro bảo hiểm và gây áp lực cho cơ quan thực thi.
	-	Phát sinh thêm yêu cầu ngoài quy định trong chính sách Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ
	-	Chậm trễ trong chi trả tiền Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ
Chính sách hỗ trợ cho người sử dụng lao động (doanh nghiệp)	-	Điều kiện hưởng Chính sách cho vay để trả lương cho NLĐ chưa hợp lý
	-	Chính sách Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLĐ vừa không hợp lý về thời gian thực thi, vừa không hợp lý về quy định
	-	Hệ thống cơ sở hạ tầng của các cơ quan thực thi chính sách không tương thích với nhau (cơ quan BHXH và cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội)

(Nhóm) sách	Chính	Vướng mắc
	-	Các chính sách tạm dừng/lùi thời điểm đóng quỹ hưu trí và tử tuất, kinh phí công đoàn kém hiệu quả và không thiết thực ở thời hạn và quy mô hỗ trợ.

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, 11/2022

b) Vướng mắc trong nhóm chính sách hỗ trợ cho NLĐ

- i. Chính sách Hỗ trợ NLĐ từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp quy định quá chi tiết và cụ thể đến 6 mức hỗ trợ gây khó khăn và áp lực cho cơ quan thực thi chính sách, trong hoàn cảnh cần thực thi nhanh và chính xác. Ngoài ra, quy định nguyên tắc phân chia mức hỗ trợ theo thời gian và mức đóng bảo hiểm “đóng nhiều hưởng nhiều” chưa hợp lý bởi theo nguyên tắc của bảo hiểm là đối tượng nào có khả năng gặp rủi ro cao hơn thì phải được hưởng mức hỗ trợ nhiều hơn. Mặc dù mức hỗ trợ được ban hành đã đơn giản hơn so với Dự thảo chính sách được trình đề Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (theo chia sẻ của đại diện Bộ LĐTBXH), vẫn có ý kiến của cơ quan BHXH địa phương cho rằng nếu đã là hỗ trợ thì chỉ cần xác định theo 1-2 mức đơn giản (ví dụ: đối tượng thụ hưởng gồm 02 trường hợp là (i) NLĐ đã đóng Bảo hiểm thất nghiệp trên 12 tháng và (ii) NLĐ đã đóng Bảo hiểm thất nghiệp dưới 12 tháng).
- ii. **Phát sinh thêm yêu cầu ngoài quy định trong chính sách Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ ở các địa phương.** Mặc dù cùng là chính sách hỗ trợ trực tiếp cho NLĐ nhưng quy trình thực hiện chính sách Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ khác hẳn với chính sách Hỗ trợ NLĐ từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bên cạnh đơn đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà do NLĐ lập, doanh nghiệp cũng phải lập danh sách NLĐ đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà để gửi Ủy ban nhân dân địa phương. Việc này khiến nhiều doanh nghiệp lo ngại về việc hậu kiểm của cơ quan nhà nước, nên đã yêu cầu NLĐ nộp thêm hồ sơ như xác nhận của công an quản lý cư trú địa phương dù nội dung quy định chính sách không yêu cầu. Cùng nỗi lo này, cơ quan quản lý lao động ở một địa phương cũng có những yêu cầu ngoài như xác nhận của công an, hoặc yêu cầu doanh nghiệp có cam kết về danh sách tạm trú tạm vắng của NLĐ các quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg, theo chia sẻ từ đại diện của LEFASO, BHXH Tp. Hà Nội và BHXH Tp. Hồ Chí Minh.
- iii. **Quy trình giải ngân tiền hỗ trợ trong chính sách Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ ở một số địa phương còn chậm.** Tại thời điểm khảo sát, nhiều doanh nghiệp tại Bình Dương cho biết NLĐ của họ đã phải chờ 2-3 tháng mà chưa nhận được hỗ trợ dù doanh nghiệp đã chủ động gửi hồ sơ cho cơ quan chức năng thành nhiều đợt theo đăng ký của NLĐ. Nguyên nhân của việc chậm trễ này là do cơ quan chức năng địa phương không giải quyết ngay mà chờ đủ hồ sơ của tất cả NLĐ của doanh nghiệp mới tiến hành giải ngân một lần⁵⁹. Việc triển khai như vậy có thể tiết kiệm nguồn lực cho cơ quan nhà nước, nhưng lại ảnh hưởng lớn đến hiệu quả, tính kịp thời của chính sách hỗ trợ đối với NLĐ. Một phần nguyên nhân cũng đến từ doanh nghiệp khi một số doanh nghiệp chờ đủ hồ sơ của tất cả NLĐ để nộp một lần. Bên cạnh đó, một số địa phương phải đợi hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo Quyết định số 791/QĐ-TTg năm 2022 về nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ

⁵⁹ Châu Loan, *Hỗ trợ tiền thuê nhà: Dù lý do chậm trễ*, Báo NLĐ, 05/07/2022. Xem thêm tại: <https://nld.com.vn/cong-doan/ho-tro-tien-thue-nha-du-ly-do-cham-tre-20220704191258301.htm>

tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg mới có đủ ngân sách để chi trả cho NLD dẫn đến chậm chi trả chính sách hỗ trợ.

c) Vướng mắc trong nhóm chính sách hỗ trợ tài chính cho người sử dụng lao động (doanh nghiệp)

- i. Chính sách Cho vay để trả lương cho NLD không phù hợp với nhu cầu thực sự của doanh nghiệp*, theo chia sẻ của VNBA và NHCSXH và khảo sát doanh nghiệp. Nhiều chuyên gia cũng cho rằng một phần nguyên nhân khiến cho chính sách có tỷ lệ giải ngân thấp, số lượng doanh nghiệp tiếp cận thấp bởi doanh nghiệp cho rằng đây là việc vay tiền để trả lương cho NLD, không phải là chính sách hỗ trợ tín dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp⁶⁰. Theo VNBA, thực tế với những lao động thực sự có năng lực mà doanh nghiệp muốn giữ lại, doanh nghiệp hoàn toàn có thể cân đối nguồn vốn và trả lương cho những NLD này. Theo đó, việc xác định nhu cầu thực sự của doanh nghiệp cũng cần đặt trong bối cảnh thị trường lao động thực tế liên quan tới các yếu tố như cạnh tranh hay chất lượng nguồn lao động.
- ii. Điều kiện hưởng chính sách cho vay để trả lương cho NLD chưa hợp lý*. Quy định doanh nghiệp phải “có người lao động phải ngừng việc 01 tháng liên tục trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020” (khoản 3 Điều 1 Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg) là không hợp lý với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Trong thời gian giãn cách, để bảo đảm thu nhập cho NLD, nhiều doanh nghiệp phải thực hiện chế độ nghỉ luân phiên theo tuần, theo ngày đối với từng bộ phận công nhân. Do đó, khi đối chiếu quy định, nhiều doanh nghiệp không đủ điều kiện về thời gian ngừng việc của NLD để được vay vốn, dù thực tế NLD có thể nghỉ nhiều hơn một tháng, nhưng không liên tục⁶¹. Hoặc trong trường hợp của các doanh nghiệp thuộc HAWA, mặc dù NLD không làm việc vì giãn cách xã hội nhưng để giữ chân NLD, doanh nghiệp vẫn duy trì quan hệ lao động và trả lương cơ bản cho họ. Do đó, doanh nghiệp cũng không đủ điều kiện để được vay theo các quy định trên.
- iii. Thời gian thực thi của chính sách Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLD không hợp lý*. Theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, chính sách có thời gian thực hiện từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022 (Điều 9) trong đó thời điểm cuối năm 2021 nhiều địa phương đang trong giai đoạn chống dịch COVID-19, thực hiện các biện pháp giãn cách, phong tỏa nên không thể thực hiện các hoạt động đào tạo. Sau đó là thời gian doanh nghiệp cả nước tập trung sản xuất để phục hồi kinh tế⁶² nên vấn đề đào tạo nghề cho NLD không phải ưu tiên hàng đầu, theo chia sẻ của các hiệp hội doanh nghiệp và cơ quan BHXH địa phương.
- iv. Yêu cầu điều kiện về đối tượng hưởng của chính sách Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLD không rõ ràng, không phù hợp với thực tế.*

⁶⁰ Hồng Kiều, *Vay vốn trả lương, phục hồi sản xuất: Cần gỡ bỏ rào cản lớn nhất*, VietnamPlus, TTXVN, 29/09/2021. Xem thêm tại: <https://www.vietnamplus.vn/vay-von-tra-luong-phuc-hoi-san-xuat-can-go-bo-rao-can-lon-nhat/743734.vnp>

⁶¹ Đào Vũ, *Cho vay trả lương NLD: Quy mô 7.500 tỷ, giải ngân 170 tỷ đồng*, VnEconomy, 18/08/2021. Xem thêm tại: <https://vneconomy.vn/cho-vay-tra-luong-nguoi-lao-dong-quy-mo-7-500-ty-giai-ngan-170-ty-dong.htm>

⁶² Giang Nam, *Chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm: Khó thực hiện đúng hạn*, Báo NLD, 19/06/2022. Xem thêm tại: <https://nld.com.vn/cong-doan/chinh-sach-ho-tro-dao-tao-duy-tri-viec-lam-kho-thuc-hien-dung-han-20220618195524685.htm>

Yêu cầu doanh nghiệp phải “có thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh gắn với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động” theo quy định tại điểm 3 Nghị quyết số 68/NQ-CP và khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động⁶³ là một tiêu chí khó xác định. Theo đại diện của VINASME, “trong thực tế việc xác định quy trình, công nghệ, máy móc... nào gắn với từng ngành, nghề là rất khó. Chưa có cơ quan chức năng nào làm rõ được nội hàm của việc thay đổi công nghệ cho các đối tượng thụ hưởng, dẫn đến tiêu chí tưởng rằng là dễ hiểu nhưng rất khó để áp dụng”. Các doanh nghiệp dè dặt cho biết đã phải xin ý kiến khắp nơi, giải trình nhiều lần để chứng minh điều kiện về công nghệ, kéo dài từ 2-3 tháng mới xong 1 bộ hồ sơ, chứ không phải vài ngày như quy định.

Vấn đề phải “có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho NLD” (khoản 4 Điều 9) cũng chưa hợp lý. Theo đại diện của VITA, “hiện nay Việt Nam chưa có cơ sở đào tạo chuyên ngành về du lịch, nội dung đào tạo của các khoa đào tạo về du lịch chưa cập nhật, do đó không đáp ứng được yêu cầu đào tạo đối với các khách sạn 4, 5 sao”. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo không “mặn mà” với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cụ thể, “có không ít cơ sở đào tạo tại địa phương (nhất là ở khu vực miền Trung) “ngại” cử cán bộ tới doanh nghiệp để đào tạo cho người lao động. Thay vì đưa ra phương án phù hợp với hoàn cảnh của hai bên, các cơ sở này lại buộc doanh nghiệp cử cán bộ đến địa điểm định sẵn để triển khai việc đào tạo. Điều này khiến doanh nghiệp không thể đảm bảo được kế hoạch phục hồi sản xuất - kinh doanh, dẫn đến hai bên phải ngừng hợp tác mặc dù doanh nghiệp đó đã đủ điều kiện thụ hưởng chính sách” theo đại diện của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp⁶⁴.

- v. ***Hệ thống cơ sở hạ tầng của các cơ quan thực thi chính sách không tương thích với nhau***, gây chậm trễ và khó khăn trong thực thi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực lao động. Ví dụ ngành BHXH đã áp dụng chữ ký số trong quá trình giải quyết hồ sơ, nhưng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thì chưa và không tiếp nhận tài liệu có chữ ký số, dẫn đến việc cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu doanh nghiệp nộp bản cứng và cơ quan BHXH phải in bản giấy và ký tươi thay vì ký số trong các hồ sơ xác nhận của doanh nghiệp.

d) Vướng mắc trong nhóm chính sách hỗ trợ liên quan tới các khoản đóng góp bắt buộc của doanh nghiệp đối với NLD

- i. Chính sách lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trong nửa cuối năm 2021 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành kém hiệu quả và không thiết thực đối với doanh nghiệp do thời điểm không thích hợp, thời gian hỗ trợ ngắn và mức hỗ trợ quá thấp. Theo đại diện của VASEP, thời gian được lùi thời điểm đóng đúng vào lúc Chính phủ đang thực hiện giãn cách xã hội, doanh nghiệp không thể thực hiện sản xuất, số lao động có trả lương ở mức tối thiểu, nên kinh phí công đoàn phát sinh trong thời gian này thấp. Đến khi doanh nghiệp trở lại hoạt động bình thường sau dịch thì chính sách này cũng hết hiệu lực. Ngoài ra, cả VASEP và LEFASO đều có chung nhận định rằng nếu được miễn thay vì lùi thời điểm đóng sẽ có thể hữu ích hơn đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cả hai

⁶³ Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Báo cáo “Hội thảo về thúc đẩy hỗ trợ đào tạo nghề cho doanh nghiệp và người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 của Chính phủ”, ngày 18/05/2022

⁶⁴ Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Báo cáo “Hội thảo về thúc đẩy hỗ trợ đào tạo nghề cho doanh nghiệp và người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 của Chính phủ”, ngày 18/05/2022

hiệp hội đều có góp ý rằng tỷ lệ trích nộp kinh phí công đoàn 2% tổng quỹ tiền lương là cao, là gánh nặng chi phí đối với các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp trong các ngành thâm dụng lao động. “Trong bối cảnh thế giới và tự nhiên ngày càng có nhiều yếu tố không lường được, để vẫn đảm bảo hoạt động của công đoàn mà không có kết dư quá lớn, vừa đảm bảo lợi ích cho NLĐ, vừa hỗ trợ, giảm bớt gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, tỷ lệ trích nộp kinh phí kinh đoàn tối đa nên là 1% quỹ tiền lương và có thể thay đổi theo từng thời kỳ, tùy theo tình hình kinh tế xã hội” – theo đề xuất của VASEP⁶⁵.

- ii. Tương tự, ***Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất có thời hạn từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022***, theo các Nghị quyết số 68/NQ-CP và Nghị quyết số 126/NQ-CP, cũng được cho ***là quá ngắn, không hiệu quả***. Để chính sách thực sự hỗ trợ doanh nghiệp, cơ quan BHXH địa phương đề xuất nên sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để có căn cứ pháp lý thực hiện chính sách ***miễn đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất thay vì chỉ tạm dừng đóng***.

3.5 Chính sách hỗ trợ liên quan đến thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng

3.5.1 Mô tả chính sách/gói hỗ trợ

Từ 7/2020 - 7/2022 có 07 chính sách/gói hỗ trợ trong lĩnh vực thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng đã được ban hành và triển khai thực hiện (Bảng 14), trong đó 6 chính sách đã được lựa chọn để thực hiện khảo sát doanh nghiệp về mức độ tiếp cận. Một chính sách còn lại là chính sách có đối tượng áp dụng nằm ngoài phạm vi khảo sát doanh nghiệp, được thực hiện nghiên cứu thông qua các thông tin thứ cấp như thông tin có sẵn từ các hiệp hội, báo chí và các báo cáo của cơ quan thực thi. *Chi tiết về các chính sách/gói hỗ trợ bao gồm: văn bản điều chỉnh, đối tượng, điều kiện hưởng, mức/nội dung hỗ trợ, quy trình, thủ tục, thời gian áp dụng xem tại Phụ lục 5.*

Bảng 14: Các chính sách/gói hỗ trợ về thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng được nghiên cứu

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
1	Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến theo Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021	Có
2	Giảm mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển loại I và IA theo Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021	Có
3	Lùi thời gian bắt đầu thu phí tại khu vực cửa khẩu và cảng biển loại I và IA đối với địa phương chưa thực hiện thu phí theo Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021	Không
4	Hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện là đầu vào sản xuất trong nước (Doanh nghiệp sản xuất) theo Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 12/05/2021	Có

⁶⁵ Công văn 74/CV-VASEP ngày 30/06/2021 của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam về việc Báo cáo và kiến nghị các vướng mắc bất cập tác động tới sản xuất xuất khẩu và năng lực cạnh tranh ngành thủy sản, trang 4. Xem thêm tại:

https://vasep.com.vn/DATA/DOCUMENT/2021/07/dohuong/CV%2074_Bao%20cao%20Tong%20hop%20gui%20Bo%20truong%20Le%20Minh%20Hoan%20ve%20cac%20vuong%20mac%20bat%20cap%20T6.2021.pdf

STT	Tên chính sách	Khảo sát doanh nghiệp
5	Giảm giá cước vận tải phục vụ xuất khẩu và nhập khẩu (Doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu nông sản) theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 21/09/2021	Có
6	Hướng dẫn thông tin cho doanh nghiệp xuất khẩu để khuyến khích xuất khẩu chính ngạch qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính theo Chỉ thị số 14/CT-BCT ngày 29/12/2021	Có
7	Cho phép người khai hải quan được nộp bản scan có xác nhận bằng chữ ký số qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi làm thủ tục hải quan theo Thông tư số 121/2021/TT-BTC	Có

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, tháng 11/2022

Bên cạnh những chính sách trên, trong quá trình khảo sát với các Cục Hải quan tại Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu cũng ghi nhận thêm một số chính sách nổi bật do Tổng cục Hải quan đã ban hành nhằm phòng, chống dịch và hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trong giai đoạn dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, cụ thể như sau:

Áp dụng hình thức **miễn kiểm tra thực tế đối với các lô hàng vắc xin** ngừa dịch bệnh COVID-19; Cho phép doanh nghiệp được đưa hàng hóa có yêu cầu bảo quản đặc biệt như thuốc, vắc xin, sinh phẩm có yêu cầu nhiệt độ bảo quản từ 2⁰C-8⁰C về kiểm tra thực tế tại địa điểm bảo quản; Chỉ đạo các Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế **tạo điều kiện thuận lợi, thông quan trong ngày các lô hàng vắc xin nhập khẩu phục vụ phòng chống dịch**; Chấp nhận Phiếu kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc có chữ ký điện tử của nhà sản xuất khi thực hiện thủ tục hải quan nhằm đảm bảo chất lượng của hàng hóa phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trong tình hình dịch bệnh bùng phát.⁶⁶

Yêu cầu Cục kiểm tra sau thông quan và các Cục Hải quan tỉnh, thành phố **tạm dừng, hoãn các cuộc kiểm tra sau thông quan đã có trong kế hoạch năm 2021** (bao gồm kiểm tra sau thông quan đánh giá tuân thủ và kiểm tra sau thông quan theo dấu hiệu rủi ro); tổ chức thực hiện vào thời gian phù hợp sau khi dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm phải thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan, đơn vị đề xuất kiểm tra phải nêu rõ dấu hiệu vi phạm và được sự phê duyệt của cấp lãnh đạo có thẩm quyền⁶⁷.

Yêu cầu các cục hải quan tỉnh, thành phố chỉ đạo các đơn vị trực thuộc **rà soát các lô hàng nhập khẩu phục vụ công tác phòng, chống dịch** đã thực hiện thủ tục miễn thuế nhập khẩu, không thu thuế nhập khẩu, không thu thuế giá trị gia tăng trong thông quan theo các nghị quyết của Chính phủ và các quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁶⁸.

Chỉ đạo các đơn vị Hải quan phối hợp với các lực lượng tại cửa khẩu tạo điều kiện thuận lợi, thông quan nhanh cho xuất khẩu hàng nông sản và có giải pháp tránh ùn ứ hàng hóa tại cửa khẩu.

⁶⁶ NTT, *Hải quan đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua dịch bệnh COVID-19*, Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan, 15/11/2021. Xem thêm tại: <https://customs.gov.vn/index.jsp?pageId=2&aid=157526&cid=23>

⁶⁷ Công văn số 4797/TCHQ-KTSTQ về việc thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan trong bối cảnh dịch bệnh COVID 19. Xem thêm tại: <https://customs.gov.vn/index.jsp?pageId=2&aid=157477&cid=23>

⁶⁸ Nguyễn Trung, *Tăng cường kiểm tra các lô hàng nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch được ưu đãi thuế*, Tạp chí Tài chính online, 08/04/2022. Xem thêm tại: <https://tapchitaichinh.vn/Chuyen-dong-tai-chinh/tang-cuong-kiem-tra-cac-lo-hang-nhap-khau-phuc-vu-phong-chong-dich-duoc-uu-dai-thue-347045.html>

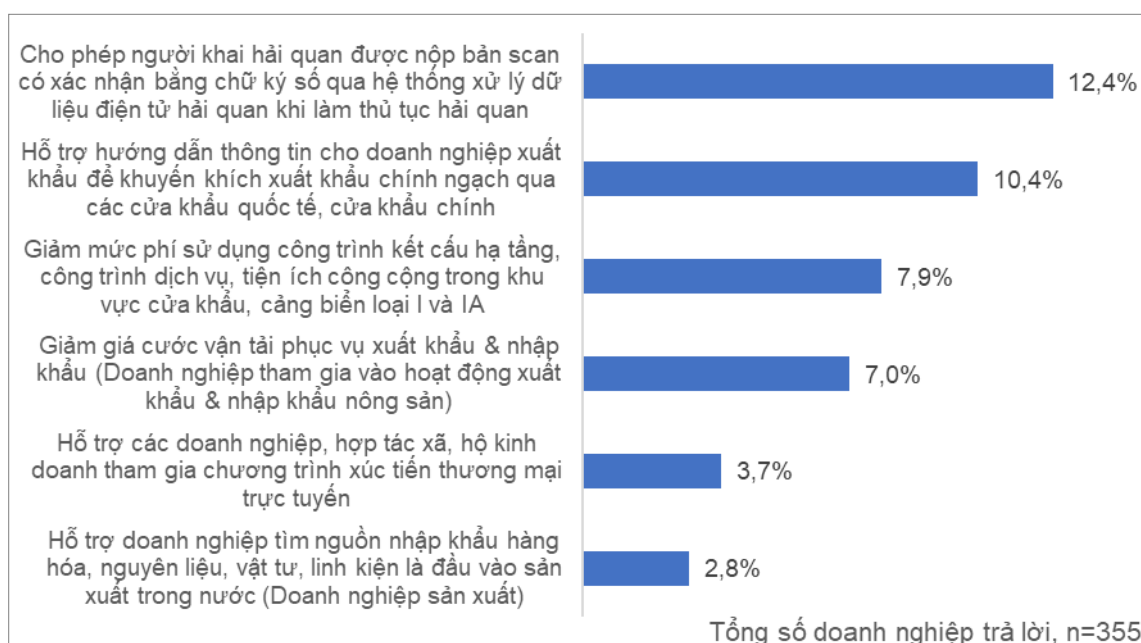
3.5.2 Các kết quả đạt được trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng

a) Các kết quả tổng hợp

Trong số sáu chính sách được khảo sát, chỉ có hai chính sách có tỷ lệ doanh nghiệp trả lời "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" trên 10% tổng số doanh nghiệp được khảo sát là: chính sách Cho phép người khai hải quan được nộp bản scan có xác nhận bằng chữ ký số qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi làm thủ tục hải quan, đạt tỷ lệ tiếp cận là 12,4% tổng số doanh nghiệp khảo sát; và chính sách Hỗ trợ hướng dẫn thông tin cho doanh nghiệp xuất khẩu để khuyến khích xuất khẩu chính ngạch qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính có tỷ lệ tiếp cận là 10,4% tổng số doanh nghiệp khảo sát. Hai chính sách hỗ trợ do Bộ Công Thương chủ trì có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận rất thấp, bao gồm chính sách Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến theo Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021 (3,7%) và chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện là đầu vào sản xuất trong nước (Doanh nghiệp sản xuất) theo Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 12/05/2021 (2,8%).

Nhìn chung, tỷ lệ tiếp cận ở nhóm chính sách hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng thấp hơn nhiều so với các nhóm chính sách hỗ trợ ở trên. Điều này là do đặc điểm và đối tượng của nhóm chính sách hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng hẹp hơn so với các nhóm hỗ trợ về thuế, tín dụng, hay lao động - việc làm.

Hình 17: Tỷ lệ doanh nghiệp "Có được hưởng lợi" hoặc "Đã nộp hồ sơ" theo từng chính sách hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

b) Một số thực tiễn tốt về thực thi chính sách tại các địa phương khảo sát

- Thiết lập các phương án giải quyết TTHC, hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với diễn biến của dịch bệnh COVID-19** giúp cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của cơ quan thực thi diễn ra một cách chủ động và có hệ thống. Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng đã chủ động xây dựng các kịch bản dự kiến cho các tình huống xảy ra của dịch bệnh COVID-19 bao gồm các phương án về phòng chống dịch, phương án tổ chức các hoạt động kiểm tra hồ sơ hải quan, hoạt động giám sát hàng hóa, hoạt động thông quan, phương án ứng dụng CNTT làm việc trực tuyến từ xa (Phương án, Kế hoạch 1850/PA-

HQĐNg ngày 04/8/2021 của Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng). Nhờ có những phương án rõ ràng mà trong suốt đợt bùng phát lần thứ 4 (từ tháng 5 - 10/2021), các hoạt động xuất nhập khẩu vẫn diễn ra thuận lợi và thông suốt mặc dù Đà Nẵng là một trong những điểm nóng và là tâm dịch.

- ii. Thành lập các tổ công tác/tổ nghiệp vụ đặc biệt, phản ứng nhanh, sẵn sàng xử lý các khó khăn, vướng mắc giúp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính và thông quan nhanh. Các Tổ nghiệp vụ đã được thành lập tại Cục Hải quan Tp. Hà Nội, Tổ phản ứng nhanh thông quan hàng hoá phục vụ phòng chống dịch bệnh COVID-19 và Tổ thường trực chống ùn tắc hàng hoá tại cửa khẩu cũng được thành lập tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh. Các tổ công tác này có nhiệm vụ xử lý các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đảm bảo không để đình trệ, ách tắc công việc trong thời gian hạn chế đi lại và giãn cách phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại địa bàn. Thành phần của các tổ công tác là các cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao và cấp quản lý để kịp thời ra các quyết định khi cần thiết mà không phải qua nhiều cấp. Kinh nghiệm tại các Cục Hải quan được khảo sát cho thấy, các tổ công tác này đã phát huy vai trò lớn trong việc giúp các hoạt động nghiệp vụ được tiến hành trôi chảy trong các giai đoạn bùng phát dịch.

- iii. ***Thay đổi quy trình và chế độ làm việc để đáp ứng tiến độ và khối lượng công việc.*** Trong suốt thời gian dịch bùng phát mạnh mẽ vào nửa cuối năm 2021, các Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh và Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng đã áp dụng chế độ làm việc linh hoạt thông qua phương án “03 tại chỗ” để tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết thông quan nhanh chóng các lô hàng nhập khẩu. Cơ quan hải quan đã hỗ trợ việc ăn ngủ tại chỗ để hỗ trợ cán bộ, chia ca làm việc để đảm bảo giải quyết được khối lượng công việc gia tăng phải xử lý.

Các hệ thống và phương án làm việc trực tuyến từ xa thay thế các phương thức truyền thống tại chỗ cũng đã được áp dụng tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh và Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng. Cụ thể, Phòng CNTT của Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng đã thiết lập hệ thống VPN (mạng riêng ảo) làm việc từ xa qua mạng internet trên cơ sở hạ tầng hiện có tại Cục, tạo tài khoản kết nối hệ thống VPN cho công chức và các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục. Còn Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh đã nghiên cứu và áp dụng hệ thống quản trị tập trung HCAS. HCAS đã kết nối quản lý hành chính nội bộ với chỉ đạo điều hành và hỗ trợ xử lý nghiệp vụ (dữ liệu giá, tra cứu mã số HS nhanh, tra cứu văn bản...). Theo chia sẻ của đại diện Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh, hệ thống đã hỗ trợ cán bộ công chức của đảm bảo hoàn thành công việc dù làm việc ở cơ quan, ở nhà, hay trong khu cách ly, phong tỏa và giúp lãnh đạo đơn vị theo dõi, giám sát được tiến độ, chất lượng, hiệu quả công việc của từng cán bộ công chức một cách kịp thời trong mọi hoàn cảnh.

- iv. ***Phân cấp và trao quyền cho địa phương để giải quyết thủ tục hành chính đối với hàng viện trợ y tế*** là một trong những “sáng kiến” của Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh nhằm đẩy nhanh quá trình thông quan 500 lô hàng viện trợ (vắc xin, thiết bị y tế) trong giai đoạn cao điểm dịch bùng phát. Cụ thể, Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh đã kiến nghị Chính phủ trao thẩm quyền cho UBND Tp. Hồ Chí Minh trong việc cấp quyết định tiếp nhận viện trợ, thay vì thực hiện TTHC tại Bộ Y tế. Điều này đã giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính cấp phép nhập khẩu cho các tổ chức tiếp nhận viện trợ, đặc biệt là các bệnh viện, cơ sở y tế giúp giảm thời gian và chi phí thực hiện TTHC.

Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng đã có sáng kiến “***cho phép doanh nghiệp uỷ quyền kiểm tra, giao nhận hàng thời điểm giãn cách***”. Trong giai đoạn Đà Nẵng phong tỏa và yêu cầu giấy đi đường, với trường hợp hàng hoá thuộc luồng đỏ có yêu cầu kiểm tra thực tế hàng hoá, Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng đã phối hợp với Công ty Cổ phần Cảng Đà

Năng và Xí nghiệp cảng Tiên Sa, cho phép doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoại tỉnh tại Quảng Bình, Quảng Trị,... uỷ quyền cho Công ty Cổ phần Cảng phối hợp với Cục Hải quan Tp. Đà Nẵng kiểm tra thực tế, hỗ trợ giao nhận hàng. Việc này đã giúp rút ngắn thời gian giải phóng và thông quan hàng hóa, tiết kiệm nguồn lực cho doanh nghiệp.

- v. ***Hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ triển khai chính sách thông qua các hình thức hội thảo, hội nghị, tọa đàm*** đã được thực hiện tại tất cả các Cục Hải quan tại các địa phương được khảo sát. Những hoạt động này bên cạnh tác dụng phổ biến, tuyên truyền chính sách, còn giúp các cơ quan hải quan nắm bắt tình hình hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Tuy nhiên các cơ quan hải quan được khảo sát không có đánh giá chi tiết về hiệu quả của các hoạt động này.

3.5.3 Những hạn chế còn tồn tại trong việc thực thi các chính sách, gói hỗ trợ về thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng

- a) Thiếu các thông tin về việc triển khai chính sách Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến theo Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021 và Hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện là đầu vào sản xuất trong nước (Doanh nghiệp sản xuất) theo Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 12/05/2021. Tại thời điểm khảo sát, không có nhiều thông tin được ghi nhận từ phía các Hiệp hội doanh nghiệp được khảo sát về các chương trình hỗ trợ này từ các cơ quan xúc tiến thương mại. Nhóm chuyên gia cũng không tìm thấy các thông tin hay tin tức từ Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh và các cơ quan liên quan về các hoạt động liên quan đến các chương trình trên. Tỷ lệ tiếp cận thấp của các doanh nghiệp tham gia khảo sát về các chương trình hỗ trợ này cho thấy dường như các chính sách này chưa thực sự đi vào thực tiễn.
- b) ***Các hệ thống của hải quan trong công tác giám sát, quản lý đang bị quá tải***, theo Cục Hải quan Tp. Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Thực tế, hệ thống VNACCS/VCIS có hơn 10 hệ thống vệ tinh và mỗi khi xử lý tờ khai thông quan, cán bộ xử lý phải mở cùng lúc nhiều hệ thống để đối chiếu và kiểm tra các vấn đề vi phạm, nợ thuế... của doanh nghiệp. Khi nhiều hệ thống cùng mở một lúc thì thời gian xử lý của cán bộ công chức bị kéo dài hơn do cần phải thao tác, đối chiếu thông tin trên các hệ thống khác nhau. Đây cũng là phản ánh của các doanh nghiệp về tình trạng hệ thống bị chậm, bị lỗi, bị treo khi thực hiện khai báo hải quan. Theo giải thích của đại diện Cục Hải quan Tp. Hà Nội, hiện số lượng tờ khai mà các cơ quan hải quan hiện nay đang xử lý đã gấp khoảng 2-3 lần so với số lượng tờ khai dự kiến xử lý bởi hệ thống vào thời điểm thiết kế. Đơn cử, mỗi ngày có thể đến vài chục tấn hàng chuyển phát nhanh cần khai báo hải quan và thông quan, đồng nghĩa với một số lượng rất lớn các tờ khai cần được xử lý. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc nâng cấp hệ thống VNACCS/VCIS để đáp ứng được nhu cầu công việc của cơ quan Hải quan và sự bùng nổ của thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam, đặc biệt khi gần như 100% tờ khai hải quan được giải quyết bằng hệ thống này.

3.6 Những kiến nghị của doanh nghiệp đối với các chính sách, gói hỗ trợ để thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng và sẵn sàng chuẩn bị cho các tình huống bất thường trong tương lai

Thông qua khảo sát, các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp đề xuất các chính sách, gói hỗ trợ để thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng trong bối cảnh “bình thường mới” với mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng có những đề xuất theo bốn nhóm vấn đề như sau:

Bảng 15: Tóm tắt đề xuất từ góc độ doanh nghiệp

Nội dung	Đề xuất
Tiếp cận vốn	- Sửa đổi theo hướng nói lỏng các điều kiện trong chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm. - Tiếp tục áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ ít nhất đến hết năm 2023. - Cần có một giải pháp chính sách về xử lý nợ xấu của các TCTD để đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu cho các TCTD nhưng cũng tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19 và tác động của xung đột quân sự hiện nay ở Châu Âu.
Giảm chi phí hoạt động, chi phí đầu vào	- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Cần áp dụng phương thức hoàn thuế trước, kiểm tra sau để doanh nghiệp sớm có vốn phục hồi sản xuất. - Tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% cho đến hết năm 2023 và áp dụng đối với tất cả các mặt hàng. - Sửa đổi các điều kiện và quy định hiện hành về hoàn thuế GTGT để mở rộng đối tượng được hoàn thuế và nâng cao hiệu quả hoàn thuế GTGT. - Sửa đổi các quy định về nộp trước thuế GTGT hàng hóa sản xuất xuất khẩu, cụ thể là các quy định liên quan đến hàng hóa gia công xuất khẩu và sản xuất xuất khẩu để khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất thay vì chỉ gia công. - Tiếp tục thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất, miễn, giảm các loại phí, lệ phí⁶⁹. - Giảm mức đóng BHXH. - Tiếp tục chính sách Giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động ít nhất đến hết năm 2023. - Giảm tỷ lệ trích nộp kinh phí công đoàn xuống còn tối đa 1% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.
Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	- Nói lỏng chính sách thị thực nhập cảnh (visa), lưu trú cho lao động nước ngoài. - Khuyến khích đào tạo nghề gắn với thực tiễn doanh nghiệp đặc biệt là ngành dịch vụ, du lịch, công nghệ thông tin, dệt may...
Cải cách thủ tục hành chính và tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại	- Hạn chế các cuộc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan BHXH, thuế, môi trường, phòng cháy chữa cháy... trong năm 2023. Cải thiện công tác thanh tra, kiểm tra theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp phòng ngừa sai phạm. - Tiếp tục tinh gọn, tăng tốc độ giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hải quan, đăng kiểm.

⁶⁹ Theo thông tin từ đại diện Bộ Tài chính tại hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo "Đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19" tổ chức ngày 27/12/2022, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng trong tháng 10, tháng 11/2022 và được đồng ý tiếp tục nghiên cứu thực hiện giảm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, giá trị gia tăng trong 2023, miễn thuế nhập khẩu hàng hoá đầu vào, giảm tiền thuê đất...

Nội dung	Đề xuất
	- Đơn giản hóa và ứng dụng số hoá đối với thủ tục hành chính chứng nhận và xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác để xuất khẩu. - Rút ngắn quy trình giải quyết cấp thị thực (visa) điện tử hoặc miễn thị thực cho du khách nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam để cạnh tranh thu hút khách du lịch quốc tế với các quốc gia khác trong khu vực. - Sớm ban hành Chiến lược phát triển ngành dệt may, da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 cùng cơ chế thực thi Chiến lược để hỗ trợ doanh nghiệp dệt may, da giày trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu lớn các mặt hàng này (như EU) đã và đang có những động thái mới về phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn.
Tăng cường truyền thông chính sách và sự tham gia của các hiệp hội trong quá trình xây dựng chính sách	- Tăng cường và đa dạng hóa các biện pháp, hình thức truyền thông chính sách đến doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp để tăng khả năng tiếp cận, hưởng lợi chính sách đối với doanh nghiệp. Tạo điều kiện để các hiệp hội doanh nghiệp được tham gia sớm và hiệu quả trong quá trình xây dựng các chính sách hỗ trợ để tăng tính khả thi khi ban hành chính sách.

Nguồn: Tổng hợp của chuyên gia, 11/2022

4 MỘT SỐ KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH

Dịch bệnh COVID-19 tạo ra nhiều thách thức cho công tác xây dựng chính sách của các quốc gia để phản ứng những vấn đề cấp bách chưa có tiền lệ. Với quy mô toàn cầu và diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, không chỉ riêng Việt Nam, chính phủ của nhiều quốc gia trên thế giới cũng gặp những khó khăn trong xây dựng và triển khai các gói hỗ trợ⁷⁰.

Trong tổng số 33 chính sách được khảo sát với 355 doanh nghiệp trên cả nước, ***các chính sách hỗ trợ thuộc nhóm thuế, phí, lệ phí và nhóm việc làm - lao động, bảo hiểm có tỷ lệ doanh nghiệp đã tiếp cận và hưởng lợi cao***. Tỷ lệ tiếp cận của hai nhóm chính sách này đều đạt hơn 50% tổng số doanh nghiệp được khảo sát. Tỷ lệ doanh nghiệp hưởng lợi từ chính sách (tiếp cận thành công) tính trên tổng số doanh nghiệp đã tiếp cận chính sách lần lượt là 72% và 76,3% đối với nhóm thuế, phí, lệ phí và nhóm việc làm - lao động, bảo hiểm.

Do phạm vi đối tượng hưởng lợi nhỏ, các ***nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến tài chính - tín dụng và thúc đẩy xuất khẩu - bảo vệ chuỗi cung ứng có tỷ lệ tiếp cận thấp***, đều dưới 20% tổng số doanh nghiệp được khảo sát. Tuy nhiên, xét về tỷ lệ doanh nghiệp được hưởng lợi từ chính sách (tiếp cận thành công) so với tổng số doanh nghiệp đã tiếp cận chính sách thì nhóm chính sách thúc đẩy xuất khẩu - bảo vệ chuỗi cung ứng có tỷ lệ hưởng lợi từ chính sách cao hơn so với nhóm chính sách về tài chính - tín dụng, thậm chí ngang bằng với hai nhóm hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và nhóm việc làm - lao động, bảo hiểm đã được phân tích ở trên. Cụ thể, nhóm chính sách thúc đẩy xuất khẩu - bảo vệ chuỗi cung ứng có tỷ lệ doanh nghiệp hưởng lợi từ chính sách là 76,3%-đối với nhóm chính sách hỗ trợ liên quan đến tài chính - tín dụng, tỷ lệ doanh nghiệp được hưởng lợi là 44%.

Khảo sát doanh nghiệp cho thấy mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa các tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận và hưởng lợi từ chính sách với mức độ hiệu quả của các chính sách trong hỗ trợ doanh nghiệp. Các chính sách có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận và hưởng lợi thấp hơn (nhóm chính sách hỗ trợ về tài chính - tín dụng và nhóm chính sách hỗ trợ về thúc đẩy xuất khẩu - bảo vệ chuỗi cung ứng) lại được doanh nghiệp đánh giá là có hiệu quả tốt hơn, có ý nghĩa hỗ trợ tích cực hơn đối với doanh nghiệp so với các chính sách có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận và hưởng lợi cao. Trong thời gian tới, nếu ban hành thêm các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn phục hồi thì cần thiết phải lựa chọn đối tượng áp dụng và nội dung hỗ trợ để đảm bảo đạt được mục tiêu chính sách. Như đã phân tích ở trên, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp mới cần chú ý tới những doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh COVID-19 từ giai đoạn phòng chống dịch đến giai đoạn “bình thường mới” do những thay đổi về nhu cầu mua hàng, sử dụng dịch vụ và đầu tư trên thế giới. Những gói hỗ trợ về tài chính - tín dụng, thúc đẩy xuất khẩu - bảo vệ chuỗi cung ứng vẫn rất cần đối với các doanh nghiệp ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19

Từ những chia sẻ của các cơ quan nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp được khảo sát, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm về việc xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 và trong quá trình bình thường mới để phục hồi phát triển kinh tế - xã hội như sau:

⁷⁰ Bộ Tư pháp – Liên minh Châu Âu - Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (“Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” EU JULE), *Báo cáo đánh giá quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp trong bối cảnh dịch bệnh và đề xuất hoàn thiện pháp luật về tình trạng khẩn cấp để phòng, chống dịch bệnh COVID-19*, Chương trình “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE), 2022.

4.1 Bài học về nghiên cứu và xây dựng chính sách

- 1) ***Sự quyết liệt về chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự tham gia tích cực của cơ quan nhà nước các cấp là điều kiện tiên quyết*** để có thể xây dựng, ban hành được những chính sách phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp chịu tác động bởi dịch bệnh COVID-19 và phù hợp với những diễn biến chưa từng có tiền lệ. Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh biến chuyển qua từng ngày, sự chủ động và linh hoạt của Chính phủ trong việc ban hành, điều chỉnh các chính sách đã giúp thực hiện "mục tiêu kép" - vừa phòng chống dịch hiệu quả vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội. Chủ động nắm bắt thực tế, điều chỉnh nhanh chóng các văn bản quy định về các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ đã giải quyết được nhiều bất cập, khó khăn trên thực tế. Sự tham gia tích cực và chủ động từ cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương cũng là điểm sáng của quá trình xây dựng và thực thi chính sách. Nghiên cứu cũng đã gợi mở vai trò của công tác đánh giá tác động chính sách, quy định pháp luật sau khi đã ban hành để tăng cường hiệu quả của chính sách tốt và giảm tác động tiêu cực khi chính sách, quy định pháp luật không còn phù hợp với thực tiễn.
- 2) ***Sự thành công của một số chính sách hỗ trợ đến từ các yếu tố đúng nhu cầu, đúng đối tượng.*** Những chính sách này được xây dựng dựa trên các đề xuất, kiến nghị của các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề. Khảo sát các hiệp hội doanh nghiệp cho thấy sự cần thiết có các chính sách hỗ trợ phù hợp với đặc thù của ngành nghề để đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và giúp doanh nghiệp mau chóng phục hồi sau dịch bệnh, như chính sách hoàn thuế đối với nguyên vật liệu hàng hoá xuất khẩu⁷¹ cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến xuất khẩu (từ các kiến nghị của VASEP, LEFASO, VITAS, HAWA). Bài học này cùng với bài học số 5 và bài học số 7 dưới đây khẳng định vai trò của công tác tham vấn chính sách, bao gồm trách nhiệm của cơ quan nhà nước xây dựng chính sách đến trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội trong việc tham gia góp ý chính sách.
- 3) ***Trong bối cảnh cấp bách, mục tiêu hỗ trợ cần phải nhanh và phổ quát nhiều đối tượng hỗ trợ rộng, các quy định để thực hiện chính sách cần đơn giản, rõ ràng thì khả năng thực thi càng cao.*** Chính sách Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% năm 2022 và Hỗ trợ bằng tiền cho NLD bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp (2021) là những chính sách áp dụng ở diện rộng, hiệu lực và hiệu quả ngay đối với các doanh nghiệp. Vướng mắc trong quá trình thực thi chính sách giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% cho thấy các nội dung hỗ trợ cần đơn giản và rõ ràng để tránh sự thiếu thống nhất, tốn kém về nguồn lực cho việc thi hành (giải đáp vướng mắc) của các cơ quan nhà nước ở địa phương và các rủi ro cho doanh nghiệp. Nếu ngay từ đầu, chính sách này có thể áp dụng thống nhất đối với tất cả các sản phẩm, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10% thì việc áp dụng sẽ nhanh chóng và thuận tiện rất nhiều. Quy định có đến 06 (sáu) mức hỗ trợ trong Chính sách Hỗ trợ NLD từ kết dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp đã gây khó khăn và áp lực cho cơ quan thực thi chính sách, dẫn đến quá trình thực hiện kéo dài hơn dự kiến ban đầu. Nếu chỉ có 1-2 mức hỗ trợ trong chính sách Hỗ trợ NLD từ kết dư quỹ bảo hiểm thất

⁷¹ Theo đó, các doanh nghiệp cho rằng việc nộp thuế GTGT đối với nguyên liệu đầu vào trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu và thực hiện thủ tục hoàn thuế (nộp trước, hoàn sau) sẽ tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ TTHC (thực hiện 02 lần thủ tục thuế) cũng như gây đứt gãy nguồn vốn cho doanh nghiệp. VASEP đã phản ánh có trường hợp sau khi thực hiện xong thủ tục hoàn thuế, doanh nghiệp được thông báo quỹ hoàn thuế của cơ quan thuế tỉnh không đủ chi trả khoản thuế được hoàn. Do đó, các hiệp hội như VASEP, LEFASO, HAWA mong muốn được giảm bớt thời gian thực hiện thủ tục hoàn thuế để doanh nghiệp nhanh chóng nhận được số thuế GTGT được hoàn và xoay vòng vốn.

ngành thì tạo điều kiện thuận lợi đối với các cơ quan thực thi trong công tác rà soát, xác định đối tượng và thẩm định hồ sơ.

- 4) ***Chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong các tình huống cấp bách cần phải kịp thời, đúng thời điểm và phương án thực thi chính sách phải cụ thể, có khả năng điều chỉnh trong các tình huống chưa từng có tiền lệ.*** Khảo sát cho thấy các doanh nghiệp đánh giá các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong quá trình xảy ra dịch bệnh COVID-19 còn chậm hoặc quá sớm trong việc ban hành và thực thi. Những chính sách như gia hạn thời hạn nộp thuế chậm thực thi làm mất cơ hội thụ hưởng chính sách của một số doanh nghiệp, giảm tiền điện cho doanh nghiệp du lịch thực hiện vào thời điểm doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú không hoạt động, hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLĐ không phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở giai đoạn phục hồi sau đại dịch, thiếu/chậm ban hành các hướng dẫn thực thi về vấn đề tách, gộp hoá đơn trong chính sách giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% làm tăng chi phí hành chính của doanh nghiệp; chậm ban hành các hướng dẫn triển khai đến nửa năm ở chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm gây khó cho đơn vị thực thi khi thực hiện bù trừ lãi suất cho khách hàng và ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng thụ hưởng chính sách... Nghiên cứu cho thấy khi ban hành chính sách hỗ trợ thì cần phải bảo đảm về tham vấn và kết hợp truyền thông chính sách, các chính sách khi được tham vấn cũng đã có thể truyền thông về nội dung (xem thêm bài học và đề xuất về truyền thông chính sách tại các mục tiếp theo).
- 5) ***Đánh giá thấu đáo về thực trạng và nhu cầu của đối tượng thụ hưởng để đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ phục hồi sau khi dịch bệnh COVID-19 đã giảm đi tính cấp bách.*** Nội dung hỗ trợ cần phải phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp/đối tượng thụ hưởng, như chính sách Cho người sử dụng lao động vay để trả lương cho NLĐ đã không phát huy hiệu quả vì không có nhiều doanh nghiệp có nhu cầu này, thay vào đó doanh nghiệp có nhu cầu vay để duy trì hoặc mở rộng hoạt động sản xuất rất lớn; hay chính sách Cho vay tại NHCSXH đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập không hấp dẫn vì mức vay quá thấp và mục đích vay hạn chế. Chính sách hỗ trợ cần phải đúng đối tượng thụ hưởng hoặc tạo công bằng giữa các đối tượng thụ hưởng, ví dụ các chính sách tái cơ cấu khoản vay, giảm lãi suất thì thường có lợi hơn cho các doanh nghiệp lớn, có sức khỏe về tài chính, dòng tiền hơn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- 6) ***Rà soát, đánh giá để cải cách, loại bỏ TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện trong bối cảnh yêu cầu giãn cách, phong toả của công tác phòng chống dịch và các thách thức trong giai đoạn bình thường mới.*** Khảo sát cho thấy nhu cầu, mong muốn của doanh nghiệp về cải cách TTHC, điều kiện kinh doanh, dịch vụ công trực tuyến là rất lớn khi tham gia vào các gói hỗ trợ. Khảo sát cũng cho thấy một số chính sách được ban hành còn có độ chênh với thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và thực tiễn thực hiện, giải quyết TTHC, như chính sách Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLĐ có các yêu cầu TTHC không phù hợp với cách thức và chính sách đào tạo của doanh nghiệp; chính sách Hỗ trợ lãi suất tại ngân hàng thương mại có các điều kiện được hưởng chính sách quá chặt chẽ, hạn chế khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ dù đây là đối tượng cần được hỗ trợ nhất (chưa kể tới năng lực tiếp cận và thụ hưởng chính sách của các doanh nghiệp này còn hạn chế do thiếu đội ngũ nhân sự có chuyên môn về tài chính, tín dụng); hay các chính sách hỗ trợ đặc thù cho các ngành chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh như chính sách Giảm 80% tiền ký quỹ cho doanh nghiệp lữ hành đến hết năm 2023, Giảm 50% phí thẩm định cấp phép kinh doanh dịch vụ lữ hành và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch đến hết năm 2023 được đánh giá rất cao về tính thiết thực và hiệu quả đối với các doanh nghiệp du lịch (lữ hành, khách sạn) khi kinh doanh bị ngưng trệ. Do đó, bài học này từ thực tiễn đặt ra yêu cầu các chính sách trước khi ban hành cần phải được

đánh giá kỹ càng tác động về TTHC được đề xuất để thực hiện chính sách, đặc biệt là các chính sách thực hiện trong các tình huống cấp bách.

- 7) ***Đối với các chính sách hỗ trợ đòi hỏi phải có sự tham gia của các chủ thể không phải là cơ quan nhà nước thì phải hài hoà lợi ích giữa các chủ thể này khi thực hiện các trách nhiệm được giao để đảm bảo quá trình thực thi chính sách thành công và hiệu quả.*** Khảo sát cho thấy trong nhóm chính sách hỗ trợ tài chính - tín dụng cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, các ngân hàng thương mại là những đơn vị thực thi chính sách cần phải được giải quyết những vấn đề về lợi ích, công tác bảo toàn vốn của ngân hàng. Thực tế, các ngân hàng phải bố trí ứng trước chi phí hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp và cắt giảm lợi nhuận từ việc miễn, giảm lãi, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho doanh nghiệp theo yêu cầu của NHNN và Chính phủ. Điều này đi ngược với mục tiêu lợi nhuận của hoạt động kinh doanh được đề cập trong Luật các TCTD⁷² và các cam kết với cổ đông. Biện pháp của NHNN áp dụng chính sách “thường” cho các ngân hàng thương mại bằng cơ hội được nói mức tăng trưởng tín dụng, mở rộng mạng lưới tín dụng, cho vay cấp vốn dựa trên kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ chỉ phát huy được hiệu quả trong thời gian ngắn. Chính sách “thường” của NHNN không đủ để các ngân hàng thương mại bù đắp cho các rủi ro về thanh tra, kiểm tra và khó khăn quyết toán số tiền đã chi hỗ trợ cho khách hàng. Thực tiễn này đòi hỏi NHNN tiếp tục điều chỉnh các quy định để giảm áp lực và cân đối lợi ích cho các ngân hàng thương mại khi tham gia thực thi chính sách như: điều chỉnh các quy định về tạm cấp bù lãi suất, tăng số tiền tạm cấp bù lãi suất và các quy định về quyết toán cấp bù lãi suất. Tương tự như vậy, các cơ quan BHXH, doanh nghiệp điện lực cũng cần phải có các cơ chế, biện pháp hỗ trợ khi các doanh nghiệp này tham gia vào các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp của Chính phủ. Bài học này đặc biệt có ý nghĩa trong trường hợp Chính phủ xây dựng các chính sách hỗ trợ mới trong giai đoạn phục hồi cần có sự tham gia của các cơ quan/tổ chức trong cả khu vực công và khu vực tư nhân như ngân hàng, BHXH và công ty điện lực...

4.2 Bài học về thực thi chính sách

- 1) Trong quá trình thực thi chính sách, ***sự quyết tâm, chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các cơ quan thực thi chính sách ở các cấp, đặc biệt ở địa phương***, là chìa khoá thành công để đảm bảo mục tiêu hỗ trợ của chính sách được thành công, tác động tích cực tới các đối tượng thụ hưởng. Khảo sát cho thấy các ngành, địa phương có sáng tạo, linh hoạt, quyết tâm, chủ động của người đứng đầu và đội ngũ công chức trong quá trình thực thi chính sách là chìa khoá của thành công. Khó khăn, sức ép từ dịch bệnh COVID-19 đã thúc đẩy được nhiều sáng kiến, sự quyết tâm, đoàn kết trong các cơ quan nhà nước để giải quyết công việc, như sáng kiến 03 (ba) tại chỗ tại các cơ quan nhà nước, quy trình phê duyệt điện tử, quy trình kiểm tra, đánh giá hồ sơ trực tuyến... Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy được những đặc tính tốt này thì cần phải có cơ chế bảo vệ, khuyến khích những cá nhân, tập thể có các giải pháp sáng tạo, linh hoạt trong thực thi chính sách.
- 2) ***Quy trình phối hợp công tác giữa các cơ quan cần được tiếp tục được cải thiện để bảo đảm sự hoạt động có hiệu quả của các cơ quan nhà nước trong tình huống cấp bách, khẩn cấp.*** Khảo sát cho thấy để phát huy hiệu quả một số gói chính sách, các cơ quan nhà nước cần phải phối hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, liên thông hệ thống dữ liệu và quy trình xử lý công việc, ví dụ cơ quan BHXH chia sẻ, xác nhận thông tin cho cơ quan lao động và các cơ quan liên quan khác trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho NLĐ, đặc biệt là chính sách Hỗ trợ tiền thuê nhà, đào tạo duy trì việc làm cho NLĐ hoặc chia sẻ dữ liệu thông

⁷² Luật các TCTD 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 4, khoản 1, khoản 3

tin về công dân thông qua CSDLQG về dân cư (Bộ Công an), chia sẻ dữ liệu về số điện thoại gắn với công dân (Bộ Thông tin và Truyền thông), dữ liệu về hộ tịch công dân (Bộ Tư pháp)... Việc sử dụng chung dữ liệu không chỉ thực hiện trong giai đoạn cấp bách mà còn trong tình huống bình thường để có thể nhanh chóng giải quyết các vấn đề, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước trong việc giải quyết TTHC. Các chính sách, quy định cần phải ***quy định rõ trách nhiệm và vai trò của các bên liên quan trong việc giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp*** trong giai đoạn cấp bách, khẩn cấp. Kinh nghiệm của cơ quan hải quan cho thấy, nếu không có cơ chế phối hợp tốt giữa ngành Hải quan và Bộ Y tế, thì ảnh hưởng tới các chuyến hàng viện trợ đã không thể cập bến và hỗ trợ kịp thời công tác phòng chống dịch trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát nghiêm trọng trong nửa cuối năm 2021. Nâng cao chất lượng và hoàn thiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan thực thi chính sách sẽ tác động tới hiệu quả của các chính sách và giảm bớt chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

4.3 Bài học về ứng dụng CNTT và công tác truyền thông chính sách

- 1) ***Ứng dụng CNTT, phát triển hạ tầng CNTT và các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia là yếu tố then chốt đảm bảo việc thực thi chính sách một cách có hệ thống và minh bạch trên toàn quốc.*** Không thể phủ nhận vai trò của CNTT và dữ liệu điện tử trong việc giải quyết TTHC nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Khảo sát cho thấy các chính sách Hỗ trợ bằng tiền cho NLD bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, hỗ trợ miễn, giảm thuế GTGT, TNDN, liên quan đến thực hiện thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa đã được thực hiện tốt cũng nhờ một phần vào công tác ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng CNTT vẫn cần phải tiếp tục được nâng cấp để đáp ứng khối lượng công việc ngày càng gia tăng và nhu cầu khai thác dữ liệu đa ngành, đa cấp và đa mục đích, như sử dụng chữ ký số ở cơ quan BHXH. Các hệ thống VNACCS/VCIS, hệ thống Hải quan thông minh, Hệ thống giám sát Hải quan tự động cần được đẩy nhanh hoặc cải thiện năng lực hoạt động để đáp ứng với sự gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm và sự bùng nổ của thương mại điện tử trong giai đoạn hiện tại và trong thời gian tới.
- 2) ***Công tác tuyên truyền và phổ biến chính sách là vấn đề tiên quyết trong việc nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận chính sách, đưa chính sách đến gần hơn với đối tượng đích.*** Xét về số lượng chính sách và độ phủ của chính sách, có thể thấy nhóm chính sách hỗ trợ thuộc nhóm thuế, phí, lệ phí và nhóm việc làm - lao động, bảo hiểm có tỷ lệ doanh nghiệp biết đến nhiều nhất, khoảng trên 70% tổng số doanh nghiệp được khảo sát và cũng là những nhóm có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận chính sách lớn nhất. Mặc dù không có số liệu thống kê chính thức về số lượng hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách của các cơ quan thực thi trên cả nước, nhưng báo cáo của các cơ quan thực thi cấp địa phương tại các địa bàn khảo sát cho thấy cơ quan quản lý thuế đã thực hiện nhiều và khá tốt hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giải đáp vướng mắc liên quan tới chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí. Tuy nhiên, như đã phân tích ở nhóm bài học về xây dựng chính sách, để các chính sách mới được thực thi hiệu quả thì ngay sau khi chính sách được ban hành, cần phải có các biện pháp truyền thông, giải đáp vướng mắc, hướng dẫn thực hiện.

Các hoạt động tuyên truyền và phổ biến chính sách được đánh giá cao là những hoạt động có chủ đề, theo đối tượng cụ thể và bám sát nhu cầu hay khó khăn thực tế của các doanh nghiệp. Các hình thức tuyên truyền và phổ biến chính sách trực tuyến (giải đáp chính sách trực tuyến, đối thoại trực tuyến giữa cơ quan thực thi và doanh nghiệp) bổ sung cho các hình thức truyền thống của các cơ quan thực thi chính sách ***cũng được đánh giá cao từ cộng đồng doanh nghiệp***, thông qua số lượng doanh nghiệp quan tâm và tham gia tương tác trong các hoạt động này. ***Sự phối hợp giữa cơ quan thực thi với các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề*** trong các hoạt động tuyên truyền và phổ biến chính sách có thể giúp các hoạt động này đạt hiệu quả cao hơn về tiếp cận đến doanh nghiệp, ví dụ các hoạt động của Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh với Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics

Việt Nam. Sự phối hợp này cũng là một kênh thông tin cho các cơ quan thực thi để nắm bắt tốt hơn thực trạng, nhu cầu và mong muốn các đối tượng thụ hưởng chính sách để có các phương án triển khai chính sách phù hợp.

5 ĐỀ XUẤT VỀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN PHỤC HỒI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH CÓ THỂ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP NHƯ COVID-19

Từ các kết quả khảo sát và phân tích chính sách, phần dưới đây sẽ trình bày về các đề xuất đối với Chính phủ, các Bộ, ngành về những chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp theo bốn (04) nhóm lĩnh vực cần thiết cho doanh nghiệp trong giai đoạn phục hồi và khởi đầu mới cũng như đối phó với các tình huống bất thường như tình huống dịch bệnh COVID-19 vừa qua. Đồng thời, các khuyến nghị cũng sẽ tập trung một số biện pháp, hành động cần thiết để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

5.1 Nhóm chính sách theo các lĩnh vực cần thiết đối với doanh nghiệp:

5.1.1 Lĩnh vực thuế, phí và lệ phí

Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2023 của Chính phủ đặt ra nhiệm vụ: “*Nghiên cứu tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí*” và “*tiếp tục cải cách thủ tục hành chính (TTHC) về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế*”. Trong số 14 chính sách liên quan hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí, các chính sách về gia hạn thuế, miễn thuế và giảm thuế suất thuế GTGT được chứng minh là những chính sách có hiệu quả trong hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ, vượt qua những khó khăn liên quan đến dòng tiền, nâng cao khả năng thanh toán và duy trì các hoạt động của doanh nghiệp trong thời kỳ suy thoái. Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19, nhiều quốc gia như Mỹ, Anh, Úc, Ấn Độ, Canada... cũng đã áp dụng những chính sách này và mang lại hiệu quả tốt⁷³.

Đối tượng được hưởng: khi thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí trong những trường hợp khẩn cấp như dịch bệnh COVID-19, **Chính phủ và Bộ Tài chính cần nhắc về việc có nên áp dụng cách tiếp cận có mục tiêu (cho các đối tượng cụ thể) hay áp dụng cho tất cả người nộp thuế.** Điều này cần dựa trên mức độ khẩn cấp và nghiêm trọng của tình huống, các rủi ro tiềm ẩn của từng biện pháp, trình độ về kỹ thuật số/công nghệ thông tin của người nộp thuế. Mục tiêu của việc lựa chọn cách thức thực hiện là cân bằng nhu cầu hỗ trợ ngay lập tức cho các doanh nghiệp trong thời điểm khó khăn, đồng thời tránh tích tụ các vấn đề cho doanh nghiệp trong tương lai (ví dụ gánh nặng nộp thuế khi thời gian gia hạn thuế kết thúc) và giảm rủi ro gian lận.

Trong các trường hợp áp dụng cách tiếp cận mục tiêu, tức là chỉ áp dụng đối với những đối tượng nộp thuế bị tác động đến một mức độ cụ thể, ví dụ những doanh nghiệp/ngành nghề bị ảnh hưởng nặng nề để giảm thiểu tác động của cuộc khủng hoảng thì Chính phủ và Bộ Tài chính cần cân nhắc đưa ra các tiêu chí và yêu cầu rõ ràng về điều kiện hưởng nhằm giảm bớt gánh nặng và căng thẳng cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế.

Các chính sách thuế áp dụng cho tất cả người nộp thuế có ưu điểm là dễ áp dụng, đơn giản trong khâu vận hành và dễ tuyên truyền. Tuy nhiên, việc áp dụng rộng rãi có thể không mang lại hiệu quả như các phương pháp tiếp cận có mục tiêu cho những người cần hỗ trợ nhất. Những chính sách này nên được áp dụng trong các trường hợp khẩn cấp. Việc xác định đối tượng cần phải có phương pháp rà soát đối tượng để bảo đảm việc hỗ trợ không bị thiếu đối

⁷³ Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), *Ứng phó của cơ quan quản lý thuế với COVID-19: Các biện pháp hỗ trợ người nộp thuế (Tax administration responses to COVID-19: Measures taken to support taxpayers)*, 4/2021. Xem thêm tại: <https://www.oecd.org/coronavirus/policy-responses/tax-administration-responses-to-covid-19-measures-taken-to-support-taxpayers-adc84188/>

tượng, ví dụ như chính sách giảm tiền thuê đất, các doanh nghiệp đang chờ gia hạn hợp đồng thuê đất cũng nên là đối tượng được giảm tiền thuê đất vì đó cũng là các doanh nghiệp đang hoạt động và bị ảnh hưởng mà không chỉ áp dụng đối với là các doanh nghiệp đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp hoặc hợp đồng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Đối với thuế GTGT và thuế TNDN: ***Chính phủ và Bộ Tài chính cân nhắc áp dụng chính sách miễn thuế và giảm thuế, giãn thuế GTGT, TNDN trong bối cảnh tình trạng khẩn cấp***, khủng hoảng gây suy thoái nghiêm trọng tương tự như dịch bệnh COVID-19 vừa qua. Các biện pháp này chỉ là tạm thời và chỉ được áp dụng trong thời gian cần thiết để hỗ trợ các doanh nghiệp trong đại dịch. Khi tình trạng khẩn cấp hoặc khủng hoảng đã giảm bớt căng thẳng và nền kinh tế đã ổn định, thuế suất có thể dần được khôi phục về mức bình thường. Thời hạn của chính sách sẽ phụ thuộc vào các yếu tố như mức độ nghiêm trọng, thời gian của cuộc khủng hoảng, tác động đối với các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, cũng như các mục tiêu tài chính và kinh tế tổng thể của Chính phủ.

Trong giai đoạn phục hồi, **Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế cần nghiên cứu** các vấn đề liên quan đến thuế GTGT như sau:

- Các quy định về nộp trước thuế GTGT đối với hàng hóa sản xuất xuất khẩu, đặc biệt là hàng hóa gia công xuất khẩu và sản xuất xuất khẩu có thể được hoãn nghĩa vụ nộp thuế để khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất thay vì chỉ áp dụng cho doanh nghiệp gia công. Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến xuất khẩu được hoãn nghĩa vụ nộp thuế, hoặc bỏ quy định về thuế GTGT đối với nguyên liệu đầu vào trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu thay vì phải nộp thuế trước rồi hoàn sau như quy định hiện hành. Nếu áp dụng phương thức này thì sẽ mang lại các lợi ích về vốn cho doanh nghiệp, đồng thời giảm gánh nặng chi phí thực hiện các thủ tục hành chính về nộp thuế GTGT và hoàn thuế GTGT.
- Tổng cục Thuế và các cơ quan thuế địa phương cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là một trong những đề xuất hàng đầu của các doanh nghiệp xuất khẩu và hiệp hội doanh nghiệp. Trong hoàn cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền, nguồn tiền để duy trì sản xuất, xuất khẩu, trả lương công nhân đang cạn do các kênh huy động vốn bị tắc nghẽn, thì việc chậm hoàn thuế khiến cho hoạt động của doanh nghiệp đã khó càng thêm khó. Để đẩy nhanh tiến độ, kiến nghị Tổng cục Thuế và các cơ quan thuế địa phương *áp dụng phương thức hoàn thuế trước, kiểm tra sau*, áp dụng đúng các quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế GTGT.

Đối với thuế, phí, lệ phí và các khoản phải đóng liên quan đến đất đai: ***Chính phủ và Bộ Tài chính có thể cân nhắc kéo dài các chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất và miễn, giảm các loại phí, lệ phí cho đến ít nhất là hết năm 2023*** để tiếp tục hỗ trợ tài chính cho phép doanh nghiệp ưu tiên các nguồn tài chính cho phục hồi.

Đối với phương pháp xác định thời hạn gia hạn nộp các loại thuế, phí... cơ quan đề xuất chính sách (như Bộ Tài chính/Tổng cục Thuế) ***có thể nghiên cứu áp dụng gia hạn cho từng kỳ nộp thuế, phí*** (ví dụ đối với doanh nghiệp kê khai nộp thuế theo quý thì thời hạn cuối cùng để nộp thuế quý I là ngày 30/4 được gia hạn đến 30/6) thay vì cộng dồn nhiều kỳ vào thời điểm cuối cùng để giảm nhẹ áp lực tài chính cho doanh nghiệp.

5.1.2 Lĩnh vực tài chính - tín dụng

Các chính sách hỗ trợ về tài chính - tín dụng, đặc biệt là chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ/tái cơ cấu nợ và hỗ trợ lãi suất, là những công cụ chính sách quan trọng được các chính

phủ trên khắp thế giới sử dụng để giúp các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính do đại dịch, giúp họ duy trì hoạt động, giảm rủi ro mất khả năng thanh toán và tránh bị phá sản. Những chính sách này được thực hiện như là một biện pháp cứu trợ khẩn cấp trong thời gian đại dịch⁷⁴ và đồng thời cũng là những công cụ hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch⁷⁵. Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2023 cũng đặt ra nhiệm vụ: “*nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với các tổ chức tín dụng; trong đó, tiếp tục khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh*”.

Những bài học quan trọng trong quá trình thiết kế và thực thi chính sách là tính minh bạch và dễ tiếp cận đối với các tiêu chí và điều kiện hưởng chính sách. Khi bắt đầu xảy ra tình huống khẩn cấp, bất thường thì mục tiêu là đưa ra hỗ trợ nhanh chóng, đảm bảo độ phủ lớn nên các tiêu chí đủ điều kiện hưởng chính sách cần được nói lỏng. Ví dụ nếu xảy ra ***tình huống suy thoái nghiêm trọng tương tự như giai đoạn bùng phát dịch bệnh COVID-19, NHNN có thể cân nhắc tái áp dụng các chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm và chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ với các điều kiện liên quan đến nợ xấu của doanh nghiệp nên được nói lỏng hơn*** để tăng khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, là đối tượng cần được hỗ trợ nhất.

Ngược lại, trong giai đoạn phục hồi, với nguy cơ nợ chồng nợ ngày càng tăng của các doanh nghiệp thì các tiêu chí đủ điều kiện cần được thắt chặt hơn và hướng đến các kế hoạch phục hồi nhằm hỗ trợ cho các kế hoạch kinh doanh khả thi nhưng thiếu tính thanh khoản. ***NHNN cần nghiên cứu việc tiếp tục chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và hỗ trợ lãi suất nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sau thời gian bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất thường***. Khi thực hiện các giải pháp chính sách này, một số vấn đề cụ thể cho giai đoạn tới như sau:

- Đối với gói hỗ trợ lãi suất 2%/năm, NHNN cần xem xét xây dựng hướng dẫn thống nhất về tiêu chí đánh giá, thẩm định khách hàng về khả năng phục hồi như dựa vào sự tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp sau giai đoạn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất thường (ví dụ như sự sụt giảm về doanh thu của doanh nghiệp do dịch bệnh COVID-19 gây ra)⁷⁶ và xây dựng các hướng dẫn về trường hợp đánh giá, thẩm định cho vay ưu đãi đối với khách hàng hoạt động kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực.
- Đối với gói chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, chính sách cần chú ý đến các đối tượng và các ngành, lĩnh vực vẫn đang gặp khó khăn do hậu quả của tình trạng bất thường và suy thoái kinh tế do tình trạng bất thường

⁷⁴ Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), *Các Chương trình Hỗ trợ Tài chính của Chính phủ dành cho Doanh nghiệp trong Giai đoạn COVID-19: Cập nhật 2021*, “COVID-19 Government Financing Support Programmes for Businesses: 2021 Update”. Xem thêm tại: <https://www.oecd.org/finance/COVID-19-Government-Financing-Support-Programmes-for-Businesses-2021-Update.pdf>

⁷⁵ Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), *Tài chính SME trong các gói phục hồi sau COVID-19: Đánh giá và hàm ý*, “SME finance in COVID-19 recovery packages: Assessment and implications”, 2022. Xem thêm tại: <https://www.oecd-ilibrary.org/sites/44db9703-en/index.html?itemId=/content/component/44db9703-en#section-d1e10237>

⁷⁶ Ví dụ ở Úc, Chương trình cho vay phục hồi doanh nghiệp vừa và nhỏ được triển khai vào tháng 5/2021 áp dụng tiêu chí đánh giá là: công ty phải có các mức sụt giảm doanh thu là 15%, 30% hoặc 50% trong một quý của năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019. Hoặc Chương trình cho vay phục hồi (RLS) của Anh yêu cầu người đi vay phải trả phí và lãi ngay từ đầu (mặc dù lãi suất sẽ không có do cơ chế này được hưởng lợi từ chương trình bảo lãnh tín dụng của Chính phủ đến 80%). Việc trả lãi ngay từ đầu có thể hạn chế khả năng tiếp nhận của doanh nghiệp, tuy nhiên, nó đảm bảo rằng các công ty nhận ưu đãi tín dụng có khả năng trả nợ.

gây ra, ví dụ nhóm đối tượng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp có sử dụng nhiều lao động, doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu bị ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19.

- Ngoài ra, NHNN nghiên cứu phương án hỗ trợ các khoản vay bằng ngoại tệ để thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu.

Trong giai đoạn phục hồi kinh doanh, cần thiết phải có một giải pháp chính sách về xử lý nợ xấu của các TCTD để đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ nhưng cũng tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 và tác động xấu từ suy thoái kinh tế thế giới. Để thực hiện giải pháp này, Chính phủ và NHNN có thể đề xuất Quốc hội ban hành một *ngợi quyết tiếp theo* thay thế hoặc sửa đổi Nghị quyết số 42/2017/QH14 về xử lý nợ xấu do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

5.1.3 Lĩnh vực lao động, việc làm - BHXH

Trong giai đoạn xảy ra tình trạng bất thường do dịch bệnh COVID-19, các chính sách hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH cũng đã được nhiều quốc gia áp dụng. Các chính sách thường có tối thiểu 02 (hai) mục tiêu: (i) cung cấp hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp và (ii) bảo vệ người lao động, hỗ trợ đảm bảo các biện pháp an toàn sức khỏe tại nơi làm việc. Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 bùng phát, các chính sách được đánh giá là hiệu quả nhất bao gồm các chính sách hỗ trợ tiền mặt cho NLĐ, đặc biệt làm hỗ trợ bằng tiền cho NLĐ, hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ và những chính sách miễn, giảm các khoản đóng góp bắt buộc của người sử dụng lao động và NLĐ. Tương tự như các chính sách hỗ trợ thuế, phí và lệ phí, ***trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp (ví dụ như các đợt bùng phát của dịch bệnh COVID-19), Chính phủ, Bộ LĐTBXH, Cơ quan BHXH và các cơ quan liên quan cần áp dụng các chính sách trợ cấp tiền lương cho NLĐ, miễn và/hoặc giảm các khoản đóng góp bắt buộc của người sử dụng lao động và NLĐ cho tất cả các đối tượng cho đến khi tình trạng khẩn cấp, bất thường qua đi.***

Trong giai đoạn phục hồi, một số chính sách cần được tiếp tục thực hiện nhằm hỗ trợ doanh nghiệp có thể tồn tại, có khả năng cạnh tranh hơn thông qua việc giảm chi phí hoạt động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cụ thể, trong giai đoạn phục hồi kinh tế sau thời kỳ khó khăn của dịch bệnh COVID-19, một số chính sách cần được giải quyết như sau:

- ***Bộ LĐTBXH nghiên cứu đề xuất Chính phủ tiếp tục áp dụng chính sách Giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động ít nhất đến hết năm 2023*** để giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực để phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch.
- ***Bộ LĐTBXH tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích đào tạo và phát triển kỹ năng nghề gắn với thực tiễn doanh nghiệp*** đặc biệt là ngành dịch vụ, du lịch, CNTT, dệt may... Đồng thời, Bộ LĐTBXH và các địa phương cần có các quy định cụ thể để thực hiện được chính sách khuyến khích hoạt động liên kết đào tạo giữa các tập đoàn sản xuất lớn với các cơ sở giáo dục nghề. ***Bộ LĐTBXH cần thông qua hệ thống đào tạo kỹ thuật và dạy nghề để nâng cấp các kỹ năng số cho người lao động***, đặc biệt là lao động có kỹ năng số để thực hiện các kế hoạch về thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ trong quản lý doanh nghiệp, gia tăng trải nghiệm của khách hàng, chăm sóc khách hàng trong thời đại số... Bên cạnh đó, Bộ LĐTBXH cần có biện pháp củng cố hệ thống giới thiệu việc làm trong nước để các đơn vị giới thiệu việc làm phát huy được vai trò cầu nối để giúp người lao động tìm kiếm việc làm trong nước tốt hơn. Trong số các giải pháp hỗ trợ các hệ thống giới thiệu việc làm, cơ quan LĐTBXH ở trung ương và địa phương có thể phối hợp với Bộ Công an, BHXHVN để nắm bắt được số lượng lao động di cư, số lượng lao động bị mất việc làm ở từng địa phương để có thể xây dựng các biện pháp truyền thông, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề cho người lao động tại từng địa phương.

- Bên cạnh đó, doanh nghiệp đề xuất ***Chính phủ cần xem xét nới lỏng chính sách thị thực (visa) cho lao động nước ngoài*** để giải quyết tình trạng thiếu hụt chuyên gia chất lượng cao, đồng thời thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

5.1.4 Lĩnh vực thúc đẩy xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng

Trong các trường hợp phong toả, giãn cách tương tự như giai đoạn bùng phát dịch bệnh COVID-19, các chính sách ***đơn giản hóa TTHC về hải quan, miễn kiểm tra thực tế với các sản phẩm hàng hóa phục vụ chống dịch*** góp phần giảm áp lực và tăng tốc cung cấp các sản phẩm thiết yếu bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Do đó, ***Tổng cục Hải quan có thể cân nhắc áp dụng các chính sách đã từng áp dụng thành công trong tình trường hợp dịch bệnh COVID-19***

Trong giai đoạn phục hồi, các chính sách hỗ trợ thương mại cần thiết phải được đẩy mạnh để giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường. Đặc biệt, thực hiện chủ trương của Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2023 về “chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu sang hình thức chính ngạch, bền vững”. Một số đề xuất chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp như sau:

- ***Tổng cục Hải quan tiếp tục áp dụng các cải cách về TTHC hải quan trong giai đoạn tới, đồng thời nâng cấp hệ thống VNACCS/VCIS, đẩy nhanh tiến độ áp dụng hệ thống Hải quan thông minh*** để giảm thời gian thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp và đáp ứng với sự gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm, sự bùng nổ của thương mại điện tử trong giai đoạn hiện tại và trong tương lai gần.
- ***Chính phủ và các bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát để giảm số mặt hàng và tỷ lệ số lô hàng thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, áp dụng phương thức kiểm tra giảm nhiều hơn*** cho các doanh nghiệp có hàng hóa đã đạt kết quả kiểm tra chuyên ngành trước đó. Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan để xây dựng danh mục hành hóa rủi ro về phân loại hàng hoá trong quản lý nhà nước về hải quan của tất cả các lĩnh vực quản lý chuyên ngành để giảm thiểu chồng chéo trong kiểm tra chuyên ngành và tập trung đúng đối tượng hơn.

5.2 Khuyến nghị liên quan đến tăng cường các hoạt động truyền thông để cung cấp thông tin hiệu quả cho doanh nghiệp và sự tham gia của các hiệp hội trong quá trình xây dựng chính sách

Những bài học quan trọng được rút ra từ quá thực thi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã trình bày ở trên là công tác tuyên truyền và phổ biến chính sách. ***Chính phủ và các bộ, ngành cần xây dựng các chiến dịch truyền thông toàn diện và bài bản đối với mỗi chính sách được ban hành*** để có thể thông báo rộng rãi đến doanh nghiệp. Kinh nghiệm của các cơ quan thực thi cho thấy, bên cạnh việc cung cấp tài liệu (hướng dẫn, biểu mẫu và quy định) trên trang web của cơ quan và sử dụng mạng xã hội, các cơ quan quản lý cần phối hợp chặt chẽ với các hiệp hội doanh nghiệp để thông báo đến cộng đồng doanh nghiệp các quy định mới, văn bản mới ban hành. Bên cạnh đó, công tác tiếp nhận, giải đáp của các cơ quan quản lý nhà nước đối với câu hỏi, vướng mắc của doanh nghiệp, tổ chức cũng cần tiếp tục được chú trọng, đảm bảo câu hỏi, vướng mắc được nhanh chóng tiếp nhận, giải đáp.

Ngoài ra, ***Chính phủ có thể nghiên cứu thành lập một trang thông tin chính thức/một chuyên mục thuộc Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để công bố và thường xuyên cập nhật tất cả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ***. Những thông tin quan trọng cần được cung cấp bao gồm thời hạn, điều kiện hưởng, quy trình và thủ tục. Những thông tin được cung cấp không nên là một văn bản dài hàng chục trang, mà cần được tổng hợp và thể hiện theo hướng đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện. Một số các trang thông tin có thể tham khảo bao gồm danh sách ở Bảng 16 dưới đây. Các Bộ, ngành và chính quyền địa

phương và hiệp hội doanh nghiệp cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến trang thông tin này đến cho cộng đồng doanh nghiệp.

Bảng 16: Ví dụ về các trang thông tin thông tin về chương trình và tài trợ của Chính phủ các quốc gia trên thế giới

Ví dụ	Đường dẫn
Trang thông tin về chương trình và hỗ trợ của Chính phủ Úc	https://business.gov.au/grants-and-programs?resultsNum=10
Trang thông tin về hỗ trợ cho doanh nghiệp của Chính phủ Singapore	https://www.enterprisesg.gov.sg/financial-assistance/grants
Trang thông tin về hỗ trợ cho doanh nghiệp của Chính phủ Canada	https://www.canada.ca/en/government/grants-funding.html
Trang thông tin về hỗ trợ cho doanh nghiệp của Vương quốc Anh	https://www.gov.uk/guidance/find-government-grants
Trang thông tin về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19 của các quốc gia trên thế giới do Ngân hàng Thế giới và Hiệp hội quản tài viên quốc tế xây dựng	https://www.insol.org/About/INSOL-2030/Member-insights/We-work-in-complex-times/COVID-19-pandemic-recovery https://thedocs.worldbank.org/en/doc/194131592248086470-0090022020/original/globalguide.pdf

Cuối cùng, cần thiết **tạo điều kiện để các hiệp hội doanh nghiệp được tham gia sớm và hiệu quả** trong quá trình xây dựng các chính sách hỗ trợ để tăng tính khả thi khi ban hành chính sách thông qua các cơ chế tham vấn. Nghiên cứu xây dựng một cơ chế phản biện, tham vấn chính sách của các hiệp hội doanh nghiệp để tăng chất lượng cho các góp ý xây dựng và sửa đổi chính sách. Đặc biệt, tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả **Cổng Tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh** để phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu, cập nhật thông tin và tương tác trực tuyến trong tham vấn chính sách, quy định kinh doanh, đồng thời đánh giá nỗ lực cải cách quy định của các bộ, ngành.

5.3 Khuyến nghị liên quan đến tăng cường các hoạt động phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử

5.3.1 Liên quan đến các chính sách thuế

Thúc đẩy nhanh việc thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 (Đề án 06). Đặc biệt, các giải pháp của Bộ Tài chính và Bộ Công an đang đang phối hợp thực hiện cần tiếp tục được hoàn thiện nhằm thúc đẩy kết nối, tích hợp thông tin dữ liệu về dân cư (DLDC)⁷⁷, bao gồm các nhiệm vụ giải quyết đăng ký thuế lần đầu, thay đổi thông tin

⁷⁷ Thúc đẩy kết nối, tích hợp thông tin dữ liệu về dân cư, Thuế Việt Nam - Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, 25/02/2022. Xem thêm tại:

https://www.gdt.gov.vn/wps/portal!/ut/p/z0/Pcq9CoMwFIbhW3HJKOckTfwZSwdRKh0KrWaRaFJr0QQx9OfuKxY6fd8DL0ioaSwWYZgKARVIq55Dr_zgrBpX1zJqKf5MbmcTztRcszpAYsyT2iWcyhA9qNrf-

đăng ký thuế của cá nhân không kinh doanh qua Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG) có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư⁷⁸, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về dân cư với cơ sở dữ liệu thuế, giúp 100% người nộp thuế không phải khai báo lại các thông tin thay đổi đã có trong CSDLQG về dân cư⁷⁹... Những giải pháp này rất có ý nghĩa trong việc cắt giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp và góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2023 của Chính phủ, trong đó có mục tiêu *“tiếp tục cải cách thủ tục hành chính (TTHC) về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế, đặc biệt trong một số lĩnh vực, hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới”*.

5.3.2 Liên quan đến các chính sách tài chính - tín dụng

Tiếp tục triển khai nghiên cứu, triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng của chip điện tử trên thẻ Căn cước công dân (CCCD) đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng, đồng thời phát triển, hoàn thiện và triển khai hiệu quả ứng dụng di động Công dân số từ VNEID trên cơ sở mở rộng tích hợp các thông tin, dịch vụ như ngân hàng, thanh toán điện tử... của Đề án 06 trong năm 2023.⁸⁰ Đồng thời, tiếp tục xây dựng và thực hiện các phương án của NHNN để TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có thể khai thác CSDL quốc gia về dân cư, CSDL CCCD, thẻ CCCD gắn chip phục vụ xác minh thông tin nhận biết khách hàng, sử dụng dịch vụ ngân hàng. Giải pháp này góp phần thực hiện thành công Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2023 của Chính phủ, trong đó có mục tiêu *“triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC”*.

5.3.3 Liên quan đến các chính sách lao động, việc làm - BHXH

CSDLQG về BHXH cần tích hợp vào CSDLQG về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, Cổng DVCQG, hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ giải quyết TTHC trong lĩnh vực BHXH và làm giàu dữ liệu dân cư phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Đề án 06 để có thể phát huy tốt được công tác xử lý TTHC của cơ quan nhà nước về BHXH⁸¹.

Chính phủ và Bộ Công an cần nhanh chóng hoàn thiện và chia sẻ cho các cơ quan liên quan Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các bộ, ngành khác chia sẻ dữ liệu liên quan, như điện thoại, hộ tịch, BHXH trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cơ sở dữ liệu này được thống nhất và là thông tin đầu vào quan trọng cho nhiều dịch vụ công trực tuyến. Đặc biệt năm 2023 là năm mà Chính phủ đặt ra nhiệm vụ: *“sớm hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn*

[nwmGe5B9k5683bQ9VrH2ywnuCimtXbWvNa_qcxa-KmD0GGjBH0d2X7gBKkhe6ExgaE6uQs4iFyggWpkK1N42t1qmASWbXL1oyJc0!/](https://www.ge5B9k5683bQ9VrH2ywnuCimtXbWvNa_qcxa-KmD0GGjBH0d2X7gBKkhe6ExgaE6uQs4iFyggWpkK1N42t1qmASWbXL1oyJc0!/)

⁷⁸ Đề án 06, phụ lục I, mục 18

Công văn 1604/TCT-KK ngày 16/05/2022 triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thuế lần đầu, thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân không kinh doanh qua Cổng dịch vụ công Quốc gia có kết nối với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư

⁷⁹ Đề án 06, Điều 1, mục II.2(a)

Tổng thuật sáng 10/8: Phiên chất vấn và trả lời chất vấn nhóm vấn đề thuộc lĩnh vực và trách nhiệm của Bộ Công an, Công thông tin điện tử Quốc hội, 10/08/2022. Xem thêm tại: <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=67355>

⁸⁰ Đề án 06, mục II.2

⁸¹ Đề án 06, Điều 1, mục IV.22

đến năm 2030 theo tinh thần năm 2023 là “**Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới**”.

5.3.4 Liên quan đến các chính sách thúc đẩy xuất khẩu, bảo đảm chuỗi cung ứng

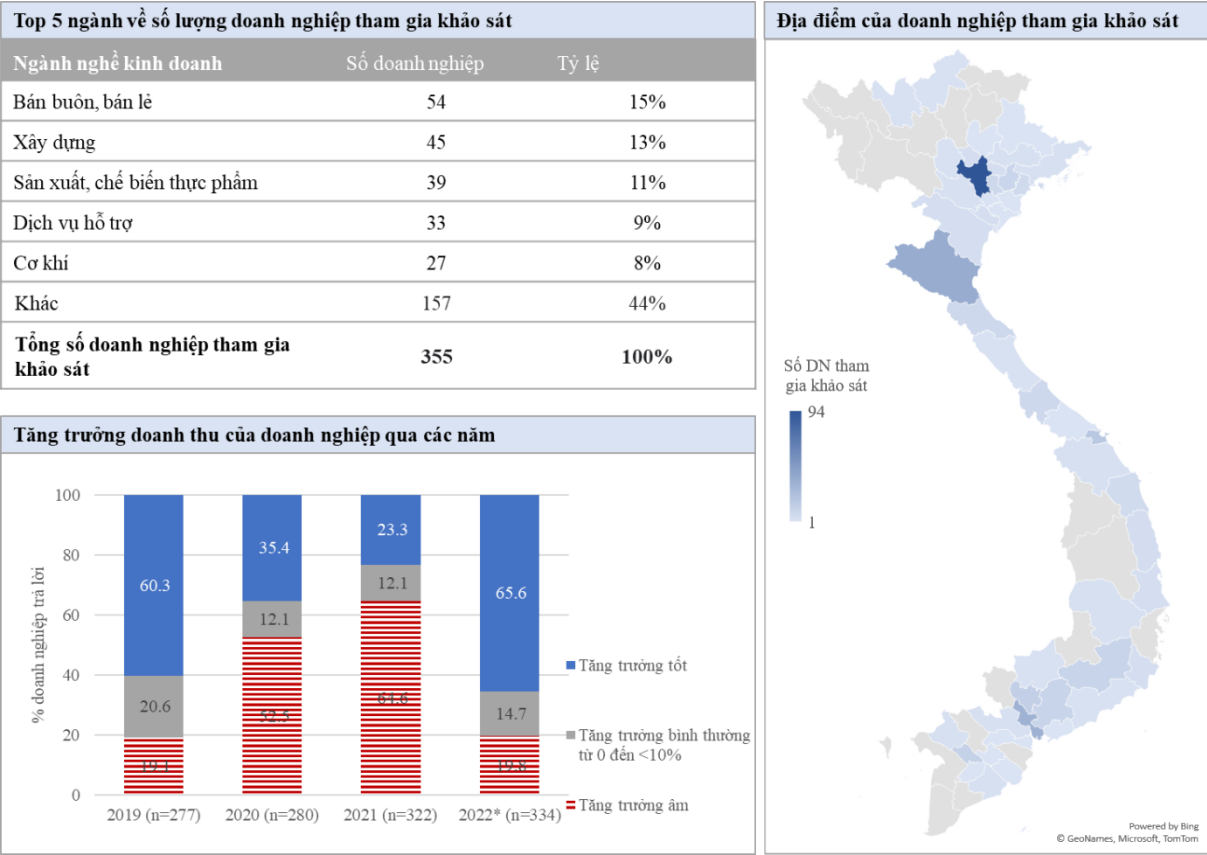
Tổng cục Hải quan cần hoàn thành nhiệm vụ “hoàn thành CSDLQG về hải quan”⁸²; “Xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu lớn phục vụ tổng hợp, đồng bộ dữ liệu của cơ sở dữ liệu tổng hợp với các cơ sở dữ liệu thành phần thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về hải quan và các nguồn dữ liệu khác”⁸³, “tích hợp các chức năng với các hệ thống và các cơ sở dữ liệu quốc gia do Chính phủ và các Bộ, ngành xây dựng”⁸⁴... cũng như phát triển các biện pháp đảm bảo an ninh, phát triển, đào tạo nguồn nhân lực về CSDL theo Quyết định số 707/QĐ-TCHQ ngày 04/05/2022 phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Khi Kế hoạch này được thực hiện thành công thì sẽ nâng cao năng suất lao động của cán bộ, công chức hải quan, thông tin kịp thời và chính xác hơn, giảm tình trạng tắc nghẽn tại các cảng, cửa khẩu, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp./.

⁸² Quyết định số 707/QĐ-TCHQ ngày 04/05/2022 phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục III.2.1, mục IV.7

⁸³ Quyết định số 707/QĐ-TCHQ ngày 04/05/2022 phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục IV.6

⁸⁴ Quyết định số 707/QĐ-TCHQ ngày 04/05/2022 phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Hải quan đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục IV.1.2

PHỤ LỤC 1: Hồ sơ về doanh nghiệp tham gia khảo sát định lượng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp tháng 11/2022

PHỤ LỤC 2: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về thuế, phí và lệ phí

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
1. Miễn thuế nhập khẩu với hàng hoá phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 106/NQ-CP/2021				
- Nghị quyết số 106/NQ-CP/2021 ngày 11/09/2021 của Chính phủ về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tài trợ phục vụ phòng, chống dịch bệnh COVID-19 - Thông tư số 121/2021/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19	Tổ chức, cá nhân Việt Nam nhập khẩu để tài trợ cho Chính phủ, Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19	Hàng hóa của tổ chức, cá nhân Việt Nam nhập khẩu để tài trợ cho Chính phủ, Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, được áp dụng chính sách thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng như hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. Trường hợp đã nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thì được xử lý số thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đã nộp theo quy định pháp luật quản lý thuế về xử lý tiền thuế nộp thừa.	Điều 3, Thông tư số 121/2021/TT-BTC	11/09/2021 - ngày có văn bản công bố hết dịch của cấp có thẩm quyền
2. Miễn thuế nhập khẩu với hàng hoá sản xuất				
- Quyết định số 2138/QĐ-BTC ngày 18/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Danh mục linh kiện nhập khẩu để sản xuất máy thở được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch COVID-19	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu linh kiện để sản xuất máy thở được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch COVID - 19	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu linh kiện để sản xuất máy thở được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch COVID - 19	Điều 1, Quyết định số 2138/QĐ-BTC	11/11/2020 - ngày có văn bản công bố hết dịch của cấp có thẩm quyền
- Quyết định số 1921/QĐ-BTC ngày 30/09/2021 bổ sung mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu tại Danh mục các mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu phục vụ	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu linh kiện để sản xuất máy thở được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch COVID - 19	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu vật tư để sản xuất Que test bệnh COVID-19 được miễn thuế nhập khẩu với các vật tư trên.	Điều 1, Quyết định số 155/QĐ-BTC	30/09/2021 - ngày có văn bản công bố hết dịch của cấp có thẩm quyền

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra kèm theo Quyết định số 155/QĐ-BTC				
3. Miễn tiền chậm nộp năm 2020 – 2021 theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15				
- Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của COVID-19 - Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch bệnh COVID-19	Doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗ trong năm 2020	Miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗ trong kỳ tính thuế năm 2020.	Khoản 4, Điều 4, Nghị định số 92/2021/NĐ-CP	Tiền chậm nộp 2020 - 2021
4. Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
- Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của COVID-19 - Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch bệnh COVID-19	Hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch COVID-19 trong năm 2021	Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021	Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 92/2021/NĐ-CP	Thuế của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021
5. Giảm 30% (thuế suất/tỷ lệ) thuế GTGT				

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng	
- Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của COVID-19 - Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 về giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch bệnh COVID-19	Doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ sau đây: (i) Dịch vụ vận tải (vận tải đường sắt, vận tải đường thủy, vận tải hàng không, vận tải đường bộ khác); dịch vụ lưu trú; dịch vụ ăn uống; dịch vụ của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; (ii) Sản phẩm và dịch vụ xuất bản; dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; tác phẩm nghệ thuật và dịch vụ sáng tác, nghệ thuật, giải trí; dịch vụ của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; dịch vụ thể thao, vui chơi và giải trí. Hàng hóa, dịch vụ trong nhóm (ii) không bao gồm phần mềm xuất bản và các hàng hóa, dịch vụ sản xuất, kinh doanh theo hình thức trực tuyến.	1. Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được giảm 30% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này. 2. Doanh nghiệp, tổ chức tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 30% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.	Khoản 3, Điều 3, Nghị định số 92/2021/NĐ-CP	01/11/2021 31/12/2021	-
6. Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8%					
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình - Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị	Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và giảm 20% mức tỷ lệ phần trăm khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu	- Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm	Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP	01/02/2022 31/12/2022	-

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		hóa chất; Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. - Mức giảm thuế giá trị gia tăng a) Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc nhóm được giảm thuế suất. b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế giá trị gia tăng.		
7. Giảm 30% thuế TNDN				
- Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của COVID-19 - Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 về giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch bệnh COVID-19	Doanh nghiệp, tổ chức có doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019. Không áp dụng tiêu chí doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019 đối với trường hợp người nộp thuế mới thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong kỳ tính thuế năm 2020, năm 2021.	Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 doanh nghiệp đủ điều kiện. Không áp dụng tiêu chí doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019 đối với trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong kỳ tính thuế năm 2020 và năm 2021.	Khoản 3, khoản 4, Điều 1, Nghị định số 92/2021/NĐ-CP	Kỳ tính thuế 2021

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
- Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác - Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác	Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.	Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.	Điều 3, Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	Kỳ tính thuế 2020
8. Tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam				
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình - Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ	Doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ (danh sách quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP).	Khoản 1, khoản 4, Điều 2, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP	Kỳ tính thuế năm 2022

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	quan báo chí; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn, hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch bệnh COVID-19 các cấp; Quỹ vắc-xin phòng bệnh COVID-19; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.			
- Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh COVID-19	Doanh nghiệp là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính	Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại 1 số đơn vị được quy định.	Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 44/2021/NĐ-CP	Kỳ tính thuế năm 2020 - 2021

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch bệnh COVID-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.			
9. Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay				
- Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31/12/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung tiểu mục 2 mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14	Tổ chức, cá nhân nộp thuế BVMT đối với nhiên liệu bay	Giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay	N/A	01/01/2022 - 31/12/2022
- Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 sửa đổi Tiểu mục 2 Mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 về Biểu thuế bảo vệ môi trường	Tổ chức, cá nhân nộp thuế BVMT đối với nhiên liệu bay	Mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay giảm từ 3.000 đồng giảm xuống 2.100 đồng/lít	N/A	01/08/2020 - 31/12/2020
- Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 sửa đổi Tiểu mục 2 mục 1 Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại	Tổ chức, cá nhân nộp thuế BVMT đối với nhiên liệu bay	Mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay giảm từ 3.000 đồng giảm xuống 2.100 đồng/lít	N/A	01/01/2021 - 31/12/2021

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 về Biểu thuế bảo vệ môi trường đã được sửa đổi theo Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14				
10. Giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 – 2021				
- Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19	Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm	Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp của năm 2021	Điều 4, Điều 5, Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg	Tiền thuê đất 2021, nộp hồ sơ từ 25/09/2021 - 31/12/2021
- Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP	Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 15 ngày trở lên do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19	Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020	Điều 4, Điều 5, Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg	Tiền thuê đất 2020, nộp hồ sơ từ 10/08/2020 - 31/12/2020
11. Giảm giá bán điện				
- Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 17/12/2020 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện (đợt 2) cho khách hàng sử dụng điện - Công văn số 9764/BCT-ĐTĐL ngày 18/12/2020 của Bộ Công thương về hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách	1. Đợt 2: Khách hàng sử dụng điện sinh hoạt; Cơ sở lưu trú du lịch; Cơ sở phục vụ phòng, chống dịch bệnh COVID-19 mua điện từ các đơn vị thuộc EVN và các đơn vị bán lẻ điện... 2. Đợt 3: Cơ sở lưu trú du lịch; cơ sở phục vụ phòng, chống dịch bệnh COVID-19 không thu phí, mua điện từ Tổng công ty Điện lực/Công	1. Đợt 2: Kỳ hóa đơn tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2020 2. Đợt 3: Kỳ hóa đơn tiền điện tháng 6 năm 2021 đến kỳ hóa đơn tiền điện tháng 12 năm 2021 3. Đợt 4: kỳ hóa đơn tiền điện tháng 8 và kỳ hóa đơn tiền điện tháng 9 năm 2021 (khách hàng sử dụng điện sinh hoạt)/kỳ hóa đơn tiền điện tháng 6 năm 2021 đến hết kỳ hóa đơn tiền	N/A	Từng đợt

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 đợt 2 - Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 02/06/2021 về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện (đợt 3) cho các khách hàng sử dụng điện do Chính phủ ban hành - Công văn số 3163/BCT-ĐTĐL ngày 03/06/2021 về hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 đợt 3 - Nghị quyết số 83/NQ-CP 31/07/2021 về phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 4) cho các khách hàng sử dụng điện - Công văn 4748/BCT-ĐTĐL ngày 06/08/2021 về hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 đợt 4 - Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28/08/2021 về phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 5) cho các khách hàng sử dụng điện - Công văn số 5411/BCT-ĐTĐL ngày 06/09/2021 về hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 5 cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19	ty Điện lực thuộc EVN và các đơn vị bán lẻ điện... 3. Đợt 4: Khách hàng sử dụng điện sinh hoạt tại địa phương giãn cách xã hội; cơ sở cách ly y tế tập trung phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 mua điện trực tiếp từ Tổng công ty Điện lực/Công ty Điện lực thuộc EVN hoặc các đơn vị bán lẻ điện khác... 4. Đợt 5: Nhà máy hoặc cơ sở sản xuất đặt tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg mua điện trực tiếp từ Tổng công ty Điện lực/Công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc các đơn vị bán lẻ điện khác và đang duy trì sản xuất trong các lĩnh vực sau: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất hàng xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu năm 2020 trên 01 tỷ đô la Mỹ.	điện tháng 12 năm 2021 (cơ sở cách ly y tế) 4. Đợt 5: Kỳ hoá đơn tiền điện tháng 9 đến hết kỳ hóa đơn tiền điện tháng 11 năm 2021		
12. Giảm phí, lệ phí trong một số lĩnh vực				

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
- Thông tư số 74/2020/TT-BTC ngày 10/08/2020 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, nộp phí sử dụng đường bộ - Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/08/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 279/2016/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm - Thông tư số 19/2020/TT-BGTVT ngày 01/09/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về mức giá, khung giá dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam từ ngày 01 tháng 3 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2020 - Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh COVID-19 - Thông tư số 12/2021/TT-BTC ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, khai, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt - Thông tư số 18/2021/TT-BTC ngày 11/03/2021 của Bộ Tài chính	Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí	Giảm một số phí, lệ phí	N/A	Tùy từng thủ tục hành chính

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
quy định về mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/06/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 - Thông tư số 68/2021/TT-BTC ngày 06/08/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 - Thông tư số 21/2021/TT-BGTVT quy định về mức giá, khung giá dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 - Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng				

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19				
13. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất				
- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/04/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 - Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022	1. Doanh nghiệp, tổ chức 2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Gia hạn thuế GTGT, TNDN cho doanh nghiệp, tổ chức và gia hạn Thuế GTGT, thuế TNCN cho Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	1. Điều 4, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP 2. Điều 5, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP	1. Doanh nghiệp, tổ chức: - Thuế GTGT: Kỳ tính thuế tháng 3/2022 - 8/2022 hoặc kỳ tính thuế quý I, quý II năm 2022. - Thuế TNDN: số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I, quý II kỳ tính thuế năm 2022. 2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh - Thuế GTGT, thuế TNCN: 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2022
14. Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước				
- Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15/09/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước - Nghị định số 104/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ	Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước	Gia hạn thuế GTGT, TNDN cho doanh nghiệp, tổ chức và gia hạn Thuế GTGT, thuế TNCN cho Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	1. Điều 4, Nghị định số 109/2020/NĐ-CP 2. Điều 4, Nghị định số 104/2021/NĐ-CP 3. Điều 4, Nghị định số 32/2022/NĐ-CP	1. Kỳ tính thuế tháng 3, tháng 4, tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2020 2. Kỳ tính thuế

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước - Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/05/2022 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước				tháng 10 và tháng 11 năm 2021 3. Kỳ tính thuế tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2022

PHỤ LỤC 3: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về tài chính – tín dụng

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ				
1. Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020; 2. Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021; 3. Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021.	Khách hàng của TCTD, CNNHNNg (trừ khách hàng là TCTD, CNNHNNg) gặp khó khăn do bị ảnh hưởng bởi Dịch bệnh COVID-19.	a. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ Các số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) sẽ được TCTD, CNNHNNg cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN. b. Miễn, giảm lãi, phí: việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với các khoản nợ thỏa mãn các điều kiện tại khoản 2, Điều 1, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN. c. Giữ nguyên nhóm nợ: TCTD, CNNHNNg thực hiện giữ nguyên nhóm nợ cho các khoản nợ thuộc các trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN; khoản 3, Điều 1, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN.	Không có quy định cụ thể về quy trình, thủ tục thực hiện thủ tục	13/03/2020 - 30/06/2022
2. Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại ngân hàng thương mại				
1. Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022;	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất (sau đây gọi là khách hàng) thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản	Hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40 nghìn tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay của các đối tượng tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Điều 2, khoản 2. Các khoản vay lãi suất hỗ	Không có quy định cụ thể về quy trình, thủ tục thực hiện thủ tục	11/01/2022 - 31/12/2023

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
2. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022; 3. Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/05/2022; 4. Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/05/2022; 5. Công văn số 4593/NHNN-TD ngày 05/07/2022; 7. Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 16/08/2022; 8. Văn bản số 6221/NHNN-TD ngày 08/09/2022.	2, Điều 2, Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/05/2022: - Có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành đã được đăng ký kinh doanh quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. - Có mục đích sử dụng vốn vay để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ thuộc danh mục dự án do Bộ Xây dựng tổng hợp, công bố.	trợ này phải đảm bảo điều kiện hỗ trợ lãi suất tại Điều 4, Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.		
3. Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022 - 2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm được NHCSXH giải ngân trong giai đoạn 2022 - 2023				
1. Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022; 2. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022; 3. Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/05/2022; 4. Công văn số 4279/HD-NHCS ngày 30/05/2022;	Khách hàng vay vốn NHCSXH (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) có các khoản vay đáp ứng đầy đủ điều kiện được ngân sách Nhà nước hỗ trợ lãi suất như sau: 1. Có khoản vay đáp ứng các điều kiện sau: a) Thuộc các chương trình tín dụng chính sách do NHCSXH cho vay theo: Nghị định của	- Hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm và được NHCSXH giải ngân trong giai đoạn 2022-2023. Tổng nguồn vốn hỗ trợ lãi suất tối đa 3.000 tỷ đồng. - Mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn là 2%/năm tính trên số dư nợ vay của các khoản giải ngân được giải ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ lãi suất.	Không có quy định cụ thể về quy trình, thủ tục thực hiện thủ tục	01/01/2022 - 31/12/2023

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; văn bản ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính phủ, các cá nhân trong và ngoài nước; hiệp định, hợp đồng vay lại từ nguồn vốn ODA và ưu đãi nước ngoài; thỏa thuận tài trợ nước ngoài khác ; b) Có lãi suất vay vốn trên 6%/năm; c) Được NHCSXH giải ngân và có phát sinh dư nợ trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất. 2. Khách hàng vay vốn đúng đối tượng vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định.			
4. Cho vay tại NHCSXH đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập				
1. Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022; 2. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022;	(i) Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập gồm: nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thực (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực); (ii) Nhà trẻ,	- Mức vốn cho vay: 1. Tối đa 80 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực. 2. Tối đa 200 triệu đồng/trường mầm non dân lập, tư thực, tiểu học tư thực. 3. Mức cho vay cụ thể đối với mỗi trường hợp do NHCSXH xác định dựa trên	- Khách hàng vay vốn gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập đăng ký thành lập. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với mức cho vay không phải bảo đảm	11/01/2022 - 31/12/2023

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
3. Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/04/2022.	trường mẫu giáo, trường mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thực); (iii) Trường tiểu học tư thực theo quy định của pháp luật đáp ứng các điều kiện vay vốn sau: a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. b) Phải dừng hoạt động theo yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 ít nhất 01 tháng tính đến thời điểm vay vốn. c) Có Phương án vay vốn để phục hồi, duy trì hoạt động theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 11/2022/QĐ-TTg và được NHCSXH thẩm định. d) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh trước thời điểm ngày 23/01/2020.	Phương án vay vốn tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định 11/2022/QĐ-TTg. Tổng nguồn vốn cho vay tối đa là 1.400 tỷ đồng - Thời hạn cho vay: tối đa 36 tháng. - Lãi suất cho vay: - Lãi suất cho vay 3,3%/năm. - Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn. - Bảo đảm tiền vay - Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với mức vay đến 100 triệu đồng. - Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này có mức vay từ trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH.	tiền vay và trong thời hạn 10 ngày đối với mức cho vay phải bảo đảm tiền vay kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng, NHCSXH phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến khách hàng vay vốn. - Hồ sơ đề nghị vay vốn gồm: (i) Phương án vay vốn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 11/2022/QĐ-TTg. (ii) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động (iii) Giấy ủy quyền (nếu có).	
5. Hỗ trợ tiền mặt cho hộ kinh doanh do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19				
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021;	- Nghị quyết số 68/NQ-CP: Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế và phải dừng hoạt động từ 15	- Các đối tượng trên được ngân sách Nhà nước hỗ trợ một lần 3.000.000 đồng/hộ.	- Trường hợp hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế áp dụng	- Hộ kinh doanh có ĐKKD và có trong danh bạ

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
2. Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021; 3. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/07/2021; 4. Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021; 5. Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21/07/2021.	ngày liên tục trở lên trong thời gian từ 01/05/2021 đến ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19. - Nghị quyết số 126/NQ-CP: (i) Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế; (ii) Hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên do yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc do có địa điểm kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg trong thời gian từ ngày 01/05/2021 đến hết ngày 31/12/2021.	- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh.	theo quy định tại khoản 20, Điều 1, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg; - Trường hợp hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh áp dụng theo quy định tại khoản 21, Điều 1, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.	của cơ quan thuế: Thời gian tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ chậm nhất đến ngày 31/01/2022. - Hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh: Căn cứ vào quy định pháp luật và tình hình, điều kiện cụ thể của địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể.

PHỤ LỤC 4: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về lao động, việc làm - BHXH

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
1. Hỗ trợ NLĐ làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương				
1. Nghị quyết số 42/NQ-CP năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 154/NQ-CP năm 2020 2. Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg	So với Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg bổ sung đối tượng, sửa đổi điều kiện: "Làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ở các cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục) không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, cơ sở giáo dục) do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19"	Mức hỗ trợ là 1.800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch, tính từ ngày 01/04/2020 và không quá 03 tháng	Quy trình, thủ tục được quy định tại Điều 2, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg	04/2020 - 31/01/2022
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 126/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg	(i) Thuộc một trong các trường hợp: phải điều trị bệnh COVID-19, cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa, không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch bệnh COVID-19; do NSDLĐ bị tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 hoặc	NLĐ được hỗ trợ 01 lần nếu: (i) thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng mức 1.855.000 đồng/người; (ii) thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 01 tháng trở lên mức 3.710.000 đồng/người. NLĐ được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người nếu đối	Quy trình, thủ tục được quy định tại Điều 16, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg	

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết 128/NQ-CP về quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19” hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch bệnh COVID-19; (ii) Tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của HĐLĐ, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01/05/2021 đến hết ngày 31/12/2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/05/2021 đến ngày 31/12/2021. (iii) Đang tham gia BHXH bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia BHXH bắt buộc của cơ quan BHXH) tại tháng NLĐ tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm NLĐ tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương.	tương được hỗ trợ đang mang thai, 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi nếu đối tượng được hỗ trợ đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi		

2. Cho vay để trả lương cho NLĐ

Nghị quyết số 42/NQ-CP năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 154/NQ-CP năm 2020	(i) Có NLĐ đang tham gia BHXH bắt buộc phải ngừng việc từ 01 tháng liên tục trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2020 đến hết ngày 31/12/2020; (ii) NSDLĐ có doanh thu quý I năm 2020 giảm 20% trở lên so với quý IV năm 2019 hoặc doanh thu của quý liền kề trước thời điểm xét hưởng giảm 20% trở lên so với	NSDLĐ được vay tại NHCSXH không có tài sản đảm bảo tối đa 50% tiền lương tối thiểu vùng để trả lương ngừng việc cho NLĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật Lao động trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng	Quy trình, thủ tục được quy định tại Điều 15, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg	04/2020 - 12/2020
---	--	--	---	-------------------

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	cùng kỳ năm 2019; (iii) Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31/12/2019.	12 năm 2020 theo thời gian trả lương thực tế nhưng không quá 03 tháng với lãi suất vay 0%, thời hạn vay tối đa 12 tháng		
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg	(i) Đối với việc cho vay để trả lương ngừng việc: Có người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 01 tháng liên tục trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”. (khoản 3 Điều 1 Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg) Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số NLD theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng. (điểm b, khoản 1 Nghị quyết số 154/NQ-CP) (ii) Đối với việc cho vay để trả lương phục hồi sản xuất: • Đối với NSDLĐ phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định	Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ tối đa 03 tháng; thời hạn vay vốn dưới 12 tháng	Quy trình, thủ tục được quy định tại Điều 40, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg	01/07/2021 - 25/03/2022

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01/05/2021 đến hết ngày 31/03/2022: Có NLĐ làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia BHXH bắt buộc tại thời điểm đề nghị vay vốn; Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp phải tạm dừng hoạt động. • Đối với NSDLĐ hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa NLĐ Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Có NLĐ làm việc theo HĐLĐ đang tham gia BHXH bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn; Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.			
3. Tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất				
1. Nghị quyết số 42/NQ-CP năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 154/NQ-CP năm 2020 2. Công văn số 1511/LĐTBXH-BHXH được sửa đổi, bổ sung bởi Công văn số 4237/LĐTBXH-BHXH	Công văn số 4237/LĐTBXH-BHXH đã bỏ điều kiện “Không bố trí được việc làm cho NLĐ, trong đó số lao động thuộc diện tham gia BHXH phải tạm thời nghỉ việc từ 50% tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh trở lên” và “Bị thiệt hại trên 50% tổng giá trị tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra (không kể giá trị tài sản là đất)” tại quy định của Công văn số 1511/LĐTBXH-BHXH năm 2020, đồng thời sửa đổi tỷ lệ NLĐ tham gia BHXH phải giảm tương thích với quy định của Nghị quyết số 154/NQ-CP là 20%.	NSDLĐ đủ điều kiện hưởng hỗ trợ được tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất không quá 03 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét hưởng. Trường hợp đã được tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 42/NQ-CP, tổng thời gian tạm dừng đóng theo cả 02 Nghị quyết này không quá 12 tháng	Quy trình, thủ tục được quy định tại điểm b, Điều 5, Công văn số 1511/LĐTBXH-BHXH	Thời hạn tạm dừng do CQBHXH xác định trên hồ sơ đề nghị, không quá 12 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 được sửa đổi, bổ	NSDLĐ đã đóng đủ BHXH hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 01/2021, bị ảnh hưởng bởi	NSDLĐ đủ điều kiện hưởng hỗ trợ được tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất	Gần tương tự với giai đoạn trước, NSDLĐ phải nộp thêm hồ sơ đề nghị tại Sở Lao động -	07/07/2021 - 30/06/2022

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/QĐ-TTg	đại dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 10% số lao động tham gia BHXH trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị so với tháng 01/2021. Số lao động tham gia BHXH tính giảm được tính theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg	không quá 06 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị. Nếu đã được tạm dừng đóng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị quyết số 154/NQ-CP, tổng thời gian tạm dừng đóng không quá 12 tháng.	Thương binh và Xã hội để theo dõi, giám sát	
4. Lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19				
Công văn số 2059/TLĐ năm 2021	Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 có số lao động đang tham gia BHXH phải tạm thời nghỉ việc từ 50% trong tổng số lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc trở lên	Doanh nghiệp đủ điều kiện được lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đến ngày 31/12/2021	Trình tự thủ tục thực hiện chính sách do Ban Thường vụ các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương; Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tự xem xét, quyết định	28/05/2021 - 31/12/2021
Công văn số 2946/TLĐ-TC năm 2021	Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 10% lao động tham gia BHXH trở lên so với thời điểm tháng 01/2021 (kể cả lao động ngừng việc, tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, thỏa thuận nghỉ không hưởng lương)	Như trên	Như trên	Như trên
5. Miễn đóng đoàn phí công đoàn				
Công văn số 771/TLĐ năm 2020, bổ sung bởi Công văn số 808/TLĐ năm 2020	Đoàn viên công đoàn có thu nhập thấp hơn mức lương cơ sở	Đoàn viên công đoàn đủ điều kiện thì không phải đóng đoàn phí công đoàn trong thời gian hưởng mức thu nhập thấp hơn mức lương cơ sở	Đoàn viên công đoàn không phải thực hiện thủ tục	23/1/2020 - 31/12/2020
Công văn số 2475/TLĐ năm 2021	Đoàn viên công đoàn tại các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng	Đoàn viên công đoàn không phải đóng đoàn phí công đoàn trong thời gian hưởng mức	Như trên	1/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
		lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng		
6. Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho NLD				
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/QĐ-TTg	NSDLĐ đáp ứng các điều kiện sau (i) Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho NLD từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ; (ii) Phải thay đổi cơ cấu công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động; (iii) Có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020; (iv) Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho NLD theo quy định.	NSDLĐ được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, mức hỗ trợ tối đa là 1.500.000 đồng/NLD/tháng tùy theo thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học và thời gian hỗ trợ tối đa 06 tháng	Trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 12, Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi bởi Quyết định số 33/QĐ-TTg	01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022
7. Hỗ trợ NLD ngừng việc				
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 33/QĐ-TTg	NLD có đủ các điều kiện sau: (i) Làm việc theo chế độ HĐLĐ bị ngừng việc vì lý do theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc một trong các trường hợp quy định tại mục II.5 của Nghị quyết số 68/NQ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP; (ii) Đang tham gia BHXH bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia BHXH bắt buộc của cơ quan BHXH) tại tháng NLD ngừng việc hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm NLD ngừng việc.	NLD được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/người NLD sẽ được hỗ trợ thêm nếu thuộc các trường hợp sau: (i) NLD đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; (ii) NLD đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa	Quy trình, thủ tục được quy định tại Điều 20, Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi bởi Quyết định số 123/QĐ-TTg	01/07/2021 - 31/01/2022

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
		đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.		
8. Chính sách hỗ trợ NLĐ chấm dứt HĐLĐ nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp				
1. Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 33/QĐ-TTg	NLĐ đáp ứng các điều kiện sau: (i) Làm việc theo chế độ HĐLĐ thuộc một trong các trường hợp theo Điều 21, Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi bởi Quyết định số 123/QĐ-TTg (iii) Chấm dứt HĐLĐ trong thời gian từ ngày 01/05/2021 đến hết ngày 31/12/2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ trường hợp NLĐ đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật hoặc hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng	NLĐ được hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ 3.710.000 đồng/người NLĐ sẽ được hỗ trợ thêm nếu thuộc các trường hợp sau: (i) NLĐ đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; (ii) NLĐ đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.	Quy trình, thủ tục được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Quyết định số 23/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 123/QĐ-TTg	01/07/2021 - 31/01/2022
9. Hỗ trợ bằng tiền cho NLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp				
1. Nghị quyết số 116/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg 3. Nghị quyết số 24/2022/UBTVQH15	NLĐ đáp ứng các điều kiện sau: (i) NLĐ đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm ngày 30/09/2021 (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm thất nghiệp của cơ quan BHXH) (ii) NLĐ đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt HĐLĐ hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/09/2021 có thời gian đóng bảo hiểm	NLĐ đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ 01 lần với mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 2, Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg	Quy trình, thủ tục cụ thể được quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3, Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg	1. Đối với NLĐ đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 24/09/2021 - 10/11/2021; 2. Đối với NLĐ đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
	thất nghiệp được bảo lưu theo quy định của pháp luật về việc làm, không bao gồm người đã có quyết định hưởng lương hưu hàng tháng.			24/09/2021 - 31/12/2021. Tiếp tục hỗ trợ đến 10/9/2022 với các hồ sơ nộp đúng hạn trước đó (31/12/2021) nhưng trước đó chưa được chi trả.
10. Giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho NSDLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19				
1. Nghị quyết số 116/NQ-CP năm 2021 2. Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg	NSDLĐ quy định tại Điều 43 của Luật Việc làm đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp trước ngày 01/10/2021	Giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những NLĐ thuộc đối tượng đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục	12 tháng, kể từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/09/2022
11. Hỗ trợ tiền thuê nhà cho NLĐ				
Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg	02 đối tượng: (i) NLĐ đang làm việc trong doanh nghiệp tại khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu vực kinh tế trọng điểm (ii) NLĐ quay trở lại thị trường lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà Điều kiện được quy định tại Điều 4, Điều 5, Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg	(i) NLĐ đang làm việc trong doanh nghiệp tại khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu vực kinh tế trọng điểm: 500.000VND/tháng, tối đa 03 tháng (ii) NLĐ quay trở lại thị trường lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà: 1.500.000VND/tháng, tối đa 03 tháng	Quy trình, thủ tục cụ thể được thực hiện theo Điều 7, Điều 11, Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg	28/03/2022 - 15/08/2022
12. Giảm mức đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp				
Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết	NSDLĐ đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho NLĐ thuộc đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo	NSDLĐ được áp dụng mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao	NSDLĐ không phải thực hiện thủ tục	01/07/2021 đến hết 30/06/2022

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
số 126/NQ-CP năm 2021	quy định của pháp luật về BHXH và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, NLĐ trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước)	động, bệnh nghề nghiệp trong 12 tháng.		
13. Hỗ trợ bữa ăn cho đoàn viên, NLĐ đang thực hiện “3 tại chỗ” của doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách toàn tỉnh, thành phố				
Quyết định số 3089/QĐ-TLĐ	Đoàn viên, NLĐ đang làm việc tại các doanh nghiệp có đóng kinh phí công đoàn, thực hiện “3 tại chỗ” để sản xuất	Hỗ trợ 01 lần, tối đa 1.000.000 đồng/người	Quy trình, thủ tục được quy định tại điểm đ, Điều 1, Quyết định số 3089/QĐ-TLĐ	01/10/2021 đến 31/10/2021
14. Hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho đoàn viên, NLĐ đang thực hiện “1 cung đường 2 điểm đến” của doanh nghiệp tại địa bàn các tỉnh, thành phố thực hiện giãn cách				
Quyết định số 3309/QĐ-TLĐ	Đoàn viên, NLĐ đang làm việc tại các DN (DN theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020) có đóng kinh phí công đoàn, thực hiện “1 cung đường 2 điểm đến” và được các cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt	Hỗ trợ 01 lần, tối đa 1.000.000 đồng/người	Quy trình, thủ tục được quy định tại điểm đ, Điều 1, Quyết định số 3309/QĐ-TLĐ	Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021
15. Hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác				
Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021	Do các địa phương tự xem xét và quyết định	Do các địa phương tự xem xét và quyết định nhưng không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương	Do các địa phương tự xem xét và quyết định	01/07/2021 - 31/01/2022

PHỤ LỤC 5: Nội dung chi tiết chính sách, gói hỗ trợ về xuất khẩu, bảo vệ chuỗi cung ứng

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
1. Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến				
Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 của Chính phủ	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Bộ Công Thương có trách nhiệm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến	Nghị quyết số 105/NQ-CP, mục III.2(b)	09/09/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)
2. Giảm mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển loại I và IA				
Nghị quyết số 105/NQ-CP năm 2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 của Chính phủ	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hoạt động xuất, nhập khẩu	Chính phủ đề nghị các địa phương xem xét giảm mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển loại I và IA trên địa bàn theo tình hình thực tế của dịch COVID-19	Nghị quyết số 105/NQ-CP, mục III.3(k)	09/09/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)
3. Lùi thời gian bắt đầu thu phí tại khu vực cửa khẩu và cảng biển nêu trên đối với địa phương chưa thực hiện thu phí				
Nghị quyết 105/NQ-CP năm 2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 của Chính phủ	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Chính phủ đề nghị các địa phương xem xét lùi thời gian bắt đầu thu phí tại khu vực cửa khẩu và cảng biển nêu trên đối với địa phương chưa thực hiện thu phí để hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Nghị quyết số 105/NQ-CP, mục III.3(k)	09/09/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)
4. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện là đầu vào sản xuất trong nước				
Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 12/05/2021 về thực hiện giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; chống hành vi đầu cơ, găm hàng và vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trong tình hình dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp do Bộ Công Thương ban hành	Doanh nghiệp sản xuất	Bộ Công Thương giao cho Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, Cục Xuất nhập khẩu, các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp tìm nguồn nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện là đầu vào để đảm bảo ổn định sản xuất trong nước.	Chỉ thị số 07/CT-BCT, mục I.g	12/05/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)

Văn bản điều chỉnh	Đối tượng và điều kiện hưởng	Mức/nội dung hỗ trợ	Quy trình, thủ tục	Thời gian áp dụng
5. Giảm giá cước vận tải phục vụ xuất khẩu và nhập khẩu				
Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 21/09/2021 về thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh COVID-19 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Doanh nghiệp tham gia vào hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu nông sản	Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương có giải pháp giảm giá cước vận tải phục vụ xuất khẩu và nhập khẩu.	Chỉ thị số 26/CT-TTg, mục 3.c	21/09/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)
6. Hướng dẫn thông tin cho doanh nghiệp xuất khẩu để khuyến khích xuất khẩu chính ngạch qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính				
Chỉ thị số 14/CT-BCT ngày 29/12/2021 về tăng cường hỗ trợ tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước nhằm giảm áp lực cho thị trường xuất khẩu trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp do Bộ Công Thương ban hành	Doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu	Bộ Công Thương yêu cầu Cục Xuất nhập khẩu làm đầu mối chủ trì phối hợp với các địa phương sản xuất hướng dẫn thông tin cho doanh nghiệp xuất khẩu để khuyến khích xuất khẩu chính ngạch qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính	Chỉ thị số 14/CT-BCT, mục 1.d	29/12/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)
7. Cho phép người khai hải quan được nộp bản scan có xác nhận bằng chữ ký số qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi làm thủ tục hải quan				
Thông tư số 121/2021/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, nộp chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19	Người khai hải quan	Các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC phải nộp dưới dạng bản giấy (bao gồm: bản chính, bản sao y công chứng, chứng thực), người khai hải quan được nộp bản scan có xác nhận bằng chữ ký số qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan khi làm thủ tục hải quan. Đồng thời, nộp kèm 01 bản scan văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc áp dụng biện pháp giãn cách, cách ly hoặc phong tỏa có xác nhận bằng chữ ký số của người khai hải quan.	Thông tư số 121/2021/TT-BTC, Điều 4, khoản 2	24/12/2021 – nay (chưa xác định được ngày kết thúc)